



# THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN  
Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis Avenue de Flandre, 75019 Paris, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

№  
100

## **Xây dựng mạng lưới thông tin để đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa**

Trước thềm năm dương lịch mới chúng tôi kính gửi tới quý độc giả và thân hữu lời chúc một năm 1997 an khang và thịnh vượng.

Thông Luận bước vào năm mới với những con số tròn là năm thứ 10 và tờ báo số 100. Để kỷ niệm mốc thời gian này và biểu lộ quyết tâm góp phần của mình vào tiến trình dân chủ hóa đất nước, Thông Luận số 100 đặc biệt nhiều trang và bài viết hơn thường lệ.

Trong chín năm qua, tờ báo Thông Luận tồn tại và tiếp tục được đều đặn là nhờ những góp sức tinh thần cũng như vật chất của độc giả và bạn hữu xa gần. Đặc biệt là của các chiến sĩ dân chủ quả cảm ở trong nước. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ tất cả những đóng góp quý báu đó.

Tờ báo Thông Luận vẫn theo đuổi tham vọng là một diễn đàn chính trị có phẩm chất, có nhiều độc giả ở trong và ngoài nước để ủng hộ, hỗ trợ một cách hữu hiệu những tranh đấu cho dân chủ. Trong mục tiêu đó, tờ báo phổ biến những tư tưởng, những giá trị được coi là cơ bản của loài người trong thời hiện đại cũng như những suy tư đa dạng của người Việt về các vấn đề của đất nước. Tất cả đều nhằm xây dựng một tinh thần bao dung, một đồng thuận dân tộc rộng rãi. Như thế mới có đủ sức mạnh để thay đổi chế độ độc tài, tham nhũng và bạo ngược hiện tại. Từ đó mới có thể xây dựng, tổ chức lại đất nước trên những căn bản lành mạnh, văn minh và dân chủ nhằm bảo đảm phát triển lâu dài, hài hòa, mang lại tự do, hạnh phúc cho mọi người Việt. Đất nước từ lâu ở trong tình trạng phân hoá, lạc hậu, ở dưới ách kìm kẹp của một thành phần lãnh đạo vừa thủ cựu, bắt tài vừa tham nhũng, tàn ác nhưng cũng rất mưu mô, thủ đoạn. Cho nên tiến trình dân chủ hóa trong hòa bình gặp nhiều khó khăn, gian nan và thử thách. Công cuộc vận động dân chủ này đòi hỏi nỗ lực lâu dài và kiên trì của những người dân chủ Việt Nam. Kết hợp trong

nước với hải ngoại, người còn ở trong đảng với người ở ngoài đảng cộng sản. Nhưng "nhân nghĩa thắng hung tàn", "tình thương xoá hận thù", tiến trình dân chủ hóa đất nước trong hòa bình, hòa giải và hòa hợp dân tộc nhất định sẽ thành công vì nó phù hợp với chiều hướng tiến hóa của loài người và nguyện vọng, quyền lợi của dân tộc.

Trong niềm tin và mục tiêu nhắc lại ở trên, số báo đầu năm cũng là dịp để ban biên tập nhìn lại năm qua nhằm rút ra những ưu và khuyết điểm hầu kiện toàn nội dung cũng như hình thức tờ báo.

Về hình thức tờ báo, đầu năm 1996 chúng tôi đã thay đổi cách trình bày tờ báo chủ yếu là dùng các cột nhỏ cho dễ đọc hơn. Logo, hình ba nước Việt Nam chụm lại để vươn lên, cũng bắt đầu quen mắt và phần nào đạt được mục tiêu. Nhưng ý kiến đa số vẫn cho là tờ báo thường có quá nhiều bài viết nên cách trình bày thiếu sáng sủa, khó đọc và muốn ban biên tập chọn lựa để giảm số bài hầu có chỗ để trình bày cho thoáng và dễ đọc hơn. Đây là một công việc có vẻ dễ dàng nhưng áp dụng thường khó khăn vì thời gian tính của những bài viết nhiều khi trùng nhau, khó có thể gác một hai bài lại. Nhưng chúng tôi tin rằng khó khăn này có thể khắc phục được với sự thông cảm của các tác giả. Ít bài hơn, sáng sủa hơn và khi cần thì thêm hình ảnh, đó sẽ là phương châm trình bày báo cho năm tới.

Về quản lý, việc mua báo dài hạn và trả lời thư độc giả, chúng tôi đã quyết định tăng cường người phụ trách và thay đổi địa chỉ liên lạc từ số báo này để có thể mau chóng trả lời bạn đọc hơn.

Không kể đến tin tức thời sự, **nội dung báo Thông Luận năm 1996** có thể tóm lược trong ba chủ đề dưới đây:

### **- Tranh quyền trong đảng cộng sản**

Nhiều bài đã viết về cuộc tranh chấp quyền lực giữa hai phe bảo thủ và đổi mới

trước Đại hội 8 của đảng cộng sản. Dự thảo Báo cáo chính trị của phe Đào Duy Tùng và thư gửi Bộ chính trị của ông Võ Văn Kiệt được bình luận qua nhiều bài viết. Xin tóm lược lại những sự kiện chính trị đáng lưu ý. Lần đầu tiên tranh chấp đã được hai bên tiết lộ ra ngoài để tìm hậu thuẫn và gây áp lực. Khác biệt về đường lối kinh tế không có tính chất cơ bản vì chỉ xoay quanh số lượng ít nhiều của quốc doanh. Tranh cãi về chệch hướng hay đúng hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là những nguy hiểm nhằm triệt hạ đối phương. Từ lâu bất công, bất bình đẳng trong xã hội Việt Nam đã hơn cả thời phong kiến về nhiều mặt. Cuối cùng sau Đại hội 8, người dân Việt, một lần nữa, lại thấy là "voi để ra chuột". Cán cân có nghiêng về phe bảo thủ nhưng hai thủ lĩnh của phe này là Đào Duy Tùng, Lê Đức Anh lại bị loại vì bạo bệnh. Nói tóm lại, qua Đại hội 8, đảng cộng sản tỏ rõ sự phân hóa, không có khả năng tự đổi mới về mặt chính trị. Mâu thuẫn giữa cơ cấu quyền lực bí mật, thủ cựu và kinh tế thị trường, vì không được giải quyết, sẽ nuôi dưỡng thêm tham nhũng và làm phát triển kinh tế khủng khiếp đi xuống. Một điểm đáng lo ngại nữa là xu hướng phục tùng Trung Quốc, viện cố ý thức hệ, của một số lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam. Nếu xu hướng này phát triển thì có nguy cơ biến Việt Nam thành một tiền đồn của Trung Quốc với những hậu quả vô cùng tai hại cho dân tộc.

### **- Đấu tranh của các chiến sĩ dân chủ**

Số lượng lớn của các bài viết về các tranh đấu của những người dân chủ ở Việt Nam là một đặc điểm thứ hai của báo Thông Luận trong năm qua. Năm 1996 bắt đầu bằng các phản đối công khai ở trong và ngoài nước về việc đàn áp, tù đầy các ông Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà. Hà Sĩ Phu bị bắt, bạn ông, Tiêu Dao Bảo Cự hiện ngang, qua trả lời các phỏng vấn và các bài viết cho báo chí hay đài phát thanh ở hải ngoại, đã lên án việc đàn áp trí thức, đòi hỏi chính quyền tôn trọng hiến pháp.



Tóm tắt, ông yêu cầu dân chủ hóa đất nước và bày tỏ các quan điểm của một chiến sĩ dân chủ về các vấn đề của đất nước, bất chấp những đe dọa, đàn áp của đảng. Sự ủng hộ công khai, ngày một nhiều hơn của trí thức, văn nghệ sĩ trong và ngoài nước là một dấu hiệu chứng tỏ phong trào phản kháng của trí thức Việt Nam đã được mở rộng và tiến thêm một mức. Đó cũng là một trong những áp lực khiến chế độ đã phải dè dặt hơn trước trong việc đồ tộ và kết án các chiến sĩ dân chủ. Công cuộc tranh đấu cho dân chủ còn kéo dài vì chế độ độc tài còn ngoan cố. Hà Sĩ Phu được thả nhưng chính quyền lại gây áp lực nặng nề trên Tiêu Dao Bảo Cự. Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt vẫn bị biệt giam. Nguyễn Đình Huy và sáu chí hữu vẫn ở tù. Các Thượng tọa Trí Siêu, Tuệ Sỹ ở trong tù từ năm 1988. Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị kết án năm năm tù vào năm 1995 và hòa thượng Huyền Quang tiếp tục bị quản chế...

Hai điểm đáng lưu ý khác trong năm qua là lời kêu gọi thành lập một mặt trận dân chủ của ông Nguyễn Hộ và sự xuất hiện của tờ báo *Người Sài Gòn*, một trong những tờ báo "chui" ở Việt Nam. Lời kêu gọi vào tháng 2-1996 của ông Nguyễn Hộ đã gây tiếng vang và được nhiều hưởng ứng nhưng tiếc rằng sau đó ông bị cô lập hoàn toàn và vì nhiều lý do lẫn áp lực nên đã không nhận là tác giả lời kêu gọi nữa. Đặc điểm của tờ báo "Người Sài Gòn" là vạch trần những thủ đoạn tham nhũng và tranh quyền trong nội bộ đảng của phe thủ cựu. Bắt đầu từ số báo 93 tháng 5-1996 cho đến nay, chúng tôi đã trích đăng, phổ biến hàng tháng các bình luận châm biếm rất đặc biệt của tờ báo này. Nói chung, khẩu hiệu "Mở rộng diễn đàn ủng hộ những chiến sĩ dân chủ" của báo Thông Luận, đưa ra vào đầu năm 1996, đã được áp dụng triệt để.

#### - Trình bày ý kiến, quan điểm...

Các bài nghiên cứu về kinh tế, ngoại giao, văn học... cùng như các bài bình luận về tình hình thế giới là những bài viết công phu, cần thiết. Không những làm cho tờ báo bớt nhàm chán nếu chỉ giới hạn vào Việt Nam, các bài viết thường bày tỏ quan điểm của người dân Việt ở một nước Việt Nam độc lập nhưng hội nhập vào cộng đồng quốc tế. Một số bài còn nhằm rút ra những bài học về tổ chức xã hội hay xây dựng dân chủ từ kinh nghiệm của các

nước láng giềng hay có hoàn cảnh tương tự Việt Nam. Về mặt tư tưởng chính trị, những bài tiểu luận, phê bình của bạn đọc về Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên do Thông Luận xuất bản vào tháng 6-1996, là một khích lệ lớn đối với các tác giả của dự án và là công việc chúng tôi thiết nghĩ phải tiếp tục làm trong thời gian tới. Sau cùng là các bài viết về sinh hoạt cộng đồng hải ngoại trên những sự kiện hay biến cố quan trọng. Mục đích là để thông tin hay nhằm xây dựng một cộng đồng lành mạnh. Tiếc rằng, tình hình sôi động bên nhà năm qua đã chiếm quá nhiều chỗ cho nên đã không có được nhiều bài viết trong lãnh vực này.

**Trong năm 1997**, ngoài những nhiệm vụ cụ thể như thông tin, bình luận về chính trị để ủng hộ những chiến sĩ dân chủ ở trong nước cũng như vai trò là một diễn đàn nghiêm túc về các vấn đề của đất nước, chúng tôi **dự tính làm thêm hai công việc dài hạn**:

- Bắt đầu từ số báo này và cho đến cuối năm 1997, mỗi tháng chúng tôi sẽ dành một số trang cho mục "*Không quên các tù nhân chính trị Việt Nam*". Mục đích là để nhắc nhở rằng Việt Nam có nhiều con người quả cảm đang bị tù đầy nghiệt ngã. Họ bị kết tội chỉ vì dám nói lên tiếng nói của lương tri, dám đòi hỏi những nhân quyền cơ bản như tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận... Những tấm gương quả cảm đó phải là động lực để lôi cuốn người Việt vào những hình thức tranh đấu đa dạng cho tự do, dân chủ và nhân quyền. Nhiều người nghĩ rằng hiện nay ở nhà đã có quyền làm ăn. Quyền đó trên thực tế chỉ dành cho con cháu, họ hàng, bè bạn các quan lớn của chế độ. Nhưng kiểu làm ăn bằng móc ngoặc, quyền thế để vơ vét ngắn hạn đó không có lợi lâu dài, không có lợi chung cho xã hội. Thật vậy, phát triển hiện nay đương khựng lại vì tham nhũng, bất tài của giới lãnh đạo. Tham nhũng không có cách gì ngăn chặn vì chính chế độ độc tài, bùng bít là mẹ nuôi của "quốc nạn" đó. Chưa kể đến số nợ quốc tế của Việt Nam ngày một gia tăng mà thế hệ tới sẽ phải trả.

- Chúng tôi mong muốn sẽ cùng với các báo chí và các cơ quan truyền thông của người Việt xây dựng một mạng lưới thông tin và những ngân hàng về tài liệu, dữ kiện liên quan đến cuộc tranh đấu cho

dân chủ ở Việt Nam. Công việc này ở hải ngoại trên thực tế đã tiến hành được ít nhiều qua việc trao đổi tài liệu, tin tức với tinh cách bè bạn trên mạng lưới thông tin quốc tế, dưới nhiều hình thức. Trình độ phát triển phổ biến hiện nay của truyền thông, tin học cùng mạng lưới thông tin, trao đổi dữ kiện quốc tế, cho phép thực hiện công việc này một cách dễ dàng hơn. Một mạng lưới thông tin và những ngân hàng tài liệu, dữ kiện sẽ cho phép người Việt làm việc một cách khoa học và chính xác hơn tình trạng nhiều lúc vô đoán, thiếu kiểm chứng như hiện nay.

Thế kỷ thứ 21, như dự đoán của nhiều chuyên gia, sẽ là thế kỷ của truyền thông đa dạng (multimédia). Cách mạng của điện tử, truyền thông, tin học từ khoảng hai thập niên nay đang thay đổi tận gốc rễ, nếp sống, cách sinh hoạt, cách làm việc và tổ chức xã hội của các nước văn minh Tây Âu. Thông tin nhanh chóng, trao đổi dữ kiện, tạo điều kiện dễ dàng cho hiểu biết, phát minh và sáng tạo là mục tiêu ganh đua của các nước, các khối kinh tế, là nguồn gốc của phát triển. Trong khi đó, chế độ độc tài ở Việt Nam vì thiếu cận và chỉ lo sợ cho quyền lực bất chính của mình, vẫn tìm cách bùng bít thông tin về mọi mặt, nhất là về văn hóa, tư tưởng, chính trị. Chính sách đó đi ngược lại phát triển, đi ngược lại nguyện vọng và quyền lợi của người Việt Nam nên bằng mọi cách phải được bãi bỏ. Trong hoàn cảnh hiện tại, những người dân chủ trong và ngoài nước có thể dùng những phương tiện thông tin hiện có ở Việt Nam để vượt hàng rào bùng bít của chế độ. Ngăn chặn thông tin hiện nay không khác gì lấy thúng úp voi. Đảng cộng sản sẽ không làm được trừ phi từ bỏ kinh tế thị trường và sự hội nhập vào cộng đồng thế giới. Hai điều này, phe bảo thủ dù có muốn cũng không thể làm được.

Cuối cùng xin nhắc lại là tờ báo Thông Luận chỉ sống được nhờ việc mua báo dài hạn của độc giả và đóng góp của anh chị em chủ trương cũng như sự giúp đỡ của các thân hữu.

Thay mặt ban biên tập, một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm ơn các ân nhân và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của mình.

**Vũ Thiện Hán**

# Thông Luận lên mười

Phạm Ngọc Lân

Thông Luận số 100 ra mắt độc giả, cũng là đánh dấu ngày "lên mười tuổi", nói theo các cụ ta ngày xưa. Đối với bàng quan thiên hạ, "lên mười chẳng phải là chuyện gì ghê gớm. Nhưng đối với các anh chị em đã tham gia nuôi dưỡng nó, nâng niu, bảo vệ nó qua bao cơn bão táp thì đây quả là một dấu mốc quan trọng. Còn các bạn đã có mặt từ khi chuẩn bị ra số 0 tức là số "nháp" ("beta-testing" theo ngôn ngữ thời thượng), cũng không bỏ lỡ cơ hội này để ôn lại những bước đầu chập chững, những kỷ niệm vui buồn của "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy".

Tháng 1 năm 1988, Thông Luận ra mắt số đầu tiên. Lời phi lộ như muốn phân bua: "*Lại thêm một tờ báo?*" Thật vậy, thuở ấy chúng ta đã có rất nhiều báo: "*Báo sống, báo đã chết, báo không biết còn sống hay đã chết. Chúng ta đã có vô số báo.*" (Thông Luận số 1, trang 1). Cho nên ít ai trong nhóm chủ trương nghĩ tới ngày mình ra mắt số 100. Nhưng Thông Luận cứ lững thững mỗi năm ra 11 số, chín năm 99 số, và số 100 cũng là kỷ niệm ngày bước vào năm thứ 10.

Giữa năm 1987, một nhóm "không tên" - dù đã khăng khít với nhau từ 1982 và đã tung ra tập "*Cơ sở tư tưởng*" - quyết định ra một tờ báo. Một tờ báo chính trị với cao vọng làm diễn đàn cho một cuộc thảo luận bộc trực "*trong đó không có vấn đề nào cấm nêu ra, cũng không có ý kiến nào cấm bàn đến*" (TL 1, tr. 2).

Công việc đầu tiên - có thể nói đơn giản nhất - là tìm cái tên cho tờ báo tương lai cũng đã tốn lắm công sức. Tên phải làm sao để gọi lên được chủ trương của tờ báo, và cũng đồng thời đừng trùng với tên các báo khác. Trong một buổi họp tại số 24, Square des Cottages, Athis-Mons - "tòa soạn" tương lai - mọi người đồng ý lấy tên "Nước Việt" gọi cảm cho độc giả ý hướng về quê hương. Thế là ban kỹ thuật hý hoáy sáng tác cái

"manchette" với tên "Nước Việt", kèm theo một bản đồ Việt Nam nắn nét mãi mới vẽ được trên máy Macintosh, đồng thời với việc sáng chế bộ chữ Việt vì lúc đó thị trường Pháp chưa có bộ chữ Việt Nam như bây giờ. Khi sắp sửa ra số 0 thì mới khám phá ra một tờ báo đã mang tên "Nước Việt" xuất bản bên Thụy Sĩ. Thế là lại họp, lại bàn, và một người nào đó đã đề nghị "Thông Luận", chỉ là tiếng thu gọn của "Thông tin Nghị luận" nghe ra "không giống ai" cho chắc ăn là không trùng tên với ai cả. Và cái manchette phải làm lại, nhưng bản đồ Việt Nam đã vẽ rồi nên vẫn giữ làm kỷ niệm cho cái tên nguyên thủy đã chọn.

Ngay những số đầu, phản ứng của độc giả đã nồng nhiệt. Ông Nguyễn Thái Lân ở Nam Cali, một vị lão thành trong làng báo ở Sài Gòn trước đây, khuyến khích: "*Đường quý báo đã khởi hành tôi nghĩ là đúng, xin cứ thế mà tiến lên*" (TL 2, tr. 15). Ông Phạm Phúc Hưng ở San José đón nhận "*mỗi số Thông Luận là một luồng không khí mới trong lành cho những ai đang suy tư về hiện tình đất nước*" (TL 5, tr. 15). Ông Lê Văn Thái ở San Diego nhận định "*Thông Luận đã hiện diện đúng lúc, đã nói lên những điều cần nói, đáng nói để những ai còn chút tâm tư Việt nên ghi nhận để suy ngẫm xét lại mình, nhìn lại những ngày qua để có thể thực sự chấm dứt một giai đoạn lịch sử và khởi hành vào một kỷ nguyên mới*" (TL 6, tr. 15). Ông Quốc Hùng viết từ Bắc Kinh: "*Tình cờ đọc bài 'Phát minh lại môn kinh tế học' của ông Lê Văn Đăng. Các nhận định của ông tôi thấy xác đáng và khách quan. Rất đồng ý với ông và hy vọng có ngày được diện kiến*" (TL 6, tr. 15). Nhạc sĩ Phạm Duy viết những lời chân thành "*để chia sẻ ý nghĩ đồng thuận mà Thông Luận đã nói tới trong Lá thư tòa soạn số 1, nhất là để đồng ý với anh Nguyễn Gia Kiểng về bài 'Vượt lên trên ngày 30 tháng 4'*" (TL 7, tr. 15).

Chính bài "Vượt lên trên ngày 30

tháng 4" này trong Thông Luận số 5, đã là ngòi nổ cho những phản ứng của một số người, khi tác giả mạnh dạn mổ xẻ thực chất của "phe quốc gia": "*Năm 1946, khi các lãnh tụ nòng cốt của phe quốc gia bỏ trốn sang Trung Hoa, lực lượng của phe quốc gia kể như đã bị xóa bỏ*". Trong guồng máy của Quốc Gia Việt Nam thời quốc trưởng Bảo Đại, đại bộ phận guồng máy nhà nước gồm "*những người mà ta có thể xem như những đứa cháu nội, cháu ngoại của cô Tư Hồng*". "*Ông Ngô Đình Diệm trên thực tế cũng chỉ là trung gian, mặc dầu là một trung gian có bề thế hơn và có tư cách hơn những người trung gian trước ông, để thi hành chính sách của Mỹ tại Việt Nam*". Đến chính quyền Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu, "*họ quá tầm thường và đã chọn con đường tiếp tục sự nghiệp của những đứa cháu nội, cháu ngoại cô Tư Hồng thay vì tiếp tục sự nghiệp dựng nước và giữ nước từ ngàn năm trước của ông cha*". Nhưng cô Tư Hồng là ai? Nhắc lại chuyện cũ: trong khi Nguyễn Khuyến, người đại diện tiêu biểu nhất của giai cấp sĩ bỏ về quê làm ruộng, thì "*cùng lúc ấy cô Tư Hồng, một cô gái giang hồ lấy viên thiếu tá quân trấn người Pháp tại Hà Nội và trở thành một mệnh phụ phu nhân kiểu mới. Một giai cấp đã rút lui nhường chỗ cho một giai cấp khác*" (TL 5, tr.3,4,5). Từ đấy, Nguyễn Gia Kiểng được anh em tặng cho hân danh "kỳ sự khiêu khích".

Nhưng có lẽ sự kiện gây sóng gió và đồng thời làm cho nhiều người nghe nói đến Thông Luận dù chưa hề thấy mặt ngang mũi dọc nó ra sao là vào dịp kỷ niệm Thông Luận được một tuổi, "*Thôi nơi*", nói theo kiểu Quân Mỹ Lan (TL 12, tr. 16). Trong buổi ra mắt này, có người chất vấn về cụm từ "Hòa giải và hòa hợp dân tộc" đã được dùng làm mở đầu cho bài viết của Phạm Ngọc Lân "*Một tập hợp dân tộc mới*". "*Nói đến hòa giải và hòa hợp dân tộc, chúng ta không khỏi liên tưởng đến những gì xảy*

ra cho đất nước cách đây mới mười mấy năm. Những từ hoa mỹ này đã trở thành biểu tượng cho một sự lừa bịp khổng lồ". "Nhưng có phải vì vậy mà ta không nên nhắc đến các từ này nữa không?". Thật ra bài viết này chỉ khai triển một chương trong tập "Cơ sở tư tưởng" đã được phổ biến trước đó, và đã không gặp một chống đối nào cả. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt then chốt: "Cơ sở tư tưởng" không dùng cụm từ "Hòa giải và hòa hợp dân tộc". Nhưng sự lựa chọn cụm từ này không phải là ngẫu nhiên: "Chúng ta phải khẳng định, và sẵn sàng nhắc lại trăm nghìn lần nếu cần, lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc, dù chúng ta có bị những đả kích xuyên tạc của những người hoặc chưa hiểu, hoặc chỉ hờ hết một cách vô trách nhiệm để thỏa mãn những tình cảm hần học". Bài viết kết luận: "Như vậy, đối với những người thực sự yêu nước, hòa giải và hòa hợp dân tộc không phải chỉ là một lời hô hào suông để thỏa mãn một tình cảm. Đó còn là một yêu cầu kỹ thuật". (TL 12, tr. 7).

Một chuyện éo le chung quanh sự kiện này: anh Trần Thanh Hiệp, từng được biết đến như một người tranh đấu chống cộng dày dặn kinh nghiệm, khi thảo luận với các bạn trong nhóm về việc có nên dùng cụm từ "Hòa giải và hòa hợp dân tộc" không, là người chống đối mạnh nhất, vì anh cho rằng tâm lý của những nạn nhân cộng sản rất dị ứng với cụm từ này, sẽ không có lợi. Nhưng anh bị rơi vào thành phần thiểu số nên đành phải theo luật chơi dân chủ mà chấp nhận quyết định của đa số. Oái oăm thay, chính anh lại là người bị những đả kích nặng nề nhất, bị một số bài báo nêu đích danh và đánh toi bồi vì lập trường "hòa giải và hòa hợp dân tộc" bị xuyên tạc thành "hòa hợp hòa giải với cộng sản".

Nhưng Thông Luận vẫn tiếp tục con đường đã vạch ra. Để "đóng cái đinh sâu thêm" - nói theo kiểu Tây, - số 14 đăng bài "Hòa giải và hòa hợp dân tộc" của Nguyễn Gia Kiểng, trong đó các tiêu đề lặp đi lặp lại cụm từ này như một leit-motiv: "Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một lẽ tự nhiên", "Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một bất buộc của lịch sử", "Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một yêu

cầu của bối cảnh quốc tế", "Hòa giải và hòa hợp dân tộc là chiến lược cần phải có để đánh bại chính quyền cộng sản". "Ngôn ngữ chống cộng thái quá là ngôn ngữ có lợi cho chế độ cộng sản, trái lại những thông điệp đầy tình anh em gửi đến những người đã hoặc đang ở trong guồng máy cộng sản lại là những trái phá bắn vào trong lòng chế độ" (TL 14, tr.3,4,5). Kinh nghiệm chín năm qua chúng tỏ điều này đúng.

Trong thời kỳ này, nếu phải liệt kê hết những bài viết trên Thông Luận chung quanh đề tài trên thì e quá nhiều, chỉ xin nhắc lại đây "Về lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc" của Lê Nhật Thăng, một độc giả ở Georgia, Hoa Kỳ (TL 16), "Vấn chuyện hòa giải hòa hợp dân tộc" của Nguyễn Điều, một nhân sĩ Phật giáo ở Paris (TL 19), "Vấn đáp về hòa giải hòa hợp dân tộc" của Phan Phúc Vinh, một thân hữu ở Berlin (TL 20), "Hòa giải?" của Phạm Trọng Luật (TL 29). Qua những năm sau, đề tài này còn được các anh em trong nước tham gia, điển hình là bài "Hòa giải hòa hợp dân tộc và giao lưu văn hóa" của Tiêu Dao Bảo Cự (TL 74, tr.20).

Nói đến Phạm Trọng Luật không thể quên bài "Phong Thánh" nổi tiếng vì được một cựu chính khách nhắc lại trong không biết bao nhiêu bài viết để đả kích Thông Luận về tội "phong thánh cho Hồ Chí Minh". Vị chính khách này cố tình lờ đi những đoạn văn của Phạm Trọng Luật về Hồ Chí Minh như: "Ông Hồ đã nhằm lần khi ông chọn lựa đưa đất nước tiến lên dưới ngọn cờ của một chủ nghĩa lấy đấu tranh giai cấp làm nền tảng". "Ông Hồ là một người có sự nghiệp, và nhìn dưới khía cạnh quốc tế, sự nghiệp đó thật là vĩ đại; nếu một ngày kia, tất cả thế giới đều quy về một mối dưới ngọn cờ búa liềm, tất cả loài người trở thành một thứ nhân loại vô sản, sự nghiệp đó còn hiển hách hơn nữa". "Ông Hồ có một sự nghiệp, và nhìn dưới khía cạnh dân tộc, sự nghiệp đó thật là một tai họa cho tổ quốc của ông, nếu đánh giá khách quan qua thực trạng của Việt Nam ngày nay". "Nếu chỉ vì giết hại một số công thần, nghĩa sĩ, mà những người có công to với đất nước - như Lê Lợi - ngày xưa, đã không được người đương thời và hậu thế khâm phục

đủ để tôn thờ, thì không có lý do gì để người đời nay phải phong thánh cho một người thiếu cả điều kiện cần lẫn điều kiện đủ để được hưởng vinh dự đó như ông Hồ!". Nhưng tác giả không kêu gọi hận thù mà trái lại: "Một ngày mai, tôi hy vọng sẽ rất gần đây, khi nước non thật sự thanh bình, anh em ta về, nếu có một đài chiến sĩ chung cho tất cả những người đã hy sinh vì Việt Nam, chúng ta sẽ đến đó cầu nguyện. Nếu lăng ông Hồ còn, chúng ta - dù đã chiến đấu trong hàng ngũ nào - cũng nên đến đó cầu nguyện, một cách để nói, với nhau và với mai sau, là anh em ta đã quên hết những bài học hận thù" (TL 20, tr. 5, 6, 7). Nhắc lại dài dòng như thế để nêu lên một trường hợp điển hình của việc trích đăng một đoạn văn để bóp méo ý của toàn bài. Tiếc thay, những hành vi tương tự vẫn diễn ra hằng ngày trong cộng đồng của chúng ta.

Nhưng có những chỉ trích bộc trực của bạn bè rất đáng được quan tâm. Anh em vẫn nhớ đoản văn "Chữ Khiêm" của Tuyết Chi, một bút hiệu của Đặng Tiến: "Nhiều người chống Thông Luận, vì lập trường tờ báo; có kẻ ghét chỉ vì cái giọng trích thượng. Cũng dễ hiểu thôi. Một phường thư sinh mặt trắng, không quần chúng, không tài sản, không thành tích, thậm chí khi cần ấu đã thì sức cũng không bằng quần hùng hải ngoại. Thế mà khi ăn nói, thì anh nào cũng như anh nào, nói như bố người ta. Chê kẻ kia dốt, khen kẻ này thông minh... ngang với kẻ kia. Nhân loại gồm ba thành phần: bị thua, bị lừa và... bị bọm. Chính khách ngủ ngày, khác nhau, hơn nhau ở... tiếng ngáy, v.v... Nay Thông Luận, các anh là ai, và tưởng mình là ai?" (TL 25, tr. 15). Đặng Tiến sau đó đã viết nhiều bài giá trị về văn học trên Thông Luận, trong đó bài "Viết cho ngày giỗ Hàn Mặc Tử" (TL 33, tr.18) còn được nhiều người nhắc đến.

Ôn lại những vui buồn của anh chị em Thông Luận không thể quên được một vết thương của nhóm và cũng là một vết nhơ trong sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại. Ngày 16 tháng 4 1990, tại thị xã Nijmegen xứ hoa tuy-líp hiền hòa, trong buổi họp mặt thân mật ra mắt Thông Luận Hòa Lan, một toán người có chủ mưu rõ rệt đột

nhập vào phòng họp đập phá và hành hung các người tham dự, gây đổ máu cho hai bạn Nguyễn Gia Kiểng từ Pháp qua và Đặng Minh Kỳ đại diện của Thông Luận Hòa Lan. Những người tổ chức vụ hành hung này quên rằng dư luận luôn luôn sáng suốt để nhận biết đâu là lẽ phải, nên mặc dù những xuyên tạc về vụ hành hung mà họ tìm cách phổ biến trên một số báo, nhóm Thông Luận lại được thêm cảm tình của nhiều người, và càng ngày càng quy tụ thêm nhiều anh em và thân hữu.

Nói đến thân hữu lại nhớ đến các buổi họp thân hữu Thông Luận, mà buổi đầu tiên được tổ chức trong khuôn viên nhà thờ Saint Marcel, quận 13 Paris, ngày chủ nhật 12 tháng 3 -1989. Người viết đúc kết buổi họp này là ông Nguyễn Vô Kỳ dưới bút hiệu Trần Phúc Văn (TL 15, tr.12). Một năm sau, ngày 18 tháng 3 1990, cùng ông Nguyễn Vô Kỳ là người được mời dẫn nhập phần thảo luận về hòa giải và hòa hợp dân tộc, chính vì ông tuyên bố trong một buổi họp trước đó là không đồng ý với lập trường này. Buổi họp tại Maison des Mines, đường Saint Jacques, quận 5 Paris đã diễn ra trong một không khí khác thường vì một số người lạ mặt không phải thân hữu và chắc cũng chưa bao giờ đọc Thông Luận đến để ủng hộ ông Nguyễn Vô Kỳ. Một tháng sau, vài người trong số đó đã có mặt trong vụ bạo hành tại Hòa Lan.

Nhưng đó chỉ là "ngoại lệ xác nhận quy luật". Biết bao buổi họp thân hữu Thông Luận khác đã diễn tiến tốt đẹp, thắt chặt thêm mối dây thân hữu giữa những người có khi đến từ những chân trời rất khác nhau. Đặc biệt trong ngày "Hội luận dân chủ đa nguyên" 27 tháng 10 năm 90, 24 thuyết trình viên đã trình bày 31 bài tham luận trước một cử tọa 200 người tham dự từ sáng đến chiều (TL 32), và toàn văn các bài tham luận sau đó được in thành sách. Chuyến Đông Du qua Tiệp Khắc và Đông Đức cũ tháng 5 năm 91 đã tạo nhịp cầu thông cảm với các anh em đến từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và nay đang tranh đấu đòi dân chủ cho đất nước. Tại thời điểm này, anh em Đông Âu xuất bản các tờ Cánh én, Điểm Tin Báo Chí, Diễn Đàn Praha, Tia Sáng (TL 39, tr.10) làm phương tiện đấu tranh. Từ đó, các anh

chị em sống tại các nước Đông Âu cũ trở thành những độc giả trung thành của Thông Luận. Lập trường cởi mở của Thông Luận cũng được tiếp nhận với nhiều thiện cảm bởi những thành phần tiến bộ trong guồng máy của chính quyền cộng sản, điển hình là ông Bùi Tín, lúc đó là phó tổng biên tập báo Nhân Dân, phổ biến tại Pháp "Bản kiến nghị của một công dân". Ngay sau sự kiện đó, anh em đã tiếp xúc với ông trong vòng thân mật (TL 36, tr.10) và sau này tác giả Bùi Tín viết thường xuyên trên mặt báo. Một trường hợp khác là giáo sư Nguyễn Bá Hào, một cựu đảng viên lâu đời của đảng cộng sản, cũng cộng tác chặt chẽ với anh chị em sau khi ra khỏi đảng và tán thành lập trường của nhóm.

Cuộc đấu tranh cho dân chủ đa nguyên và lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc, cũng như chủ trương bất bạo động đã chiếm được cảm tình của nhiều thành phần trong nước. Thông Luận cố gắng rất nhiều để phổ biến về quốc nội, và tuy có khó khăn nhưng cũng đạt được những kết quả cụ thể. Thực tế là tờ báo đã tương đối đều đặn đến được tay những trí thức ở quê nhà đang quan tâm đến tình hình đất nước. Ngược lại, anh em cũng theo dõi thật sát hoàn cảnh của những người đấu tranh cho dân chủ trong nước. Đầu tiên là bác sĩ Nguyễn Đan Quế và Cao trào Nhân bản được thành lập bằng bản tuyên ngôn ngày 11 tháng 5 năm 90, Thông Luận đã rất sớm phổ biến lập trường của tổ chức và đã báo động dư luận thế giới khi Nguyễn Đan Quế bị bắt một tháng sau đó, ngày 14 tháng 6 (TL 29, tr. 3). Rồi đến giáo sư Đoàn Viết Hoạt và nhóm Diễn Đàn Tự Do, Thông Luận đã lên tiếng báo động và bênh vực trước khi các thành viên của nhóm này bị xét xử, và sau đó đã phổ biến đều đặn các bài viết của Đoàn Viết Hoạt viết từ trong tù.

Cuối cùng - và có lẽ quan trọng hơn cả - phải nhắc đến những cố gắng của anh em để Thông Luận trở thành diễn đàn của những người dân chủ trong nước, vốn không thể dùng các phương tiện của nhà nước để nói lên lập trường của mình. Ngay từ số 2, đã có bài của Đoàn Cơ là bút hiệu một thân hữu trong nước, gửi tin tức ra ngoài một cách đều

đặn trong gần bốn năm liền. Tháng 5 năm 91, Thông Luận giới thiệu "*Kiến nghị về một chương trình cấp bách*" của Phan Đình Diệu (TL 38, tr.7). Nhưng chức năng làm diễn đàn dân chủ cho người trong nước thực sự phát triển vào giữa năm 93 với bài "Đất tay nhau, di dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ" của Hà Sĩ Phu, một trí thức ở Đà Lạt đã viết bài này từ 1988 (TL 60, tr.11) và lần đầu được phổ biến tại hải ngoại. Từ đó, Hà Sĩ Phu trở thành một cái tên quen thuộc trong cộng đồng người Việt, và Thông Luận tiếp tục giới thiệu các tài liệu do ông soạn như "Đôi điều suy nghĩ của một công dân" (TL 66, tr.22), "Chia tay ý thức hệ" (TL 89, tr.4) cũng như lên tiếng báo động với dư luận quốc tế khi Hà Sĩ Phu bị bắt và bị kết án tù. Tiêu Dao Bảo Cự, một người bạn của Hà Sĩ Phu, cũng ở Đà Lạt, tác giả cuốn "Năm đời nhìn lại" (TL 77, tr.22) được xuất bản bên Hoa Kỳ sau khi một thành viên Thông Luận về nước tiếp xúc và đem bản thảo qua, trở thành một cộng tác viên thường xuyên của Thông Luận. Và phải kể đến bài vở của Nam Long, Lê Dã Dương, Hồ Hiếu, Lê Trí Viễn, Vũ Hoài, Phùng Quán, Hoàng Minh Chính, Trần Minh Thảo, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Thích Quảng Độ, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, v.v... và gần đây những bài trên báo "chui" tại Sài Gòn mang tên "Người Sài Gòn".

Thông Luận qua chín năm góp mặt trong giới truyền thông cộng đồng người Việt, qua ba đời chủ nhiệm - Bùi Quang Hiếu, Phạm Ngọc Lân, Vũ Thiện Hân - vẫn cố gắng giữ chủ trương lúc ban đầu: tờ báo không chỉ nhắm vào độc giả trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại mà còn hướng tới những bạn đọc ở trong nước. Và - như Tiêu Dao Bảo Cự trả lời thăm vấn của công an Đà Lạt đầu tháng 12 năm 96 vừa qua khi họ buộc anh vào "tội" gửi những bài viết ủng hộ dân chủ đa nguyên để đăng trên Thông Luận - trong một nước mà chính quyền cấm tất cả các tờ báo đối lập, dù ôn hòa, mặc dù hiến pháp có ghi đầy đủ quyền tự do ngôn luận, thì đối lập dân chủ phải mượn các báo ở hải ngoại để làm diễn đàn là chuyện thường tình.

Thông Luận rất vinh dự là một trong những diễn đàn dân chủ đó.

**Phạm Ngọc Lân**

# Tự sự cuối năm

Những năm gần đây tôi thường suy nghĩ về bản chất con người và xã hội. Tôi không dựa trên cơ sở triết học hay ý thức hệ chính trị nào mà chỉ thông qua soi rọi tự thân, quan sát người khác và xã hội. Có lẽ điều chi phối quan trọng nhất đối với con người là lòng kiêu căng và tính bảo thủ. Mỗi người ở một mức độ và các thể hiện khác nhau thường cho mình là đúng và muốn bảo vệ quan điểm của mình, bác bỏ người khác, từ việc nhỏ cho đến việc lớn. Khi có đôi chút trí tuệ, kiến thức, tài năng, tiền bạc hay quyền lực sự kiêu căng và bảo thủ càng lớn. Từ đó phát sinh ra mâu thuẫn xung đột, phân ly. Và khi tình trạng này choàng phủ thêm ý thức hệ, chủ nghĩa hay chủng tộc tôn giáo mang tính cuồng tín giáo điều, sự mâu thuẫn xung đột sẽ dẫn đến đối kháng, hận thù, máu lửa. Đó là thảm kịch thường xuyên diễn ra trong lịch sử loài người.

Việc tự phán là một điều khó khăn, ăn năn sám hối lại càng khó khăn hơn nữa bởi muốn làm được điều này phải giảm bớt hay tiêu diệt lòng kiêu căng và tính bảo thủ. Từ đó con người mới có thể hiểu được chính mình, thông cảm với người, mở ra lòng bao dung và tình yêu thương rộng lớn. Những điều này chẳng mới mẻ gì, các tôn giáo, các triết học nhân bản đều đã từng nói đến. Ai làm được như thế sẽ trở thành thánh nhân nhưng thánh nhân thật hiếm hoi. Người ta ngưỡng mộ tư tưởng thánh nhân chứ bắt chước thánh nhân lại vô cùng khó. Trong mọi hoạt động của xã hội, mỗi người đều có phần đóng góp của mình. Từ chị quét đường đến nhà khoa học, người lãnh đạo, mỗi người đều chịu ơn xã hội, đó là bài học vỡ lòng làm người, ai cũng đã từng học từ thuở mới cắp sách đến trường. Trong mọi hoạt động đó, sự chi phối mạnh mẽ sâu xa nhất ảnh hưởng đến số phận hàng triệu người là sự vận động của quyền lực chính trị. Và điều đáng buồn nhất là phần lớn những người nắm quyền lực chính trị, do chính vị trí của mình, lại trở nên những người kiêu căng bảo thủ nhất, độc đoán nhất, đối trá nhất và cũng tàn bạo nhất. Khi họ nhân danh những điều tốt đẹp nhất và chính họ đầu tiên cũng có thể là những người tốt nhất.

Nhiều khi tôi muốn tu. Tu nghĩa là đắm mình trong thiền định, quên hết mọi giới và bản thân để hòa nhập làm một với ý thức tối cao trở về cội nguồn hạnh phúc của con người và vũ trụ. Tu cũng có nghĩa

là làm những việc rất nhỏ bé để giúp đỡ những người chung quanh vượt qua nỗi khổ đời thường và tìm được bình yên cho tâm hồn. Nhiều khi tôi muốn dành trọn thời gian sáng tác cho văn học. Không cần viết nhiều chỉ một vài tác phẩm thôi, nhưng mang chứa được cái gì sâu xa tinh tế nhất có thể làm rung động lòng người hướng về những giá trị phổ quát và vĩnh cửu để lại một dấu ấn nhỏ nhoi nhưng riêng biệt của mình trong cuộc sống trần gian. Nhiều khi tôi muốn trồng cây bọp nắm đất tươi tốt nồng ấm trong lòng bàn tay, nhỏ từng rễ cỏ độc, bắt từng con sâu phá hoại, tưới từng gào nước mát và cây đâm trồi, hé nụ, nở hoa kết quả. Bóng mát tỏa trong vườn, tỏa trong đời, ngấm đóa hoa đông đưa, gởi hương theo gió thoảng.

Nhưng tiếng gọi tự do và lòng phản kháng chính trực cứ vang động thôi thúc trong lòng tôi. Từ bao giờ những điều này đã thấm vào máu xương và hơi thở, làm sao tôi và người khác có thể sống mà không được quyền nghĩ, nói theo ý mình. Làm sao những người làm việc cật lực đổ mồ hôi sôi nước mắt vẫn sống nghèo khổ trong khi những kẻ lười biếng chỉ mùa môi mấp lại sống xa hoa phê phôn. Làm sao nhiều kẻ thiếu tài thiếu đức, lại muốn độc quyền cai trị đất nước, chi phối cả thế giới trong khi nhiều người trí tuệ tài năng lại chỉ biết phải vâng lời khuất phục. Làm sao những ý thức hệ chủ nghĩa và cả lòng tham, sự ngu dốt phi nhân độc ác vẫn cứ thống trị toàn xã hội. Những điều này có thể xảy ra với bất cứ chế độ chính trị, bất cứ người lãnh đạo nào nếu xã hội không có một cơ chế hãm cần thiết và thích hợp. Do đó hơn ai hết, những người lãnh đạo cần được phê phán và phải lắng nghe phê phán. Vì thế tôi thấy cần phải làm một cái gì đó khác hơn đi tu, sáng tác, trồng cây.

Điều nhỏ bé đầu tiên có thể làm được là viết, nói thẳng, nói thật. Nhưng trong hoàn cảnh VN hiện nay, thì chừng đó thôi cũng không phải dễ dàng. Một ngày nào đó, công an sẽ đưa giấy mời gọi anh lên thẩm vấn. Nửa đêm, nhà anh sẽ bị khám xét, báo, tài liệu của anh bị tịch thu. Điều anh nói hay viết, dù mới là trong bản thảo sẽ được soi kính hiển vi để truy tìm những mầm mống phản động. Điện thoại anh bị theo dõi, thư từ anh bị kiểm duyệt, lấy mất. Mỗi quan hệ của anh với bất cứ ai sẽ bị điều tra. Nghĩa là anh sẽ bị tứ bề vây hãm. Anh phải thường xuyên sống trong sự căng thẳng, không làm được những

công việc bình thường hàng ngày mà lo cho sinh kế. Vợ anh chia xẻ chấp nhận nhưng lo buồn, con anh không yên tâm, gia đình anh bị ảnh hưởng nặng nề. Và lưới gươm hay chiếc thòng lọng treo lơ lửng trên đầu anh, ý lúc nào anh cũng có thể bị bắt giữ, tổng giám truy tố ra tòa lãnh án rồi vào ngồi đếm lịch trong trại giam và chịu bao điều dày dạn, cay đắng. "*Thôi, dính vào chính trị làm gì cho khổ anh và vợ con, thôi hãy quay về với sáng tác đi để có thể có những tác phẩm vượt thời gian và không gian như anh vẫn mong ước, may ra con tôi còn được đọc*", đó là một lời khuyên khá chân thành của một cán bộ công an khi thẩm vấn dù anh ta không hiểu tôi. Sự lựa chọn bây giờ mới thật khó khăn. Trong khi chung quanh anh, mọi người vẫn sống bình thản làm việc, ăn uống, kiếm tiền, mua sắm, vui chơi giải trí lo cho gia đình con cái, tương lai. Anh tự rước khổ vào thân để làm gì, ích gì cho ai? Anh chỉ cần dừng nghĩ, dừng viết, dừng nói những gì động chạm đến nhà cầm quyền, đến tội ác, đến tự do dân chủ, anh sẽ được sống bình yên. Tôi có làm như thế được không? Muốn chọn điều này hay điều kia, tôi cần bình yên nhưng có thứ bình yên lại là bình yên trong phản bội. Tự do là tự do trong nô lệ, sống là người lại là sống như con vật kinh tế. Suy nghĩ cho cùng vượt qua những yếu đuối của bản thân, sự sợ hãi trước bạo lực, tôi chỉ có một lựa chọn. Sống như một con người tự do, tôi sẽ có bình yên đích thực dù cho phải trả một giá nào. Dù sao tôi vẫn tin vào con người. Mọi người mọi vật đều là biểu hiện của ý thức tối cao. Trong những người bình thường thấp kém nhất, trong những người thông minh tài trí, trong những cán bộ công an, trong những người lãnh đạo, tính người, tính thiện bao giờ cũng có tiềm ẩn. Trong tháng 11 và 12 này tôi đã bị công an mời thẩm vấn ba đợt tổng cộng 12 ngày và còn hứa hẹn sẽ còn mời tiếp. Trong ngày cuối của đợt 3, tôi nói với cán bộ công an tôi tin vào luật nhân quả, tôi làm điều tốt hay xấu sẽ có hậu quả tương xứng và cả đảng cộng sản, dân tộc này, nhân loại này cũng không thoát khỏi luật nhân quả. Tôi không có gì phải lo lắng. Thông cảm, bao dung và chiến đấu với điều ác nhất định sẽ đem lại cái gì tốt đẹp cho con người và xã hội. Những chế độ chính trị rồi sẽ thay đổi, qua đi nhưng con người vẫn còn tồn tại. Chỉ có tình yêu thương mới mang lại cho đất nước trần gian này cuộc sống hạnh phúc dù phải trải qua nhiều thiên niên kỷ.

**Tiêu Dao Bảo Cự**

*Mùa Noel 1996*

## Tu tại tù...

Huỳnh Hùng

Phật Giáo du nhập vào Việt Nam rất sớm. Theo một số nhà nghiên cứu thì Phật Giáo chính thức du nhập vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ ba sau Tây Lịch và theo ngã Trung Quốc. Nhưng theo một số nhà nghiên cứu khác, Phật Giáo đi vào đại chúng Việt Nam trước đó và trực tiếp từ Ấn Độ.

Giáo sư Nguyễn Đăng Thực có viết: *"Điều kiện địa lý thuận tiện của đất Giao Chỉ là có đường thông với Tây Trúc, tức khu vực văn hóa Ấn Độ mà đại diện bấy giờ ở phía nam Giao Chỉ là Chiêm Thành và Chân Lạp. Do đó mà Phật Giáo trước khi ảnh hưởng vào Trung Quốc phải từng phát triển ở Giao Chỉ trước đã. Và điều kiện địa lý Lĩnh Nam đã mở cửa xuống Đông Nam Á để đón tiếp và giao dịch với cả lục địa Á châu lẫn hải đảo Thái Bình dương và Ấn Độ dương để sớm trở nên ngã tư giao lưu của chúng tộc và văn hóa (cross-road of peoples and civilizations) như nhà khảo cổ học Olov Janse đã viết".*

Đế quốc La Mã từ thời Jules Cesar (101-44 trước Tây Lịch) đến thời đại đế Auguste (63 trước Tây Lịch-14 sau Tây Lịch) là một đế quốc mệnh mông rãi từ Đại Tây dương đến Ấn Độ dương. Những nhu cầu của đế quốc về thực phẩm như hương liệu, trầm, quế, tiêu, vải vóc quý như tơ lụa hoặc các sản phẩm như vàng, châu ngọc, ngà voi không được thỏa mãn một cách đầy đủ vì sản xuất không đủ hoặc không sản xuất được vì lý do kỹ thuật hoặc khí hậu. Các sản phẩm này được nhập cảng từ các nước ở Á châu, ven biển Thái Bình dương. Các thương nhân Ấn Độ, nhờ vị trí trung tâm của nước họ, đã có những liên lạc thương mại trực tiếp với Viễn Đông và Trung Đông và gián tiếp với các nước vùng Địa Trung hải. Các thương nhân này, nhờ gió mùa tây nam, đã đi về các nước ven biển Thái Bình dương. Trên hải trình đó, họ bắt buộc ghé lại Việt Nam, trước khi đi đến Trung Quốc, để nghỉ ngơi hoặc tiếp tế thực phẩm. Trong khi chờ gió mùa đông bắc thổi về nước, họ đã sinh sống tại nước ta. Đi theo các thương nhân này có nhiều tăng sĩ. Sự đi lại của các tăng sĩ Ấn Độ đã góp phần vào việc xây dựng trung tâm Phật Giáo Luy Lâu, tại Giao Chỉ, một trong ba trung tâm Phật Giáo lớn nhất vùng Đông Á vào thượng bán thế kỷ thứ

nhất sau Tây Lịch. Hai trung tâm kia, ở Trung Quốc, là Lạc Dương (thuộc tỉnh Hà Nam bây giờ) nằm trên hữu ngạn sông Hoàng Hà và Bành Thành ở hạ lưu sông Dương Tử.

Điều này đã được kể lại trong cuốn Thiên Uyển Tập Anh Ngữ Lục, một tác phẩm hoàn thành đời Trần (thế kỷ 14), đã được học giả Trần Văn Giáp khám phá vào năm 1927. Theo Như Hạnh, tiến sĩ tôn giáo tại đại học Harvard, sách này được viết bằng chữ Hán, bằng một thứ cổ văn tương đối rành mạch và sáng sủa hơn, ít ra là so với một số tác phẩm Phật học cũng bằng Hán văn của Cao Ly (Như Hạnh, "Nhận định cái gọi là truyền thống Thiên Việt Nam", Giao Điểm, số 2, ngày 15-5-1991, Hoa Kỳ). Theo Thiên Uyển Tập Anh Ngữ Lục, trong lời vấn đáp giữa hoàng hậu Phù Cầm Linh Nhân, tên con gái là Ý Lan, và thiền sư Trí Không về gốc tích Phật Giáo ở Việt Nam - theo Việt Sử Toàn Thư (trang 200-203) của Phạm Văn Sơn, Ý Lan là thái phi của vua Lý Thánh Tông (1054-1072); theo Nguyễn Lang, trong Việt Nam Phật Giáo Sử Luận (trang 211) thì Ý Lan lại là thái phi của vua Lý Nhân Tông, con của vua Lý Thánh Tông - có chép:

*"...Đời Tùy Cao Tổ, giáo pháp được nâng đỡ rất nhiều. Vua Văn Đế nói: Trầm nghĩ nhớ lòng từ bi của đức Điều Ngự (Phật) khi ngài thuyết dạy chính pháp, không biết làm sao để báo ơn đức này. Từ khi lên ngôi, trẫm đã hỗ trợ tam bảo khắp nơi, thâu xá lợi di thể để làm bảo tháp thờ khắp nước, đến 49 nơi, để làm nơi dẫn dắt cho nhân gian. Trẫm đã làm hơn 150 ngôi chùa tháp. Ta cũng muốn làm chùa tháp ở Giao Châu để cho phước đức được thấm nhuần cả đại thiên thế giới. Xứ ấy tuy nội thuộc nhưng ở quá xa. Vậy Pháp sư hãy chọn một số danh tăng sang đó để giáo hóa khiến cho mọi người đều được biết đến đạo bồ đề. Pháp sư Đàm Thiên tâu: Giao Châu có đường thẳng thông với Tây Trúc. Khi Phật pháp mới tới Giang Đông chưa đầy đủ thì ở thủ đô Luy Lâu của Giao Châu đã có tới hai mươi ngôi bảo sát (chùa) độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 cuốn kinh rồi... Như vậy là vì Phật Giáo truyền đến Giao Châu trước khi truyền đến Giang Đông vậy. Hồi ấy, có các vị tăng như Ma Ha Kỳ Vực, Khương*

*Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Bác cư trú tại đó... Nay lại có Pháp Hiền thượng sĩ, đắc pháp với Tỳ Ni Đa Lưu Chi, truyền ba tông chi của Tam Tổ, là một vị bồ tát sống, cư trú tại chùa Chúng Thiện, dạy đồ giáo hóa đồ chúng có hơn ba trăm người, không thua gì ở Trung Quốc. Bệ hạ là một bậc cha hiền khắp chốn, muốn bình đẳng bố thí, nhưng đất kia đã có người rồi, ta không cần gởi người tới nữa...".*

Ngoài ra các câu chuyện cổ tích đầy Phật tính như chuyện Tấm Cám (luân hồi, ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ), đã nói lên phần nào sự hấp thụ tinh thần Phật Giáo rất sớm của dân gian Việt Nam. Danh từ Bụt để chỉ đức Phật trong chuyện Tấm Cám cho phép suy đoán rằng sự tích Bụt Đà (Bouddha, Buddha) đã được truyền trực tiếp vào ngôn ngữ dân gian trước khi các nhà trí thức Hán học đem đạo này qua Việt Nam với danh từ Trung Quốc "Fo" (Phật).

Trong tiến trình hấp thụ Phật Giáo, Việt Nam đã không gặp những khó khăn về mặt văn hóa như Trung Quốc.

Trước khi Phật Giáo đi vào Trung Quốc, văn hóa nước này đã thấm nhuần Nho giáo một cách sâu đậm. Các nhà cầm quyền đương thời cũng như giới nho sĩ cho rằng đạo Phật là học thuyết của giống man di mọi rợ. Tập luận thuyết đầu tiên về đạo Phật, tên là Lý Hoặc Luận, được sáng tác bằng chữ Hán tại Giao Châu bởi Mâu Bác (Meon-Pô), sinh vào khoảng 165-170. Mâu Bác gốc người Hán, sinh sống ở Giao Châu, học Phật tại đây, đã viết cuốn sách trên để đáp lại những lời khích bác Phật Giáo của những nho gia Trung Quốc chạy qua Giao Châu lánh nạn nội chiến.

Trong khi đó, ảnh hưởng Nho giáo tại Việt Nam vào thời này rất yếu kém. Các quan đô hộ, trừ một số ít như Tích Quang, Nhâm Diêm và Sĩ Nhiếp, chỉ nghĩ đến bóc lột nhân dân và đàn áp các cuộc khởi nghĩa chống lại người Hán. Sự giáo dục quần chúng đã không phải là những ưu tư hàng đầu của họ. Những người đô hộ đã không muốn đem Nho giáo để khai hóa. Dân Việt Nam, vào thời điểm này, có thể nói là còn trình nguyên về mặt tư tưởng và văn hóa. Do đó, họ dễ dàng hấp thụ tất cả những tư tưởng hay lạ từ mọi nơi đến. Phật Giáo đã đến với họ bằng ngôn ngữ dân gian,



bằng những sự tiếp xúc với các tăng sĩ Ấn Độ, chứ không phải do sự áp đặt của những người đô hộ. Hơn thế nữa hấp thụ Phật Giáo, có lẽ, là một hình thức kháng chiến bất bạo động của nhân dân đối với Nho giáo vốn là văn hóa của chính quyền đô hộ.

Như trên đã dẫn, Mậu Bác, với cuốn Lý Hoặc Luận, đã có tham vọng trả lời những lý luận kích bác đạo Phật của những nho gia người Hán lánh nạn ở Giao Châu. Cái tinh thần đại đồng đó của Mậu Bác đã đánh đổ được phần nào cái mặc cảm tự tôn của Hán tộc và đã đóng góp vun xới tinh thần dân tộc tự cường của nhân dân Việt Nam đang bị nô lệ vào thời bấy giờ.

Cũng trong tinh thần đả kích mặc cảm tự tôn trên, hai thiền sư Đạo Cao và Pháp Minh, tu chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh bây giờ) vào thế kỷ thứ năm, đã trao đổi ý kiến về giáo lý nhà Phật với Lý Miểu, có lẽ là một vị quan cai trị quan trọng của nhà Hán. Sáu bức thư giữa Lý Miểu và hai thiền sư Đạo Cao và Pháp Minh đã được học giả Lê Mạnh Thát, tức Thích Trí Siêu, cựu giảng sư Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, sưu tầm. Đó là một khám phá vô cùng quan trọng chứng tỏ trình độ văn hóa khá cao của giới thiền sư Việt Nam vào thời Bắc thuộc.

## **Thượng Tọa Thích Trí Siêu là ai?**

### **A. Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ**

Ngày 1-4-1984 công an đã bao vây chùa Quảng Hương Già Lam và đã bắt đi Thượng Tọa Thích Trí Thủ cùng các Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ và sư bà Thích Trí Hải. Thượng Tọa Thích Trí Thủ đã bị tra tấn đến chết ngay đêm đó vào hồi 21g30.

Sau bốn năm bị giam cầm, trong một phiên tòa những ngày 28, 29 và 30-10-1988, hai Thượng Tọa Tuệ Sỹ và Trí Siêu bị tuyên án tử hình, các vị khác bị khổ sai chung thân.

Theo bài tường thuật của báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 29-09-1988 thì từ giữa năm 1977, Phạm Văn Thương (tức Thượng Tọa Tuệ Sỹ) và Lê Mạnh Thát (tức Thượng Tọa Trí Siêu) là những phần tử "phản động" trong giới Phật Giáo đã cùng "đồng bọn" tổ chức nhiều hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. "Bọn chúng" thành lập tổ chức "phản cách mạng" với danh xưng Lực Lượng Việt Nam Tự Do (hợp

nhất từ hai nhen nhóm "phản cách mạng" Mặt Trận Dân Chủ Dân Quyền Việt Nam do Từ Mẫn làm chủ tịch, Phạm Văn Thương làm cố vấn với nhen nhóm "phản cách mạng" do Phan Văn Ty và Trần Thắng Tài cầm đầu hoạt động tại khu vực Bình Tuy). "Bọn chúng" đã lợi dụng nơi tôn nghiêm, thường xuyên tụ họp tại chùa Tập Thành (Bình Thạnh) và thư viện chùa Già Lam để bàn kế hoạch, phân công thực hiện và thông qua tuyên ngôn, cương lĩnh, điều lệ, màu cờ... do Phạm Văn Thương soạn thảo. Phạm Văn Thương còn viết nhiều tài liệu tuyên truyền với nội dung cực kỳ "phản động" như Con Đường Giải Phóng, Những Rặng Trường Sơn và thành lập tờ báo Dân Chủ nhằm tuyên truyền xuyên tạc tình hình trong và ngoài nước, đả kích "Đảng và Nhà Nước ta". Theo đường lối hoạt động đề ra từ đầu, "bọn chúng" lần lượt thành lập các mặt khu: Núi Bé (Bình Tuy), Sông Lạnh (Đồng Nai), Cây Gạo (Đồng Nai) làm nơi tích trữ lương thực, vũ khí, tài liệu và huấn luyện quân sự. "Bọn chúng" còn móc nối với các tổ chức "phản động" ở nước ngoài và nhận hàng chục ngàn đô-la do các tổ chức này viện trợ thông qua "các tên" Trần Thắng Trí, Trần Thắng Chiến, Việt kiều tại Pháp và Thụy Sĩ mang về nước để mua vũ khí và lương thực chuẩn bị hoạt động. Theo yêu cầu của "bọn phản động" lưu vong", "bọn chúng" đã chuẩn bị đốt rạp Bến Thành A để gây tiếng vang, nhưng kế hoạch chưa thực hiện được thì từ năm 1982 đến năm 1984 "bọn chúng" đã lần lượt bị bắt (hết trích báo Sài Gòn Giải Phóng).

Trong phiên tòa, các Thượng Tọa đã đồng dạng tuyên bố:

*"Chúng tôi tranh đấu cho toàn dân. Trước một chính thể đi ngược lại ý nguyện của quần chúng, đem lại nghèo đói bần cùng cho dân tộc, chúng tôi không tiếc đem thân mạng hy sinh để tranh đấu... Chúng tôi tranh đấu cho Nhân Quyền, cho tự do bình đẳng, cho cơm no áo ấm của đồng loại... Chúng tôi không cần xin lượng khoan hồng của ai. Tất cả việc chúng tôi làm để lịch sử phán xét. Không có một chế độ nào có quyền phán xét chúng tôi..."*

Sau khi nghị án, Thượng Tọa Trí Siêu, Tuệ Sỹ bị tuyên án tử hình, các bị can khác từ chung thân đến bốn năm rưỡi tù.

Nhưng sau khi bị cộng đồng Việt Nam hải ngoại biểu tình chống đối, sự can thiệp của hội Ân xá Quốc tế và áp lực của các chính phủ đã viện trợ rất nhiều cho Việt

Nam như Thụy Điển và Úc Đại Lợi dọa cắt giảm viện trợ, bản án tử hình của hai Thượng Tọa đã được biến thành 20 năm tù (1).

Thượng Tọa Thích Trí Siêu tên đời là Lê Mạnh Thát, sinh năm 1943 tại Quảng Trị. Thượng Tọa xuất gia năm 1955 và theo học ở viện Phật học Bảo Quốc (Huế). Từ năm 1964 đến 1974, Thượng Tọa du học tại viện đại học Wisconsin-Madison (Hoa kỳ), tốt nghiệp hai bằng tiến sĩ y khoa và triết học Ấn Độ.

Về nước, Thượng Tọa dạy học tại Viện đại học Vạn Hạnh và nghiên cứu về lịch sử và văn học Phật Giáo Việt Nam. Thượng Tọa trở thành một chuyên gia nổi tiếng trong các bộ môn này.

Sau 1975, Viện Đại học Vạn Hạnh bị tịch thu, Thượng Tọa tiếp tục các công trình nghiên cứu tại trụ sở mới của viện tại đường Võ Duy Nguy, Phú Nhuận. Thượng Tọa còn giảng dạy tại tu viện Quảng Hương Già Lam và bắt đầu soạn cuốn Bách Khoa Tự Điển Phật Giáo Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu của Thượng Tọa có một trình độ rất cao, nhưng phần đông chưa được in, chỉ được lưu hành dưới hình thức ronéo. Trong số đó, có thể kể:

- *Triết lý Vasubandhu* (luận án tiến sĩ tại đại học Wisconsin-Madison).

- *Chân Nguyên Toàn tập* (2 cuốn).

- *Sơ thảo lịch sử Phật Giáo Việt Nam* (mới ra hai cuốn đầu).

- *Nghiên cứu về "Pháp Tăng Nhân Duyên Truyền"*.

- *Nghiên cứu Phật Giáo Việt Nam vào thế kỷ thứ năm*.

- *Nghiên cứu tình trạng Phật Giáo Việt Nam trong các giai đoạn chống xâm lăng*.

Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, tên đời là Phạm Văn Thương, sinh năm 1943 tại Paksé (Lào), cha mẹ gốc Quảng Bình (Trung phần). Thượng Tọa xuất gia vào năm 1950. Năm 1964 Thượng Tọa theo học tại Viện Cao Đẳng Phật Học tại Sài Gòn và bắt đầu viết bài nghiên cứu, làm thơ và dịch các tác phẩm Phật Giáo viết bằng chữ Hán.

Từ năm 1972 đến 1974, Thượng Tọa là Tổng thư ký báo Tư Tưởng của Viện đại học Vạn Hạnh. Thượng Tọa còn dạy chữ Hán, chữ Phạn và chữ Pali tại tu viện Quảng Hương Già Lam.

Thượng Tọa là một nhà nghệ sĩ, chơi đàn dương cầm và sáo, làm thơ. Nhưng Thượng Tọa còn là một nhà tư tưởng có nhiều thẩm quyền về tư tưởng Trung Đạo của Long Thọ (Nagarjuna). Các tác phẩm chính của Thượng Tọa gồm có:

- *Duyên Khởi Luận* (2 cuốn).
- *Đại cương về Thiên Quán*.
- *Tô Đông Pha, những chân trời viễn mộng*.
- *Triết học về tính Không*.
- *Dịch "Thiền Luận", quyển trung và hạ của D.T. Suzuki*.
- *Dịch "Các Tông phái của đạo Phật" của Takakusu*.
- *Dịch "Le Bouddhisme en Annam des Origines au 13è siècle" của Trần Văn Giáp*.
- Bài vở in trong các tạp chí *Tư Tưởng* và *Hải Triều Âm*.

## B. Hòa Thượng Thích Huyền Quang (2).

Từ ngày 3-5-1992, những biến cố trọng đại đã dồn dập xảy ra đưa Giáo Hội Phật Giáo chính truyền trực diện đấu tranh với nhà cầm quyền Cộng Sản. Đó là ngày Hòa Thượng Thích Huyền Quang, lãnh ấn tín và chúc thư của cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, tại chùa Linh Mục, Huế (3), nắm trọng trách Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Ngày 25-6-1992, từ Quảng Ngãi, nơi mà vị Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo bị quản thúc từ sau 1982, một "Đơn Cứu Xét Nhiều Việc" đã được gửi tới các chức sắc cao cấp của Nhà Nước Cộng Sản. Trong phần đúc kết, đơn xin cứu xét đã đưa ra chín điểm sau đây:

1. Trước hết xin Nhà Nước mặc nhiên để Giáo Hội chúng tôi sinh hoạt bình thường trong pháp luật Nhà Nước như trước năm 1975.

2. Nhà Nước phải chịu trách nhiệm và trả lời:

- Về cái chết của Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo tại nhà Công an thành phố Hồ Chí Minh năm 1976.

- Làm sáng tỏ vụ 11 tu sĩ Phật Giáo tự thiêu tại Hậu Giang 1976.

- Nhiều chùa chiền và Phật tượng bị đập bỏ, và xây cơ sở khác lên đó, phải được trả lại.

3. Trả tự do cho tất cả Tăng Ni, Phật tử, các nhà văn, nhà báo, các nhà chính trị v.v... đã bị giam giữ lâu ngày không xét xử, hoặc xét xử bất công. Tôn trọng tự do tôn giáo và quyền làm người của những ai đã mất trong đó có tôi, Quảng Độ, Đức Nhuận, Tuệ Sỹ, Mạnh Thát v.v... và các tu sĩ tôn giáo khác.

4. Trả lại tất cả tự viện, các cơ quan, văn phòng, trụ sở, các cơ quan văn hóa, xã

hội, từ thiện v.v... của Giáo Hội chúng tôi từ Trung ương đến địa phương đã bị Nhà Nước và Giáo Hội do Nhà Nước dựng lên chiếm dụng phi pháp hơn 11 năm qua kể cả các tự viện miền Bắc sau 1945 bị Nhà Nước chiếm đóng.

5. Cho Giáo Hội chúng tôi được phục hồi sinh hoạt với các chi bộ Phật Giáo hải ngoại như trước năm 1975 và sau này như Nhà Nước đã cho Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Việt Nam làm việc với Giáo Hội Vatican.

6. Yêu cầu Nhà Nước đưa nội vụ tôi từ năm 1945-1992 ra trước pháp luật xét xử, còn bao nhiêu tội để phải ở bao nhiêu năm tù nữa. Không thể nhốt tôi mãi mà không xét xử. Tôi đã khổ tâm, tủi nhục nhiều:

- Vì Giáo Hội của chúng tôi bị lật đổ vô lý.

- Vì đất nước chưa đủ văn minh, giàu mạnh, tự do dân chủ.

- Từ ngày chế độ Cộng Sản trên đất nước Việt Nam cũng như ngày đó, tôi mất hết tự do và bị tù đày cho đến ngày hôm nay...

7. Nếu các việc trên không được Nhà Nước cứu xét hợp tình, hợp lý, chúng tôi được quyền nhờ các cơ quan nhân quyền, dân chủ quốc tế và thân hữu xa gần giúp đỡ. Vì ngày nay cỏ cây, cầm thú v.v... còn được luật pháp quốc tế bảo vệ. Như Nhà Nước đã biết trong hai năm qua tôi đã được các tổ chức nhân quyền, dân chủ v.v... ở các thành phố lớn Âu, Mỹ, Úc đã gửi 20.000 lá thư đến Nhà Nước yêu cầu cứu xét vụ các tu sĩ Phật Giáo Việt Nam trong đó có tôi mà chưa được Nhà Nước lưu ý, chẳng kể dư luận thế giới gì cả.

8. Giáo Hội chúng tôi làm việc với Nhà Nước và nhân dân, để xây dựng đất nước theo truyền thống dân tộc. Nhưng không thể làm việc được, hoặc làm việc trong sự điều khiển của một chế độ còn xem tôn giáo là kẻ thù và nhúng nhiều tay kiểm soát can thiệp nội bộ tôn giáo chưa từng có trong lịch sử tôn giáo tại Việt Nam.

9. Tôi sẽ nguyện hiến thân này cho đạo pháp và dân tộc, khi thấy rằng sự khổ nhục đã đến lúc không thể cho phép tôi chịu đựng hơn nữa. Và còn nhiều việc khác tôi sẽ đệ trình sau.

Trong Tuyên Cáo số II-5/VPLV-VHĐ ngày 20-11-1993 Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã đưa ra 9 điểm sau đây:

1. Phật Giáo Việt Nam là một thực thể dân tộc... Không một tổ chức Phật giáo nào khác, do tư nhân hay thế quyền thiết

lập cho những mục tiêu sai khác với Hiến chương của GHPGVNTN, có thể thay thế hoặc điều khiển GHPGVNTN trong việc hướng dẫn Phật sự cho Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước và đại diện Phật Giáo Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Hành động gần đây của Đảng Cộng sản và Nhà Nước CHXHCNVN, qua tay Ban Tôn Giáo Chính phủ và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đối với văn phòng lưu vong Viện Hóa Đạo GHPGVNTN và Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, vừa phản Hiến Pháp, phi pháp luật, vừa vi phạm Công Ước về Quyền Công dân và Quyền Chính trị của Liên Hiệp Quốc mà nhà nước CHXHCNVN là thành viên và đã ký kết tôn trọng.

3. Đảng và Nhà Nước CHXHCN phải khởi sự ngay tiến trình dân chủ hóa chế độ bằng cách để cho xã hội công dân hình thành, thông qua các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do lập hội...

4. Chủ trương "xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai" của Đảng và Nhà Nước không thể ngủ lì trên diện văn mang tính chiến thuật hầu đánh lừa dư luận quốc tế về cái gọi là "đổi mới kinh tế" và "ổn định chính trị". Một quốc gia tôn trọng nhân quyền và dân chủ lành mạnh là một quốc gia có đối lập. Đối lập để xây dựng, để ngăn ngừa các khuynh hướng cực đoan độc tài, tạo sự tham gia bình đẳng và đồng đẳng của toàn dân...

5. GHPGVNTN yêu cầu Nhà Nước công khai xử lại vụ án Huế theo quy định của luật pháp và với tiêu chuẩn quốc tế, ghi trong bản Tuyên Ngôn Quốc tế Nhân quyền và các Công Ước của Liên Hiệp Quốc. Cuộc xử các Đại Đức Trí Tụ, Hải Tạng, Hải Thịnh, Hải Chánh và những Phật tử thuộc GHPGVNTN ở Huế ngày 15-11-1993 vừa qua, pháp luật không ngồi vai chánh án, công an thay vai biện hộ của Luật sư mà Giáo Hội đề cử...

6. Yêu cầu Nhà Nước CHXHCNVN thực hiện nền dân chủ pháp trị bằng ba hành động cụ thể: Bỏ điều 4 trên bản Hiến Pháp hiện hành... Bầu lại Quốc hội với sự tự do tham gia ứng cử và bầu cử của toàn dân... Viết lại bản Hiến Pháp phù hợp với nguyện vọng về nhân quyền và dân chủ của toàn dân qua các đại biểu độc lập của họ, và cũng để thích nghi với xu thế tiến bộ của thế giới ngày nay, mà phương châm đang thực hiện khắp năm châu là cộng tác để cộng sinh...

7. Sự sụp đổ của chủ nghĩa và chế độ XHCN tại các nước Liên xô cũ và Đông

Ấu đến từ nguyên nhân nội tại của luật đào thải, chứ không do ai bên ngoài gây ra trước. Chủ nghĩa và chế độ này cũng đang trên đà tiêu diệt tại Việt Nam vì những lý do nội tại trong nội bộ đảng, chứ không do ai hay thế lực nào khác...

8. Đối với quân nhân Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh... Đảng và Nhà Nước gia công ngày đêm tìm kiếm, báo cáo thành khẩn với Hoa Kỳ... Với người dung nước là thì thế, còn với con dân đất nước thì sao? Hàng triệu binh sĩ hai miền Nam Bắc vùi thây trong chiến trận... có được tìm kiếm không? Gia đình họ có được báo tin, an ủi, bồi thường xứng đáng không? Hàng triệu thương binh hai miền, số phận họ và con em họ có được Nhà Nước chiếu cố không?... Đối với thành phố Huế, các vị tướng lãnh và chính trị viên... đã viết bài, viết sách thù hận những lỗi lầm tàn sát dân lành. Nay đến lượt Đảng và Nhà Nước phải công khai sám hối với nhân dân thành phố Huế về những hàm chôn tập thể mà quân đội và lực lượng địa phương là tác giả. Sám hối trước những gia đình nông dân bị bức tử trong thời cải cách ruộng đất...

9. Kể từ giây phút bản Tuyên Cáo này được công bố, nếu có gì bất trắc xảy ra cho thân thể tôi, hay cho ngôi chùa Hội Phước ở Quảng Ngãi nơi tôi bị giam cầm quản thúc từ năm 1982 và nơi GHPGVNTN đặt Văn phòng lưu vong Viện Hóa Đạo, thì trách nhiệm này hoàn toàn thuộc Đảng Cộng Sản và Nhà Nước CHXHCNVN.

Hòa Thượng Huyền Quang bị công an dời khỏi chùa Hội Phước đến một nơi khác hẻo lánh hơn (4), lấy cớ là Hòa Thượng đã làm phiền sư sai trong chùa nên họ đã yêu cầu chính quyền can thiệp.

### C. Hòa Thượng Thích Quảng Độ (5)

Trong một bức thư ngày 19-8-1994, gởi cho ông Đỗ Mười, Tổng bí thư đảng CSVN, Hòa Thượng Thích Quảng Độ kết án Đảng CS đã sát hại sư tổ, sư bà và sư phụ của Hòa Thượng, và đưa ra những nhận định cho rằng ĐCSVN sẽ không tồn tại lâu dài.

"...Thế rồi từ năm 1975, tôi lại nhận ra thêm một điều nữa, đó là, theo luật tự nhiên đào thải, bất cứ cái gì, hể đáp ứng được nhu cầu của con người thì dù có chôn nó đi, người ta cũng đào lên; trái lại cái gì không đáp ứng được nhu cầu của con người thì sẽ tự hủy diệt. Sau khi thực sự sống dưới chế độ CS, tôi nhận thấy chủ nghĩa CS không đáp ứng được nhu cầu của con người; về tinh thần thì bị kìm kẹp,

đàn áp, về vật chất thì nghèo khổ, đói khổ, đến nỗi bây giờ phải đi học tư bản và theo kinh tế thị trường".

Kèm theo thư là một bản Nhận Định về những sai lầm tai hại của Đảng CSVN đối với dân tộc và Phật Giáo Việt Nam dài 100 trang viết tay.

Vào ngày 31-12-1994, Công an đã tràn vào Thanh Minh Thiền Viện bắt Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Ngày 25-01-1995, Bộ Ngoại Giao Hà Nội chính thức loan tin Hòa Thượng Thích Quảng Độ sẽ bị đem ra tòa và sẽ bị xét xử như một thường phạm chứ không phải là một tu sĩ Phật giáo.

Các phiên tòa ngày 15-8-1995 và phiên phúc thẩm ngày 25-10-1995 đã xử Hòa Thượng Thích Quảng Độ 5 năm tù (6).

\*  
\* \*

Thời Bắc thuộc, Phật Giáo đã phần nào đóng góp nung đúc ý chí kháng chiến, tự tôn, tự quyết của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, thế giới Cộng Sản chỉ còn lại bốn nước: Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên và Cuba. Cộng Sản Việt Nam muốn sống còn phải tùy thuộc vào Cộng Sản Trung Quốc, một hình thức Bắc thuộc mới. Phải chăng Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ - những khuôn mặt tượng trưng cho Phật Giáo nhập thể Việt Nam hiện đại - đang làm sống lại truyền thống tự tôn, tự quyết của dân tộc Việt Nam trong thời gian "một nghìn năm đô hộ giặc Tàu"?

Để kết luận, xin mượn lời Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật, trong bài "Giữa Tân Tiến và Hậu Tân Tiến, Phật Giáo và Việt Nam trong cuộc giao lưu văn hóa Đông Tây" (Triết, Tập san Triết học và tư tưởng, số 2, tháng 6, 1996, xuất bản tại Hoa Kỳ). Đây cũng là bài tham luận của Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật - có sửa chữa và bổ túc - đọc tại buổi hội thảo về "Phật Giáo và Thời Đại", tổ chức tại Trúc Lâm Thiền Viện (Villebon-sur-Yvette, Pháp) ngày 10-9-1995, dưới sự chủ tọa của Hòa Thượng Thích Minh Châu và cố Giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Với sự thận trọng, đắn đo của một nhà nghiên cứu nghiêm túc, Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật, trước khi đưa ra những nhận định mang tính khai phá, có lẽ không phù hợp với tư duy của cử tọa cũng như của chủ tọa đoàn, đã rào trước đón sau, trong lời nói đầu:

"...Riêng về Đạo Phật, bài viết này cũng không hề chủ trương phải trở về một thời đại vàng son nào đó của Phật Giáo

Việt Nam trong quá khứ hay phải thiết lập một Nhà Nước Phật Giáo hoặc biến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thành một chính đảng; trái lại, nó nhằm phê phán sự bất cập của của một biểu văn về sự giải thoát con người chỉ tập trung trên kích thước cá nhân của vấn đề, với ảo tưởng có thể đứng trên hoặc đứng ngoài các lãnh vực chính trị, kinh tế và xã hội. Như ở mọi cuộc trao đổi tự do, những ý kiến đã được phát biểu trong bài tham luận hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của tác giả, và không thể bị gán ghép cho ban tổ chức hay ban chủ tọa của buổi hội thảo, trong bất kỳ trường hợp nào".

Và Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật đã bắt đầu cuộc khai phá bằng cách trích dẫn A. Schopenhauer:

"Nếu chúng ta cũng ngậm miệng thì ai sẽ nói đây?"

Những nhận định rải rác trong bài viết của Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật đã giải thích một cách trung thực cái động lực thúc đẩy sự dẫn thân và nhập thế của những Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ, Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ...

"... Chẳng bao giờ có Đức Phật cả, nếu thái tử Siddharta tiếp tục sống bung bít trong tháp ngà, hoặc tu ép xác nơi rừng già: một đời sống tự do về tinh thần và không đói rét về thể xác là điều kiện cần thiết để giác ngộ. Chẳng khi nào có Đạo Phật cả, nếu sau khi thành đạt, Đức Phật không dứt kết kinh nghiệm sinh của Ngài thành lời giảng để truyền dạy chúng sinh trong cuộc biển dâu, mà lại tan biến vào núi rừng Ấn Độ như Phù Đổng: Đạo Phật không chỉ là tu thân mà còn là cứu vớt. Trong những đau khổ của cuộc sống thường nhật, có cái chỉ tùy thuộc ở thân phận làm người (sinh, lão, bệnh, tử), có cái còn tùy thuộc nhiều ở tổ chức xã hội (nghèo đói, bệnh tật, áp bức) - nghĩa là ở chính trị. Nếu chính trị không chỉ là lập đảng, tranh quyền, biểu tình... mà còn là suy nghĩ, phát biểu, tổ thái độ... về các quan niệm cộng đồng hay nguyên tắc tổ chức xã hội, thì không thể có chủ nghĩa phi chính trị ở loại người Phật tử dám sống đạo chân thật. Hơn nữa, ngay về chuyện tu hành, ở Đạo Phật, cũng có đủ cách tu: có tu nhà, tu chợ, tu chùa, tu núi (Nguyên Đạt Phạm Trọng Luật đã quên một cách tu khác là tu tại tù); song chẳng có lối tu nào đòi hỏi kẻ tu hành phải bịt tai, che mắt, khóa miệng trước các tai ách chính trị xảy ra cho những kẻ sống chung quanh mình..."

Phật Giáo Việt Nam sẽ đóng góp gì

được cho Việt Nam? Điều này tùy thuộc một số tiền đề liên quan đến quốc gia Việt Nam, đến Phật Giáo, và mối quan hệ dân tộc-đạo pháp.

*Dù sao, đất nước Việt Nam cũng chỉ có thể tiến lên sau khi đã giải quyết những tàn dư của thế kỷ 20, thoanh toán xong loạn kiều đảng và chủ nghĩa toàn trị. Dù sao Phật Giáo Việt Nam cũng chỉ có thể đóng góp được gì khi nào nó thật sự là một Đạo Giáo của thời đại - nói lên được những hiểu biết của thời đại bằng ngôn ngữ của thời đại-, một đạo giáo của dân tộc- dám phát biểu về những tai họa và thử thách đã, đang và sẽ còn đặt ra cho đất nước. Dù sao, người Phật tử Việt Nam cũng chỉ có thể đóng góp được gì khi nào họ thực sự là người Phật tử: nắm vững được đạo lý và giành lại được quyền tự quyết, tự tổ chức ở tất cả mọi mức độ, từ chùa chiền - cái thiện của làng - lên đến Giáo Hội - cái thiện của cả nước".*

### Huỳnh Hùng

#### Phu Chú

(1) Hiện nay, Thượng Tọa Thích Trí Siêu bị giam tại trại tù K3, Xuân Lộc. Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ bị chuyển từ trại A20, Phú Yên ra trại Ba Sao, Nam Hà.

(2) Hòa Thượng Thích Huyền Quang tên đời là Lê Đình Nhân, sinh năm 1917 tại Bình Định, Trung Việt, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ 1977-1982. Bị giam từ 6-4-1977 đến 30-12-1978, bị quản thúc tại chùa Hội Phước, Quảng Ngãi từ 24-4-1982. Sau khi dự tang lễ cố Đại Lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu ngày 3-5-1992, Hòa Thượng Thích Huyền Quang trở thành Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Mairead Corrigan và Betty Williams, giải Nobel Hòa Bình (1976), đã đề nghị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ vào danh sách ứng viên giải Nobel Hòa Bình 1979.

(3) Hòa Thượng Thích Huyền Quang bị quản thúc từ năm 1982 tại Quảng Ngãi, và bị cấm không được di chuyển ra Huế dự tang lễ cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Nhưng sau một ngày tuyệt thực phản đối tại chùa Hội Phước, chính quyền Cộng Sản đã nhượng bộ. Tuy nhiên tại Huế, Ban Tổ Chức Tang Lễ (của Nhà Nước) đã cấm không cho Hòa Thượng phát biểu trong buổi lễ. Tuy nhiên, Hòa Thượng đã đứng lên phát biểu trước gần

30.000 Phật tử tại chùa Linh Mục sáng ngày 3-5-1992 trong buổi lễ nhập kim quan cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu vào bảo tháp. Hòa Thượng vừa mở lời, công an cúp điện, cúp máy phóng thanh. Đồng bào Phật tử xông xáo muốn tỏ thái độ, nhưng Ban Trật tự Phật Giáo đã yêu cầu đồng bào im lặng giữ trang nghiêm cho buổi lễ. Dù bị tắt máy vi âm, Hòa Thượng Thích Huyền Quang vẫn tiếp tục phát biểu hết lời. Tăng Ni và Phật tử đứng gần đều nghe rõ:

*"... Biến cố 30-4-75 xảy tới. Chiến tranh chấm dứt. Hòa Thượng (Thích Đôn Hậu) cũng như tôi nghĩ rằng Giáo Hội sẽ được bước vào thời bình, để tiếp tục thi hành Phật sự. Không ngờ chướng ngại và trở lực khác lại manh nha.*

*Chướng ngại ấy là sự kiện một Giáo Hội Nhà Nước ra đời tại chùa Quán Sứ ở Hà Nội, do chính quyền dựng lên, chứ không phải do Tăng Ni suy cử. Vì vậy mà mười mấy năm qua, Tăng Ni và Phật tử âm thầm chịu đựng sự áp bức trong hẻo lon.*

*...Giờ đây tôi có đôi lời thưa với Nhà Nước.*

*Nhà Nước giải phóng miền Nam, tung ra chương trình cải tạo quy mô. Giáo Hội Ấn Quang chúng tôi cũng sẵn sàng chấp nhận sự cải tạo. Nhưng chương trình ấy là chương trình gì đối với Phật Giáo? Nhà Nước dựng ra một Giáo Hội Nhà Nước song song với Giáo Hội Ấn Quang để làm gì? Nếu nói đó là chương trình cải tạo tôn giáo của Nhà Nước, thì sao Nhà Nước không lập một Giáo Hội Nhà Nước song song như thế với Giáo Hội Thiên Chúa? Tại sao không làm như thế với các tôn giáo khác?*

*Nhà Nước đã sai lầm nghiêm trọng. Nhà Nước nhằm đập nát khối Phật Giáo, thì dân tộc này còn gì?"*

(4) Hòa Thượng Thích Huyền Quang đang bị giam giữ tại quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, trong căn nhà bé nhỏ sơn vàng dựng lên vội vã giữa đồng không mông quạnh, trá hình cho nhà tù thu bé.. *Hiện trạng câu lưu không lý do, không xét xử này kéo dài từ 1982 đến nay. Trước hiện trạng ấy, 49 vị Tôn túc thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tỉnh Bình Định đã có kiến nghị lên nhà nước CHXHCNVN đòi trả tự do cho Hòa Thượng với lời ta thán đau lòng... "Chùa là nhà tù giam giữ Tăng Ni trên đất nước này".*

(5) Hòa Thượng Thích Quảng Độ tên đời là Đặng Phúc Tuệ, sinh năm 1927 tại Thái Bình, Bắc Phần. Nhà văn, nhà thơ,

giáo sư Đại Học Vạn Hạnh, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ 1972-1982. Bị giam từ 6-4-1977 -30-12-1978 và sau đó đã bị giam lỏng tại làng Vũ Đoài, tỉnh Thái Bình. Tại đây, ngày 25-3-1982, khi nghe tin nhà bác học Nga Sakharov bị lưu đày tại Gorki, Hòa thượng có làm bài thơ sau đây.

### Gửi Tiến Sĩ Andrei Sakharov

*Sakharov ơi  
Ông là người Nga  
Tôi là người Việt  
Hai dân tộc  
Hai phương trời  
Nhưng chúng ta cùng cảnh ngộ  
Ông dưới chính thể độc tài khủng bố  
Tôi dưới chế độ phát xít hung tàn  
Ông luôn trong tư thế bất an  
Tôi thường xuyên trong tình hình hời hợt*

*Vành móng ngựa ông đã bị điệu đến  
Cửa nhà tù tôi đã được đẩy vào  
Ông bị tước hết quyền con người  
Tôi được đối xử như là con vật  
Ông đã không chịu cúi đầu khuất phục  
Nên đấu tranh đòi dân chủ nhân quyền  
Tôi đã không chịu sống nhục đầu hàng  
Nên vận dụng giành tự do tín ngưỡng  
Đường ông đi đầy sương lam chướng khí*

*Đường tôi đi rết vách đá cheo leo  
Ông gặp đủ loại sói, gấu, hùm, beo  
Tôi gặp toàn những rắn, trăn, ưng, ó  
Nó trợn mắt phồng mang chia nanh há mồm*

*Muốn vờ chúng ta để xé thịt phanh thây*

*Nhưng không sợ  
Đành ngậm đắng nuốt cay  
Nó đuổi chúng ta lưu đày phát vãng  
Giờ đây*

*Tại Gorki, nước Nga ông thanh thân  
Nhìn cuộc đời qua làn tuyết ban mai  
Và tại Vũ Đoài, nước Việt tôi trầm tư  
Xem thế sự qua màn sương buổi sớm  
Sakharov ơi*

*Chúng ta tuy đồng hội đồng thuyền  
Nhưng trùng dương cách trở  
Từ bên này trái đất*

*Đêm nay  
Dưới ánh sao mờ  
Qua làn gió thoảng  
Tôi gửi mấy lời "cầu chúc bình an".*

(6) Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị chuyển từ nhà giam Nguyễn Văn Cừ (Sài Gòn) ra trại Ba Sao, Nam Hà.



## Đầu năm xuất hành hướng nào ?

Bùi Tín

Thời điểm hiểm  Thành tựu không nhỏ  Xương cùn xấu?  Thế lực mới  Hướng đại cát  Một chút lương tri...

Năm 1997 khởi đầu. Việt Nam ta ở vào một thời điểm hệ trọng, có *ý nghĩa quyết định* tương lai gần và xa. Đảng CS, lực lượng lãnh đạo duy nhất, đứng trước sự lựa chọn khó khăn. Lùi bước, dừng lại hay tiến tới trên con đường đổi mới? Thời gian không dừng lại để chờ! Đầu năm 1997 này là thời điểm *hiểm*. Giữ đà và thúc đẩy đã đổi mới thì phát triển thêm mạnh, thêm vững; hoa mắt, run chân, dừng lại, thoái lui, sẽ mất đà, sa vào khủng hoảng và hỗn loạn. Hai khả năng rõ rệt, đặt đảng cộng sản trước lựa chọn cấp bách, *không thể tránh né và trì hoãn*.

### Thành tựu không nhỏ

Năm năm liền, kinh tế phát triển ở mức 7,5% đến 9% hàng năm; công nghiệp phát triển đều từ 11 đến 15%, nông nghiệp đạt các kỷ lục 22 triệu, 24 triệu, rồi 25 triệu tấn lương thực năm nay... *Không phải là xoàng!* Tất nhiên cần tính đến mức xuất phát rất thấp; giá trị sản lượng đầu người năm qua là 270 đô-la/năm. Công sức phát triển là của nhân dân lao động chân tay và trí óc, "phép màu" là *kinh tế thị trường* mà đảng buộc phải trả lại cho xã hội. Hai nhà kinh tế nổi tiếng thế giới Adam Forde và Stephan Vylder vừa hoàn thành cuốn *Từ kế hoạch đến thị trường (From plan to market*, Westview Press, 358 trang) khảo cứu về Việt Nam, nêu rõ rằng: đảng CS không hề dễ dàng đường lối đổi mới; đổi mới bắt nguồn từ sáng kiến dân gian, tự phát xé rào, chống khoán, rồi sau đó trong thế bí, đảng đành phải bị động chạy theo... rồi vỡ vào là của mình! dân *tự cứu* và từ đó *cứu đảng* đang mê muội vì bệnh giáo điều, duy ý chí.

Không khí làm ăn khác hẳn ngày trước; buôn bán tấp nập, tay nghề chuyên môn được trọng dụng và trả công theo tài năng là điều không hề có trước đây.

Thế nhưng hình ảnh đất nước giống như tình cảnh lâm bệnh của ngài chủ tịch nước: liệt nửa người! *Chân kinh tế* bước những bước khá dài, còn *chân chính trị* và *văn hóa, luật pháp* thì lết lên chẳng được mấy phân! Do đó bức tranh toàn cảnh xã hội có những mảng khởi sắc bị trùm lên một màu xám xịt. Bất công xã hội mở rộng, tham nhũng hoành hành bất trị, tệ

nạn nặng nề, hình ảnh của đảng sa sút trước con mắt khinh thị của người dân lương thiện.

### Xương cùn xấu ?

Tình tào để nhìn nhận, *phần đổi mới còn lại* rất nặng, lại về những lãnh vực gay go, khó khăn nhất! Kỳ họp Quốc Hội mùa thu qua, vấn đề *luật pháp* được thảo luận sôi nổi? Có đại biểu nêu lên cần một đạo luật đặc biệt, khẩn cấp chống tham nhũng. Thủ tướng sau khi "đề bạt" tham nhũng lên là "giặc nước", "quốc nạn", còn phong thêm lên là "nội phản" - những tên phản bội nằm trong lòng chế độ" - đã yêu cầu được giao quyền lực đặc biệt để thẳng tay trừng phạt! Có đại biểu báo động tình trạng *bắt người* tìm lum không theo luật pháp, chỉ một tỉnh bắt hơn 1.000 người rồi lại thả gần 500 vì không hề tìm ra chứng cứ phạm pháp! Một đại biểu khác nêu lên có gần 10.000 tên tội phạm đã bị kết án tù vẫn nhõn nhõ ngoài vòng pháp luật, vì chúng dứt lốt, dựa vào thần thế, ô dù... Nhiều đại biểu nêu rõ cái tệ quan chức lớn, cấp ủy đảng can thiệp vào việc xử án của ngành tư pháp, bênh che tội phạm!

Ngay về mặt *kinh tế, tài chính*, cuộc sống đặt ra những vấn đề cấp bách, hoàn toàn chín muồi đòi phải giải quyết gấp. Đó là *giải thể thêm một số trong số 6.000 xí nghiệp quốc doanh*, mà 2/3 là lỗ vốn, nợ đầm đìa dài hạn, không sao thanh toán nổi. Đó là việc công nhận sòng phẳng *quyền sở hữu ruộng đất, nhà cửa* của tư nhân. Đó là *cải cách gấp cả 4 ngân hàng lớn* của nhà nước: Ngân hàng Thương mại Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Thương mại Quốc tế (Incombank), Ngân hàng Nông nghiệp (Vietnambank for Agriculture), Ngân hàng Đầu tư, Phát triển (Bank for Investment and Development); cả bốn ngân hàng này đã cho vay số tiền cực lớn *không thu hồi lại được* lên đến 4,5 tỷ đô-la; ông Bradley Babson, đại diện WB (Ngân hàng Thế Giới) ở Hà Nội nhận xét rằng tình hình đó cực kỳ nghiêm trọng vì theo tiêu chuẩn quốc tế thì cả 4 ngân hàng lớn ấy của Việt Nam đều *đã ở* trong tình trạng *vỡ nợ, phá sản* về kỹ thuật.

Các chuyên gia tài chính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, của các ngân hàng Nhật,

Úc, Pháp... đều *bi quan, thất vọng* về sự đổi mới của ngành ngân hàng Việt Nam, mặc dầu WB đã tặng không Việt Nam 49 triệu đô-la từ 2 năm nay để cải cách hệ thống ngân hàng; thống đốc ngân hàng Việt Nam đã trở thành nổi tiếng khi hện rằng thị trường chứng khoán VN sẽ được mở vào năm 1995! sau lại lùi vào năm 1997, và mới đây lại hện lại là "sẽ", "có thể" được mở vào "khoảng" năm ...2000!

*Then chốt* của các vấn đề cấp bách trên đây là cải cách luật pháp theo hướng *công nhận và tôn trọng thêm một số quyền lợi đã được ghi trong Hiến Pháp* của công dân. Quyền tự do kinh doanh, tự do sở hữu, tài sản tư nhân (đất, ruộng, nhà cửa, tiền bạc) được tôn trọng, được *đối xử bình đẳng trước pháp luật*; luật pháp phát huy tác dụng cưỡng chế, răn đe với mọi người, không trừ một ai.

Đây là điều nhân dân lương thiện mong chờ, nhưng đối với những người lãnh đạo giáo điều của đảng quen thói gia trưởng độc đoán thì những cải cách này là *xương xẩu thật khó nhá, càng khó nuốt* vì nó đụng đến chức và quyền của họ, đến những đặc quyền, đặc lợi mà họ rất khó từ bỏ một cách tự giác, vui vẻ. Đây là cái *ngưỡng cửa trí tuệ, tâm lý, đạo đức* mà đảng cộng sản rất khó tự mình vượt qua nếu không có sức ép mạnh mẽ từ một bộ phận có trí tuệ và lương tâm ở trong đảng, một sức ép mạnh hơn từ quần chúng trong xã hội và từ sự thuyết phục có lý, có tình của người Việt ở hải ngoại, đi cùng với những khuyến cáo vô tư của dư luận quốc tế, của các tổ chức quốc tế và các chính phủ dân chủ.

### Thế lực mới

Cuối năm 1996, đầu năm 1997, đã có những *hiện tượng mới* rất đáng đánh giá. Giá nhà, đất ở Hà Nội và Sài Gòn, ở những khu vực có giá trị như quanh Hồ Tây, Cầu Giấy, Nghĩa Đô...(Hà Nội), ở quận 1, quận Tân Bình (Sài Gòn) sau khi tăng đều đặn năm năm liền, đã chững lại và *giảm* từ 20 đến 30%. Khách sạn nổi một thời chạt cúng khách bắt đầu thưa khách và được kéo sang Singapore. Các khách sạn lớn, nhỏ, các mini hotel đều hạ giá buồng mà vẫn thiếu khách!

Cán cân xuất nhập khẩu có thể *thâm thủng* năm 1996 lên đến 4 tỷ đô-la! Nguồn đầu tư nước ngoài tăng lên đều đặn hơn 5 năm liền bỗng chững lại và *tụt dần*, tụt dần, tụt đến 30% so với năm 1995. Tất cả là những dấu hiệu đặc trưng của khủng hoảng. Chủ tịch ủy ban kinh tế Nhật Bản-Việt Nam Akira Nishio kéo còi báo động: Việt Nam không đẩy mạnh cải cách, thu hẹp quốc doanh cũ kỹ và lỗ lổn, huy động vốn tư nhân vào làm ăn, cải cách hành chính và luật pháp... thì các nhà đầu tư Nhật Bản và các nước sẽ không đổ vốn vào nữa! Các hãng nghiên cứu về *rủi ro* xếp Việt Nam vào đầu bảng, mà rủi ro là trở ngại đầu tiên đối với các nhà đầu tư. Họ mở hàng, đóng cửa, di chuyển vốn chỉ qua một cú điện thoại, một tờ fax. Làm mất niềm tin thì nhanh, lấy lại niềm tin sau đó mới khó, mới lâu.

Đảng cộng sản Việt Nam theo phân tích của báo Quân Đội Nhân Dân đang phân hóa thành *ba thế lực* có chính kiến khác nhau. Một thế lực bảo thủ luôn lo sợ đổi mới thái quá, muốn *kim hàm tốc độ lại*, sợ mất quyền, lu loa nguy cơ diễn biến hòa bình; một thế lực gồm các chuyên gia kinh tế, tài chính, các người cầm đầu các công ty, làm kinh tế đối ngoại... thấy cần *đẩy tới cải cách* cho đồng bộ, nhất quán để giữ tốc độ tăng trưởng, thu hút thêm vốn bên ngoài, huy động vốn tư nhân trong nước, cố đạt mức tiết kiệm nội địa vượt 20%! Một số khá lớn do dự, phân vân, đang cãi nhau với chính mình. Cuộc hội nghị trung ương 2 (khóa 8) giữa tháng 12 về *nhân lực* liên quan đến các chính sách dân số, y tế, giáo dục đào tạo, luật pháp, văn hóa, đối ngoại... thể hiện rõ sự phân hóa ấy. *Bệnh thì quá nhiều*, ở lực phủ ngũ tạng, loại kinh niên bằng: thất nghiệp cao, trẻ em suy dinh dưỡng nhiều, y tế suy sụp, giáo dục lạc hậu, ma túy tràn vào học đường, thanh niên chỉ có lý tưởng "tờ xanh" (đô-la), công nhân tay nghề thấp, phạm pháp cao... nhưng *không có biện pháp hữu hiệu* vì ngân sách thiếu, xã hội thoái hóa (đến độ bộ trưởng đặc trách chống tham nhũng và viện trưởng kiểm soát tối cao đều mất ghế ủy viên trung ương vì... những lạm! và trùm buôn ma túy lại chính là các sĩ quan an ninh Vũ Xuân Trường, Bùi Danh Ca...).

Thế lực đòi hỏi đổi mới mạnh dạn tuy còn yếu nhưng đang loang dần ở trong đảng và bộ máy nhà nước vì nó *phải lẽ, có lý, là sự thúc đẩy của cuộc sống*. Nó đang lên mạnh thành một xu thế đáng kể ở trong *một tầng lớp xã hội mới, tầng lớp trung lưu* đang phát triển khá mạnh trong 4, 5 năm nay.

Họ là con em của các nhà kinh doanh cũ từng bị kỳ thị và phân biệt đối xử trong các chiến dịch cải tạo tư sản bóc lột; họ là tiểu thương, tiểu chủ làm ăn khấm khá trong kinh tế thị trường; họ là cán bộ đảng viên chấm dứt cảnh ba cọc ba đồng để tự cứu; họ là cựu sinh viên, lưu học sinh từ Nga, Đông Âu trở lại các nước đó sau khi chủ nghĩa xã hội tiêu tan để lập nghiệp, nay là gạch nối giữa thị trường Việt Nam và thị trường Nga và Đông Âu... Họ làm quen nhanh với thị trường trong và ngoài nước, có dịp tiếp xúc với các nhà kinh doanh nước ngoài, có kinh nghiệm giao dịch, thương thảo, ký kết thực hiện các hợp đồng. Họ là tổng giám đốc, giám đốc điều hành, ủy viên quản trị, trợ lý, tiếp thị, đại diện... các công ty tư nhân loại vừa và nhỏ, xử dụng thành thạo máy fax, điện thoại viễn thông, đọc đều đặn các tạp chí kinh tế, tài chính quốc tế, quen biết nhiều đối tác, bạn hàng... Tuy nhiều lúc họ phải quy lụy, dứt lốt các cơ quan chính quyền, đảng ủy, công an, hải quan... để công việc được trôi chảy, phải quan hệ với những kẻ có chức, có quyền, con ông cháu cha... nhưng họ mong muốn một *chế độ cởi mở, nghiêm chỉnh, sạch sẽ*, với lối chơi có *luật nghiêm minh và bình đẳng*, trong đó người kinh doanh đọ sức nhau bằng tài trí chứ không phải bằng quan hệ quyền thế, mọi người đua sức làm giàu một cách ngay thật chứ không bằng mách mung kiểu luật rừng. Đáng chú ý là ngay cả một số con ông cháu cha có tài sản chẳng mấy mình bạch do chức quyền người thân, khi được du học ở các nước tân tiến và có mối quan hệ kinh doanh với thế giới, cũng mong muốn không khác gì những nhà kinh doanh mới nói trên.

Họ nhiều lần nói lên yêu sách chân chính là đảng phải giữ lời hứa, đối xử với các chế độ sở hữu thật sự bình đẳng, không được coi các *cơ sở quốc doanh là con đẻ* còn các *cơ sở tư nhân là con ghẻ*, nuông chiều quốc doanh quá đáng, ghét bỏ tư nhân đến độ khi cần thì bóp mũi cho nó chết.

Chính *tầng lớp trung lưu mới* - mà đảng lờ mờ, ngụy t với định kiến là bóc lột - là một *thế lực kinh tế tài chính đang phát triển*, có cảm tình với những trí thức, văn nghệ sĩ tiến bộ, có tinh thần dân tộc sâu sắc, *tuy thường nói là không làm chính trị, nhưng tùy lúc* dám lên tiếng phê phán những sai lầm của đảng, góp phần thúc đẩy sự phân hóa trong đảng cộng sản, tạo thành *một trào lưu dân chủ* đầy triển vọng. Nó sẽ là *một thế lực chính trị đáng kể* trong xã hội VN hiện đại.

## Hướng xuất hành đại cát

Đảng cộng sản đang đứng trước một sự lựa chọn có ý nghĩa quyết định. Năm năm qua với những thành tựu rất đáng kể, là bước chuẩn bị cho những bước đi sắp tới. Chẳng cần sự thay đổi gì ghê gớm cả. Chỉ cần theo đà đổi mới, *dấn lên vài ba bước mới*. Làm một số việc mà nghị quyết đảng đã ghi rõ nhưng chưa được thực hiện. Đó là *đảng* chỉ làm vai trò "*nêu gương*" và "*thuyết phục*" (như Đại hội 7 đã nêu từ năm 1992). Đảng phải chịu sự cưỡng chế và chi phối của luật pháp, không có ngoại lệ. Phải *tôn trọng người công dân*, không thể tùy tiện bắt bớ, giam cầm hàng trăm, hàng ngàn công dân vô tội. Không một ai có thể bị tù do ý nghĩ và lời nói ngay thật của mình. Chính quyền đã đưa các ông Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu... ra xét xử là một tiến bộ (trước kia họ bắt bớ tù công dân hàng chục năm mà không có xét xử); nhưng xét xử một vụ án lớn có vài giờ là một sự tùy tiện, bất hợp pháp, một trò cười. Họ xử 1 năm, 2 năm... đã là biết sợ dư luận trong và ngoài nước. Nhưng bỏ tù 1 ngày người không có tội vẫn là phi pháp! Hãy mạnh dạn thực hiện khuyến cáo của bạn bè quốc tế là mạnh dạn *giải tư thêm* các cơ sở quốc doanh yếu kém. Hãy ban bố các điều luật *tôn trọng quyền sở hữu tư nhân* về ruộng, đất, nhà, tài sản. Cái lợi lớn nhất như chuyên gia WB ở Hà Nội phát biểu, là công dân có của sẽ *bỏ vốn ra kinh doanh*, không chôn cất vàng dưới chân giường, gầm tủ, góc tường, không cất giữ đô-la trong tủ riêng nữa. Đất nước sẽ có thêm ít nhất 4 tỷ đô-la để sinh lợi! Hãy từ đó chấn chỉnh *hệ thống ngân hàng* để tạo nên niềm tin của xã hội, điều kiện tiên quyết để mở thị trường chứng khoán và hội nhập nền tiền tệ Việt Nam với hệ thống tiền tệ Đông Nam Á và thế giới. Cần cải sửa thêm *luật đầu tư*, khắc phục gấp tâm lý chán nản của giới đầu tư quốc tế.

Làm được những điều trên thì *đà phát triển* 5 năm qua sẽ được duy trì, *nguồn đầu tư sẽ không bị cạn, xã hội sẽ ổn định* hơn trước rất nhiều, thế ngoại giao của Việt Nam sẽ không bị sa sút do vi phạm nhân quyền, quan hệ với Hoa Kỳ sẽ thuận lợi, điều kiện tối huệ quốc (MFC) trong buôn bán với Mỹ sẽ sớm đạt. Có như vậy cuộc *hợp thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp* vào cuối năm 1997 ở Hà Nội mới có kết quả (vì nó sẽ là cục xương khó nuốt khi mà các vị tiêu biểu cho văn hóa Pháp như các ông: Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính... đều bị bạc đãi và chưa hề được cải chính và giải toả niềm uất hận).

Tình hình đã *chín* để chính quyền đi một bước theo hướng trả lại cho xã hội quyền *tự do tư tưởng và ngôn luận*, để cho *một hoặc vài tờ báo tư nhân* xuất bản, cạnh tranh ngay thật với các tờ báo của đảng và nhà nước. Đó sẽ là những tờ báo do những người có thiện chí và tay nghề làm, chịu sự chi phối của luật pháp, lấy công luận làm trọng tài; nói đúng, có ích thì được công luận khen; vu cáo, chửi rủa hạ cấp thì bị công luận lên án và luật pháp trừng trị. Như ở hầu hết các nước khác. Đó cũng là bước hòa nhập với thế giới mà sớm muộn ắt phải đến, không có cách nào trốn tránh được.

Những bước trên đây là *ước mong tốt lành* đầu năm 1997, là *hướng xuất hành đại cát* của đất nước, mang lại niềm vui lớn cho mọi người Việt Nam lương thiện và yêu nước. Bỏ qua những bước đi cần thiết ấy, nước ta lại có thể bị *lở tàu* trên chuyến xe tốc hành của loài người đang phóng tới thế kỷ 21! Ổn định sẽ mất tiêu, hỗn loạn sẽ gõ cửa.

### Một chút lương tri!

Đất nước đang đổi mới từng giờ. Nhà cao tầng mọc ở mọi hướng trong các thành phố lớn. Xe ô-tô, xe máy như mắc cửi. Điện thoại di động cầm tay trở nên quen thuộc. Cách ăn mặc, nếp sống thay đổi. Mỗi người Việt Nam tự cảm thấy mình tự do hơn. Lẽ ra sự đổi mới còn sớm hơn, toàn diện hơn, sâu sắc hơn nhiều.

Chỉ cần có *đôi chút lương tri* để thấy rằng cuộc sống đang đặt ra những *vấn đề mới* trên con đường đi tới của đất nước. Tình hình đã *chín* để đảng thực hiện lời hứa: *từng bước đổi mới hệ thống chính trị* của đất nước, *đẩy tới sự đổi mới về kinh tế*, thúc đẩy cuộc cải cách hành chính, luật pháp. Nghị quyết mới đây của trung ương đảng về *phát triển nhân lực* không sao tránh né những vấn đề nóng hổi: dân số tăng nhanh, thất nghiệp quá lớn, y tế, giáo dục bất cập... Những *bước đi tới* đề cập trên đây là *cấp bách* để giải quyết tốt đẹp các vấn đề chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, nhân lực của đất nước. Nó là cái *nút*, là *chìa khóa* mở ra con đường trước mắt.

Dân gian có câu: *lẽ phải củ cải cùng phải nghe theo*. Lẽ phải rõ ràng như thế, đơn giản như thế, hợp lòng dân, hợp lòng bạn như thế, ắt sẽ phải được nghe theo. Chẳng lẽ một tập thể con người lại có thể vô hồn, vô tri, vô giác, không bằng bó củ cải hay sao!

Bùi Tín

## Ba nguy cơ lớn nhất đe dọa tương lai dân Việt Nam

Tôn Thất Thiện

*Chế độ cộng sản hiện tại, và những chính sách mà lãnh đạo đảng cộng sản đang theo đuổi một cách mù quáng, đặt dân Việt Nam trước ba nguy cơ rất lớn - bạc nhược hóa, ngu đần hóa và lưu manh hóa - mà hậu quả ghê gớm là, quá một mức nào đó, khó đảo ngược tình thế và dân tộc sẽ bị đẩy lùi lại tình trạng man dã.*

Qua những tin tức thu lượm được từ nhiều nguồn khác nhau, trong và ngoài nước, ta nhận thấy một hình trạng Việt Nam đang hiện ra rõ rệt: hình trạng một quốc gia và xã hội không còn nền tảng trí năng, kiến thức, đạo lý, cơ cấu luật pháp và hành chánh để tồn tại và phát triển. Nhân dân Việt Nam đang bị dòng nước lũ của triết lý "hiện sinh" kéo đi. Trí tuệ, lương tâm, khí khái của người dân Việt đang bị lu mờ, suy nhược trầm trọng.

### Một dân tộc đang bị bạc nhược hóa

*Nhút nhát*: không dám chống đối; không dám phản đối; không dám nói lên sự bất đồng ý kiến của mình; không dám có quan điểm riêng; không dám suy nghĩ. *A dua*: mồm ra là nói như người quyền thế nói, và chỉ nói những gì mà người có quyền thế cho nói. *Tránh né*: thấy quan điểm rõ ràng sai cũng không nói gì; thấy chính sách sai và rõ ràng có hại cho xứ sở cũng nín thinh. *Dửng dưng*: thấy những người bị áp chế oan ức, không bênh; biết những sự bất công, và ngay cả cho mình, cũng không hé răng kêu ca, phản nản gì, v.v...

Thái độ trên đây thu tóm trong hai chữ: *bạc nhược*.

Trong 4000 năm lịch sử, dân tộc Việt Nam chưa khi nào gặp nguy cơ bị bạc nhược hóa trầm trọng như vậy. Trong suốt thời gian bị áp lực nặng nề, có khi bị sự đô hộ trong cả mấy thế kỷ của Trung Quốc, một quốc gia láng giềng khổng lồ và hung hăng muốn thôn tính và bức diệt Việt Nam, dân Việt không hề mất những đức tính tốt đẹp của mình. Trong 100 năm đô hộ của Pháp, dân Việt Nam tuy mất chủ quyền nhưng không khi nào mất hết những đức tính cần thiết cho sự tự trọng, tồn tại và phát triển của một quốc gia và

một dân tộc. Ngày nay, chủ quyền đã lấy lại được nhưng những gì còn cần thiết hơn chủ quyền nữa để xây dựng xứ sở thì lại đang tiêu biến! Thay vì được giải phóng thực sự, dân tộc Việt Nam lại đang là nạn nhân của nguy cơ bị bạc nhược hóa, tiếp tục thân phận nô lệ, nhưng cho một lớp thực dân mới, thực dân "local", mà một học giả Việt Nam gọi là "thực dân bản địa" (Bửu Sao, *Những mối ưu tư của người Việt đời tôi*, NXB Tân Lạc, New York, 1994, tr. 12).

### Một dân tộc đang bị ngu đần hóa

Một hiện trạng đặc biệt thứ hai là những người đang sống ở Việt Nam hầu như không biết gì đến những sự việc xảy ra trong nước, ngay xung quanh họ, và chính những người này lại tỏ ra ngạc nhiên sao chúng ta ở ngoài xứ mà biết nhiều hơn họ về tình hình quốc nội, nhất là những biến chuyển "chính trị".

Ngoài ra, ai cũng biết rằng giáo dục Việt Nam đang lâm vào một tình trạng báo động. Một số trẻ em rất đông không được đi học vì gia đình không có khả năng đóng học phí cho con; số trường học quá ít; lớp học quá đông; số giáo viên thiếu hụt trầm trọng, số thầy giáo có giáo phải bỏ nghề để đi làm tư cho đủ sống rất đông; trường ốc thiếu dụng cụ cập nhật cần thiết để bắt kịp trình độ quốc tế, v.v...

Vượt trên tất cả những khó khăn thiếu thốn trên đây là thái độ khinh miệt trí thức của Stalin và Mao Trạch Đông, mà ông Hồ đã nhồi vào đầu cán bộ cộng sản từ ngày lập Đảng vẫn bao trùm lên đất nước. Ai có nghiên cứu ít nhiều chắc biết đến chính sách gạt bỏ trí thức và tiểu tư sản của Lênin và Stalin, mà ông Hồ đã hấp thụ "tốt" trong thời gian thụ giáo ở Moscow và nhập cảng vào Việt Nam trong những năm 1925-1945. Còn Mao Trạch Đông thì quan niệm "trí thức không bằng cục phàn" đã được phổ biến rộng rãi trong hàng ngũ cán bộ đảng cộng sản và vẫn còn là tiêu chuẩn quyết định về người, về việc của rất nhiều người đang nắm giữ những chức vị quan trọng trong Đảng và Nhà nước.

Cuối cùng, viện cố chống "diễn biến

hòa bình", lãnh đạo của Đảng đang áp dụng một chính sách kiểm soát tư tưởng và trấn áp gắt gao những thành phần có những tư tưởng mà họ cho là "lệch lạc", không đúng với đường lối "kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa" mà Đảng đã thông qua trong Đại Hội VIII vừa qua.

Với những đường lối, chính sách, biện pháp đàn áp như trên, nhân dân Việt Nam không thể nào tiếp thu được những luồng tư tưởng mới và có những kiến thức cần thiết để lấy những quyết định đúng, cập nhật cho xứ sở có thể tiến nhanh và bắt kịp các quốc gia tân tiến. Trái lại, dân Việt Nam chỉ có thể bị ngu si hóa càng ngày càng nặng. Ngu si dẫn đến ngu dốt, ngu xuẩn, ngu dần và, rốt cuộc, trở lại tình trạng cầm thú.

### Một dân tộc đang bị lưu manh hóa

Một tình trạng nguy hiểm thứ ba là tình trạng vô đạo lý, vô kỷ luật, vô tổ chức. Nhân viên nhà nước và cán bộ Đảng, kể cả trong hàng ngũ lãnh đạo, không có ý thức và ưu tư về bảo vệ tài nguyên quốc gia và cung ứng dịch vụ công cộng cần thiết. Cán bộ và công chức không có công tâm, chỉ biết trục lợi, hữu quyền nhưng vô đạo, đua nhau tham nhũng, đục khoét như những con đĩa hai vòi - một vòi hút tài nguyên quốc gia, một vòi hút tài sản nhân dân. Trong dân gian thì lường gạt nhau (kể cả trong thân nhân), bóc lột của nhau trắng trợn là chuyện thường; kỷ cương không còn; cư xử với nhau không trọng nhân nghĩa.

Chữ tín là một chữ không có nội dung, mà cũng không ai đề cập đến như một giá trị đáng tôn, đáng quý. Tình nghĩa cha con, bạn bè, thầy trò suy giảm. Mạnh ai nấy sống, chẳng ai thương ai, chẳng ai lo cho ai, chẳng ai tin ai, chẳng ai nhờ được ai. Cả nước, cả xã hội đang bị lưu manh hóa, sống theo luật rừng.

Tình trạng trên đây là hậu quả của chính sách kềm kẹp, khủng bố, đẩy vào thế chỉ lo chạy miếng ăn hằng ngày và tránh trừ áp, tù đày. Họ bị ép phải làm những điều phi pháp, sinh hoạt ngoài vòng pháp luật. Ưu tư lớn của họ là làm sao tránh né bạo lực và uy quyền Đảng để tồn tại. Họ trở thành vô sĩ, phải lưu manh để sống. Đối với họ, không có gì đáng tôn, đáng kính nữa cả. Chính quyền vô đạo thì ta phải lưu manh! Kể trên làm gương, kẻ dưới bắt chước. Người xưa thấy nguy cơ này rất rõ và cảnh giác: *Thượng bất chính, hạ tắc loạn.*

### Trách nhiệm về ai?

Tình trạng trên đây đang làm bung ra xã hội Việt Nam hiện nay và đe dọa tương lai của những thế hệ sau. Ai chịu trách nhiệm về sự kiện này? Tại sao nước Việt Nam, dân Việt Nam, từ tình trạng một nước, một dân tộc khí khái, thông minh, có văn hiến, đang bị nguy cơ trở thành một dân tộc bạc nhược, ngu dần và lưu manh? Đây là một câu hỏi mà mỗi người Việt Nam, nhất là người cộng sản, là người thuộc giới nắm toàn quyền lực trong việc điều hướng quốc gia và dân tộc, và đương nhiên là người chịu trách nhiệm về những gì xảy ra cho dân, cho nước, phải trả lời.

Trong sự tìm giải đáp cho câu hỏi trên, có một sự kiện mà không ai phủ nhận được. Đó là tình trạng này chỉ được nhận thấy từ ngày ĐCSVN chiếm toàn lãnh thổ Việt Nam và áp đặt quyền hành tuyệt đối của họ trên toàn xứ. Sự kiện này nêu ra câu hỏi: có phải nhóm lãnh đạo ĐCSVN hiện tại muốn bạc nhược hóa, ngu dần hóa và lưu manh hóa dân Việt Nam để cho họ dễ thống trị hay không? Ta có cảm tưởng là đang được đọc quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc; trong đó chữ "Pháp" được thay thế bằng "Cộng Sản Việt Nam": *Bản án của chế độ thực dân Cộng Sản Việt Nam.*

Dù sao tình trạng trên đây đã có và kéo dài được vì trong những năm 1945-1950, một số người Việt trong lứa tuổi 18-30 đã vì lòng thương nước, thương dân, vì ý nguyện tranh đấu giành độc lập cho quốc gia và vì lý tưởng thực hiện công bằng tự do cho xã hội, đã đi theo Việt Minh và sau đó theo ĐCSVN. Có sự ủng hộ và cộng tác tận tình, tận lực của họ đảng cộng sản mới cướp được quyền, củng cố quyền, bành trướng quyền và có thêm sức lực, phương tiện và điều kiện để trấn áp nhân dân Việt Nam, gây ra tình trạng ngày nay.

Có thể, như Nguyễn Hộ, Vũ Cảnh và Trần Độ đã giải thích, từ ngày vào Đảng những thanh niên đầy lý tưởng và thiện chí trên đây đã bị thành tù nhân của Đảng và buộc phải trở nên những kẻ giả dối. Dù sao, cố ý hay vô tình, họ đã đóng góp nhiều vào công cuộc bạc nhược hóa, ngu dần hóa và lưu manh hóa dân tộc. Ngày nay, chính họ đang bị nguy cơ bạc nhược hóa, ngu dần hóa và lưu manh hóa nặng hơn ai cả. Họ là những người có trách nhiệm dẫn đầu trong cuộc tìm lối ra.

### Lối ra

Lối ra mới xem thì rất khó khăn vì họ đã tự đặt mình vào một cái thế kẹt là chấp

nhận kỷ luật Đảng một cách tuyệt đối. Nhưng thực ra việc rất dễ. Họ chỉ cần suy xét lý do vì sao họ đã theo Việt Minh và vào ĐCSVN. Giữa đảng này và họ có những cam kết tinh thần gì về một hợp đồng xã hội qua Tuyên Ngôn Độc Lập tháng 9-1945 và Hiến Pháp ngày 9-11-1946? Theo hai văn kiện này, họ chỉ bị ràng buộc bởi hai mục tiêu: độc lập và dân chủ. Hoàn toàn không có vấn đề thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa và chuyên chế vô sản theo chủ thuyết Mác-Lênin và nhân danh "giai cấp" kỳ thị, trấn áp đồng bào.

Đảng đã xé hợp đồng nói trên vào năm 1951, lúc Đảng công bố theo xã hội chủ nghĩa, áp dụng chủ nghĩa Mác-Lênin và đứng vào trong hàng ngũ khối cộng sản. Như vậy, họ hết bị ràng buộc với Đảng và có quyền rút ra để tự giải phóng và giúp vào công cuộc giải phóng dân tộc, như Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Minh Chính và một số người khác đã làm. Nếu họ tiếp tục ủng hộ đường lối hiện tại của ĐCSVN, trước lịch sử họ sẽ mang tội đã góp phần đắc lực vào công cuộc bạc nhược hóa, ngu dần hóa và lưu manh hóa dân tộc, đẩy dân tộc vào con đường suy đồi, diệt vong.

Tôn Thất Thiện  
Ottawa, tháng 1-1997

## THÔNG CÁO

**Bắt đầu từ  
tháng 1-1997,  
địa chỉ liên lạc mới  
của tòa báo là:**

**THÔNG LUẬN  
124 bis, avenue de Flandre  
75019 Paris  
FRANCE**

**Xin thông báo cùng  
quý độc giả và thân hữu**

**Ban biên tập**



- Mới sáng sớm chị Năm Đòn Gánh có chuyện gì mà hấp tấp vừa đi vừa chạy như Tây bố vậy?

- Bộ các anh hồng hay tin gì sao, cứ thần nhiên ngồi uống cà-phê tỉnh queo vậy? Sáng nay Ban Cơ Yếu Trung Ương (T.78) mới nhận được điện báo tin ông Sáu Nam (Lê Đức Anh) bệnh đột biến, sụm rồi - bị á khẩu phải tức tốc chở đi cấp cứu!

- Tưởng chuyện gì nghiêm trọng, chẳng qua "nhà giàu đứt tay bằng dân nghèo đổ ruột" mà thôi. Sở dĩ sức khỏe ngài Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam đến nông nỗi này là do khuyết điểm của Bộ Chính Trị: "Mắc Bệnh Cố Lì". Ngay trong khi Đại Hội Đảng lần thứ 8, các đại biểu dự Đại Hội đã phát hiện được những biểu hiện thể trạng của đồng chí "Lê Lớn" lú lẫn, có đề nghị ngay với Ban Bảo Vệ Sức Khỏe Trung Ương nên kiểm tra tình trạng sức khỏe của "người" có đủ tiêu chuẩn làm việc nữa không? Nhưng những khuyến cáo chon thành ấy đều bị đánh giá "xấu", được chỉ đạo ngầm của Ban Bảo Vệ Chính Trị Nội Bộ Trung Ương là "có vấn đề", cần "lưu ý". Đã vậy, ngài còn "thu tóm" một lúc bốn trọng trách của Thường Vụ Bộ Chính Trị: Quốc Phòng - Đối Ngoại - Tinh Báo - Chủ tịch Nước. Lực bất tòng tâm làm sao kham siết? Ốn chưa!!!

- Là lớp nghèo thành thị, dân lao động mua gánh bán bưng chúng tôi hiểu đơn giản là do mấy người cầm quyền Đảng CSVN ở ác với dân quá nên Trời phạt vậy thôi. Bằng chứng, ngày khai mạc Đại Hội Đảng CSVN lần thứ 8, một đồng chí Ủy Viên Bộ Chính Trị (Nguyễn Đình Tú) chết bất đắc kỳ tử nhằm đúng cung "Càn", rồi tiếp theo là bảo tố, lù lục liên miên chưa từng có ở miền Bắc, vô miền Nam, ra miền Trung, khiến hàng trăm ngàn mẫu lúa ruộng, hoa màu mất trắng, hàng vạn nhà cửa tiêu tan hư hỏng, hàng ngàn người chết... thiệt hại không biết cơ man nào kể hết!

- Sẵn có chị giáo Tư ở đây, nhờ chị nói thêm cho Năm Đòn Gánh em được biết thõ xưa các bậc thánh hiền đã luận việc ấy như thế nào?

- Trong Kinh Thư có ghi: "*Thiên cặng vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi*", có nghĩa là Trời thương dân, dân muốn điều chi Trời cũng theo. Vì thế, hề mà làm điều gì trái lòng dân thì Trời sẽ gây ra thiên tai để nhắc nhở Vua. Nếu Vua biết kính Trời mà thay đổi cách cai trị, giúp

cho dân được hạnh phúc ấm no, tự do ngôn luận thì dân vui mà Trời cũng thuận vậy.

So lại với lời thẳng thắn mộc mạc của chị Năm vừa nói trên, đối chiếu kim cổ, ứng nghiệm vào bối cảnh đất nước mình hiện tại thì quả đúng như vậy.

- Trước vận hạn đất nước đen tối như thế, các anh chị có kế sách chi hãy xin hiến giúp.

- Từ ngàn xưa, tổ tiên ta luôn nhắc nhở rằng: "*Thuận dân giả tồn, nghịch dân giả vong*". Trước hết những người đứng đầu nhà nước CHXHCN Việt Nam và DCSVN phải tự khắc sửa mình. Đem lễ vật hoa quả, hương trầm đến Đàn Nam Giao tế Trời Đất tạ lỗi mình, rồi tức khắc ra lệnh miễn giảm thuế cho dân chúng ở nơi bị thiên tai trong 3 năm liền. Mở khám thả hết thủy tội phạm quốc sự. Chiêu mộ các nguồn hiền tài giúp nước. Khuyến khích quốc dân tự do lập hội, tự do làm báo... Chỉ có như thế thôi mới mong tránh được loạn lạc, tiêu vong, tương lai tổ quốc nhứt định sẽ hưng thịnh.

- Đúng, đây là đạo trị nước của các bậc tiên hiền. Nhưng các chị nói điều này với ngài Lê Đức Anh thì chẳng khác chi đem đàn khảy tai trâu. Là đệ tử trung thành với tư tưởng Mao Trạch Đông, có mối quan hệ gắn chặt với Bắc Kinh, chẳng đời nào họ chịu từ bỏ sự chuyên quyền để mở rộng dân chủ. Mới đây, Tổ Chức Các Ký Giả Không Biên Giới vừa thông báo một bản danh sách 25 kẻ thù của Tự Do Báo Chí, gồm những tên đao phủ thủ đứng đầu những nước đã vi phạm trầm trọng quyền tự do báo chí nhứt, bọn chúng đã sử dụng đủ mọi phương tiện để đàn áp, đe dọa, để bịt miệng các tiếng nói bất đồng. Đỗ Mười được xếp hạng thứ 10 trong số các lãnh tụ độc tài này. Đứng đầu là Thủ Tướng Lý Bằng, Trung Quốc. Riêng về vấn đề tham nhũng, thế giới cũng đã đúc kết Việt Nam là nước tham nhũng đứng hàng thứ 5 trên toàn cầu. Thật đáng hổ thẹn cho đất nước con Rồng - cháu Tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam bách chiến bách thắng?!...

Chính Đỗ Mười cũng đã thú nhận: "*...Cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay đạt hiệu quả rất thấp, trong khi đó tham nhũng diễn ra tràn lan, phổ biến, thậm chí có địa phương, có lĩnh vực còn nghiêm trọng hơn trước. Tình trạng tham nhũng đã và đang gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của*

*Đảng và Nhà Nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên*". Vậy mà trả lời phỏng vấn báo Tuổi Trẻ, ngài Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam còn giả mồm ba hoa sùi nước bọt rằng: "*Chống tham nhũng? Nói nhiều rồi, bàn nhiều rồi, hãy làm đi!*" Ai làm? Trong khi bản thân các ngài trong Bộ Chính Trị chính là những giáp chẵn, công sự kiên cố an toàn nhất cho bọn "Mafia đỏ" trú ẩn thì chừng nào mới truy và diệt được "giặc nội xâm" này???

Biết rằng chống tham nhũng mồm, kiểu xiu xiu ếch ếch lâu nay, bằng dân thiên hạ đã chán ngấy, nhưng khổ nỗi hễ thẳng mực tàu thì đau lòng gồ. Trùm Mafia là con rết - "Bố Già" đang còn ngồi chình ình một đồng ở cương vị Tổng Bí Thư Đảng CSVN thì làm sao gỡ cho ra. Muốn đánh chó cũng phải kiêng "chủ" chó, hơn nữa cạp dư đầu nỡ ăn thịt con...

- Nhưng cha con cụ Đỗ Mười đâu phải là loài súc vật? Chẳng cần trình độ chính trị cao xa chi lắm, người dân bình thường cũng đều biết rất rõ hệ "*Thượng bất chính, hạ tất loạn*", nếu bước vào tuổi xế chiều (còn mấy ngày nữa "cụ" thượng thọ 80 tuổi!), ngài Tổng Bí Thư rùi có hơi bị quên "luật nước" thì người tiếm nước chúng tôi cũng vui lòng nhắc lại "quốc pháp" các đấng tiên hoàng đã ghi khắc lại hết sức rành mạch để hiểu là: "Quân Pháp Bất Kỳ Vua".

- Thôi, cha nó lú thì chú nó khôn. Tân Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, Lê Minh Hương, tuyên bố: "*Không cần, không để ai đứng ngoài, đứng trên pháp luật*". Xin mời bà con tiếm nước đọc bài phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật đối với ngài Bộ Trưởng:

\* "*Nhiều đại biểu Quốc Hội cho rằng việc phát hiện và xử lý tham nhũng thời gian qua đạt hiệu quả thấp. Vậy trong cuộc đấu tranh này ngành công an đã làm hết trách nhiệm của mình chưa?*"

\* "*Tình trạng tham nhũng hiện nay đang có chiều hướng gia tăng và ngày càng nghiêm trọng hơn, tuy nhiên phát hiện chưa hết và có khi còn chưa kịp thời. Có những trường hợp còn thiên về xử lý nội bộ mà không chuyên cho cơ quan điều tra để khởi tố vụ án. Do đó, điều quan trọng là khi phát hiện được những hành vi tham nhũng phải chuyển ngay cho cơ quan điều tra. Phải nói thẳng rằng có những vụ phát hiện được rồi, khởi tố điều tra, nhưng còn làm chậm và kết quả đạt thấp. Vì vậy thời gian tới đối với các vụ án lớn, phức tạp mà dư luận quan tâm, chúng tôi sẽ sớm thực*

đẩy để sớm kết thúc điều tra, chuyển sang cho Viện Kiểm Sát và tòa án đưa ra xét xử".

Quân tử nhưt ngôn - đã nói phải làm. Lê Minh Hương đại ca, hãy "động thủ" có dám xuất chiêu đối đầu triệt hạ những vụ làm ăn phi pháp của tổ chức "Mafia đỏ" do "phò mã" cầm đầu, thì người tiếm nước chúng tôi mới tin chắc mẩm rằng vừa rồi các vị đại biểu Quốc Hội của mình đã không trao lộn "vàng" cho tướng cướp.

- Nói chơi vậy thôi, chứ trong giang hồ bọn trùm Mafia tham nhũng này đều biết nhau cả, và chúng chia khu vực để tha hồ đục khoét vô tư trên quan điểm: "quan hệ song phương và đa phương, các bên cùng có lợi, không can thiệp vào nội bộ của nhau", với qui ước: "Thịt nhà ai nấy chén". Chẳng thế đại lạo đồng chí Nguyễn Văn Linh, cố vấn Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN, đã lên tiếng cảnh báo về tệ nạn tham nhũng trong Đại Hội lần thứ 8 là: "Dột từ trên nóc dột xuống. Dòi từ trong xương dòi ra" là gì???

Là trùm "Mật Vụ Đỏ" chẳng lẽ ông lại không biết vụ tổ chức bán đất, cấp giấy phép, xây dựng nhà lầu, biệt thự nguy nga trên đê tại Hà Nội vi phạm hết sức nghiêm trọng pháp luật - kẻ chủ mưu chính là Bí Thư thành Ủy Hà Nội, Phạm Thế Duyệt. Nhưng khi điều tra khởi tố vụ án, kẻ chánh phạm lại đứng trên pháp luật, còn được bơm tiếp vào Bộ Chính Trị.

Kỷ cương phép nước của chế độ cộng sản Việt Nam lại tòi tệ đến thế à? Đương nhiên bọn Madia này đều có lộng, ô dù loại bự cả, vì cùng dính líu trực tiếp trong vụ án này còn có con rể của ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười, con trai của ông Đào Duy Tùng, Thường Trực Ban Bí Thư... Tổng Bí Thư Đỗ Mười ơi, ngài làm ơn ngó giùm coi đàn anh Trung Quốc trị tham nhũng ở nước họ.

- Bí Thư thành Ủy Bắc Kinh, Trần Huy Đồng, bị cách chức, truy tố vì liên can đến tham nhũng.

- Con rể Đặng Tiểu Bình tham nhũng cũng bị bắt tổng giam...

Nhà có gia quy, nước có quốc pháp trị nghiêm thì mới mong phát triển kinh tế - xã hội lâu bền. Những bản án trừng trị bọn tham nhũng ở cương vị Bộ Trưởng, Thủ Tướng, Tổng Thống của các nước Ý, Đại Hàn (án tử hình của cựu Tổng Thống Chun Doo Hwan, án 22,5 năm tù của cựu Tổng Thống Roh Tae Woo, truy tố Bộ Trưởng Quốc Phòng Lee Yan Ho với mức án đề nghị 6 năm tù giam vì nhận hối lộ 180.000 USD) đã minh chứng và bác bỏ quan niệm rằng: "Các nước ở Châu Á chỉ ổn định và phát triển kinh tế hóa rồng,

thành cạp dưới chế độ độc tài". Các ngài đứng đầu Đảng CSVN làm ơn làm phúc đừng chú ý đầu vào trong đồng rác bẩn ấy mà "lượm" những chất thải độc hại của Đại Hàn, Miến Điện, Trung Quốc... rồi đem kết lại gán cho nó tên vật tổ thiêng linh, ép trùng vô cổ mỗi người, buộc tất cả phải sùng bái thì tội nghiệp lắm!

Còn nữa, vụ thất thoát trên 3 ngàn tỷ đồng của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, có tổng số nợ quá hạn lên đến 1.250 tỷ đồng. Liên tiếp xảy ra hàng loạt vụ vi phạm qui tắc tín dụng ngân hàng gây thiệt hại nghiêm trọng như:

- Chi Cục Kho Bạc tỉnh Bắc Thái làm thất thoát: 5 tỷ.

- Ngân Hàng Quận 6 thành phố Hồ Chí Minh: 4 tỷ.

- Ngân Hàng Nông Nghiệp Quảng Ninh: 7,48 tỷ.

- Ngân Hàng tỉnh Nam Hà: 10,25 tỷ.

- Ngân Hàng Vietcombank TP Hồ Chí Minh:

\* Vụ Tamexco: 300 tỷ.

\* Vụ Công Ty Dầu Tăm Tơ: 388 tỷ.

- Ngân Hàng tỉnh Sóc Trăng: 90 tỷ.

- Ngân Hàng Vũng Tàu - Bà Rịa: 70 tỷ.

- Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 1996, những vụ tham ô trong lãnh vực kho bạc đã gây thiệt hại: 280 tỷ và 630 triệu đồng.

Đặc biệt tại quê hương của ngài Cao Sĩ Kiêm, Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam - tỉnh Thái Bình được "quan anh" chiếu cố, yểm hộ nên giám đốc ngân hàng tỉnh này kinh doanh đồng tiền thông qua những "hợp đồng kinh tế!", bất chấp pháp lệnh ngân hàng, tự tung tự tác ngang nhiên như xài tiền của nhà bố, nhà ông mình vậy, đạt thành tích phá hoại ngân quỹ quốc gia. Thống kê số liệu thất thoát trong 3 năm liền:

- Năm 1994 là 10,774 tỷ.

- Năm 1995 là 17,024 tỷ.

- Năm 1996 là 25,676 tỷ.

Ngót 2.500 tỷ đồng từ nuồn huy động tín dụng ngân hàng đang để "Đóng Băng" không có phương án đầu tư. Với tình trạng "thiếu phát" kéo dài đã và đang tạo nên áp lực ngày một nặng nề lên các hoạt động kinh tế lên các hoạt động kinh tế của Việt Nam... Và còn nhiều hơn nữa, bà con cần biết thêm xin cứ hỏi đồng chí Lê Văn Châu, Phó Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

Đồng chí Đại Tá Trần Duy Sản, Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Kinh Tế, tiết lộ bí mật: "Tham nhũng trong lãnh vực ngân hàng rất phức tạp. Có nhiều sơ hở trong chính sách, nhưng đặc biệt là cán bộ cho vay tùy tiện (trong tùy tiện có sự cố ý tiêu cực). Do vậy, tiền của ngân hàng cho các

doanh nghiệp vay nhưng họ làm ăm thua lỗ (tập trung ở doanh nghiệp tư nhân) không có khả năng thanh toán. Nhiều doanh nghiệp lừa đảo, chiếm dụng tiền của ngân hàng có giá trị hàng trăm tỷ đồng. Kho bạc cũng có nhiều vụ tham nhũng, đặc biệt là kho bạc cấp huyện. Có nơi cán bộ kho bạc lấy tiền trong kho hàng tỷ đồng để đánh bạc, đánh đề, chơi hụi, cho vay. Có thể nói trong ngành này có những vụ tham nhũng trắng trợn: ba người giữ 3 chìa khóa nhưng thông đồng với nhau, hoặc nhân viên kho bạc thông đồng với nhân viên ngân hàng để tham ô hàng tỷ đồng".

Ngành ngân hàng thối nát như thế sao chánh phủ không đuổi cổ phút tên ăn hại đái nát Cao Sĩ Kiêm cho dân chúng được nhờ. Trở về quê "tay bị, tay gãy di ăn mày" theo truyền thống quê cha đất tổ của ngài Thống Đốc Ngân Hàng... Đã nói "Mafia" mà lì!

Thối nát chính là nằm trong Bộ Chính Trị đã dung túng bao che thì làm sao trị được bọn tham nhũng. Thủ Tướng Chánh Phủ mà còn phải mếu máo trước Quốc Hội: "Với tư cách là Thủ Tướng Chánh Phủ thay mặt Chánh Phủ, tôi kiến nghị: Chánh Phủ và người thay mặt Chánh Phủ phải có đủ thẩm quyền xử lý đúng theo luật. Xử lý kỷ luật hành chánh đối với cán bộ được Thủ Tướng bổ nhiệm ở mức độ khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc và kiến nghị truy tố trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Quốc Hội và luật pháp theo Luật tổ chức của Chánh Phủ. Nếu trong những vấn đề khác không được thì xin được thực hiện đúng quyền của Thủ Tướng Chánh Phủ trong chống tham nhũng. Các cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật như Tòa Án, Viện Kiểm Sát... phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Quốc Hội, trước Đảng và không chịu bất cứ sức ép nào trái pháp luật".

Chưa hết, Tổng Công Ty Bưu Chính Viễn Thông để ngoài ngân sách 968,7 tỷ tiền chuyển mạng và chênh lệch khi mắc điện thoại.

- Tàu Hy Vọng mua 55 tỷ rồi sửa chữa 550 tỷ. Tổng cộng 600 tỷ không hoạt động được, bán thanh lý sắt vụn.

- Nhà máy dệt Nam Định để thất thoát nợ gần 620 tỷ.

- Công ty Lương Thực tỉnh Đồng Tháp kinh doanh lỗ, nợ nần 151 tỷ.

- Công ty Xuất Nhập Khẩu Mekonimex vỡ nợ 43 tỷ.

- Công ty Dệt Long An thất thoát 30 tỷ.

- Ủy Ban Nhân Dân Xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội, tự ý bán đất, thu lợi bất chính: 13 tỷ đồng...

Chỉ mấy vụ kể trên trong ngành ngân hàng và các doanh nghiệp quốc doanh đã gây thiệt hại gần 7 ngàn tỷ đồng. Số tiền này có thể trợ cấp cho 100.000 thương binh nặng loại 1 (có mức thương tật 85%, với số tiền trợ cấp là 230.000 đồng/tháng) trong suốt 20 năm!

Chính vì Đảng CSVN giành độc quyền lãnh đạo đất nước này nên đương nhiên quá trình Mafia hóa đất nước Việt Nam cũng bắt nguồn từ bọn "Tư Bản Đỏ" khoác áo Đảng CSVN, rồi hình thành phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu một cách nhanh chóng. Tổ chức bọn Mafia kết tụ những tên trùm đứng đầu ngành Công An - Ngoại Giao - Quân Đội, chúng mặc tình thao túng và không từ bỏ bất kỳ lãnh vực nào làm ra tiền, kể cả bán vũ khí, buôn lậu thuốc phiện, kinh doanh con người (từ tổ chức người vượt biên, xuất khẩu phụ nữ cho đến mua bán trẻ sơ sinh...) vì có ai dám kiểm tra, giám sát đâu mà sợ. Nếu có ý kiến nào khác với Đảng CSVN thì tức khắc đã bị chụp mũ, qui là phản động, chống Đảng... Người tiệm nước chúng tôi xin mời hai ngài thủ trưởng: Vũ Chính, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tình Báo Quân Đội, và Nguyễn Khánh Toàn, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục An Ninh Bộ Nội Vụ, đồng xác nhận giùm, nhớ lãn dấu tay và cả luôn dấu chân cho chắc ăn nhé.

Cải tổ nội các, Thủ Tướng Võ Văn Kiệt vừa hó hé định giới thiệu danh sách nội các mới thông qua Bộ Chính Trị có 5 Bộ Trưởng, Thứ Trưởng thuộc thành phần không đảng viên. Chưa kịp giải trình, Võ Văn Kiệt đã tức khắc bị "lãnh đạo" là có tư tưởng xét lại. Láo thiệt!?

Rất may là ông Hồ Chí Minh đã qua đời, bằng không "cụ" cũng bị quan điểm - lập trường của Bộ Chính Trị ĐCSVN bây giờ tròng thông lọng "Đại Xét Lại" vào cổ Bác, lôi xệch đến giá treo cổ vì đã cấu tạo trong chính phủ Hồ Chí Minh đến 3/4 là nhân sĩ, trí thức không phải là đảng viên cộng sản. Thôi trâu già đâu nệ dao phay, phải hôn anh Sáu Dân?

Thấy chưa, Đại lão đồng chí Nguyễn Thọ Chân (nguyên Bí Thư Thành Ủy Sài Gòn - Phó Bí Thư Thành Ủy Hà Nội) ý kiến của cụ thống nhất với các vị bô lão kiến nghị Tổng Bí Thư phải mở rộng đoàn kết dân tộc, mời các nhân tài trí thức về nước tham gia các Bộ, các ngành trọng yếu, kể cả đảm nhiệm Bộ Trưởng để nhanh chóng phát triển đất nước, làm sao Đỗ Mười - Lê Đức Anh chấp nhận được. Ở cương vị đứng đầu chánh phủ, Võ Văn Kiệt còn bị "đập" toi tã, lãnh thẹo cùng mình, huống hồ gì kiến nghị của các cụ

lão thành cách mạng, bọn chúng có tiếp nhận cũng chỉ chiếu lệ rồi sẽ liệng vào giỏ rác, hoặc "ghim" đó, cộng đồng dựng nên thành "âm mưu tạo phản" dùng luật rừng để khóa miệng, đàn áp thiên hạ, triệt tiêu ý chí đấu tranh cho công bằng, dân chủ, lẽ phải. Không đâu, hãy nhớ lấy:

*Cố đề thì tre chỉ cong.*

*Càng quần xuống thấp, càng vùng lên cao.*

Rốt cuộc, Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị xô gà, chỉ định 8 ngài Bộ Trưởng mới:

- Lê Minh Hương, Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ. Quê quán Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Nguyễn Sinh Hùng, Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh. Quê quán Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Tạ Quang Ngọc, Bộ Trưởng Bộ Thủy Sản. Quê quán Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Nguyễn Khoa Điền, Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa và Thông Tin. Quê quán thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Trần Xuân Giá, Bộ Trưởng Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư. Quê quán Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Lại Văn Cử, Bộ Trưởng Chủ Nhiệm Văn Phòng Chánh Phủ. Quê quán Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú.

- Đỗ Quang Trung, Bộ Trưởng Trưởng Ban Tổ Chức Cán Bộ Chánh Phủ. Quê quán Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

- Phạm Gia Khiêm, Bộ Trưởng Bộ Khoa Học, Công Nghệ và Môi Trường. Quê quán Từ Liêm, Hà Nội.

Buồn thay, không có một nhân vật nào sinh trưởng ở Nam Phần, quê hương của "Thành Đồng Tổ Quốc" cả. Thôi đời đâu lạ gì. *"Lúc chiến trường ác liệt, gian khó, cục muối cũng cần làm đôi, còn khi vinh quang, hưởng thụ giành cục đường lùm hết!"*

- Nhưng quốc gia không thể một ngày không có quốc trưởng. Hiện giờ ngài Chủ Tịch Nước ồm nặng, biết chọn ai thay?

- Người tiệm nước chúng tôi nhận thấy kiểu điều hành quốc gia theo lối bóp họng, bịt miệng thiên hạ, ngăn cản truyền thông quốc tế thì ai làm Chủ Tịch Nhà Nước cũng được, người dân vẫn tiếp tục quần quai khổ sở, chẳng bao giờ ngóc đầu lên nổi cho nên cũng không cần suy nghĩ, bàn luận làm chi, vừa tốn ca-lo, vừa mệt óc. Dành thời giờ xem phim "Bao Thiên Thanh Đại Nhân" nhiều tập còn khoái hơn.

Với truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam, hề thấy người bệnh hoạn thì thương, hết lòng giúp đỡ. Người tiệm nước chúng tôi cũng mua đèn cày về đốt để "cầu sao giải hạn" cho ngài Chủ Tịch Nước được mau chóng lãnh bệnh như

truyện Khổng Minh thời xưa. Hòa cùng lòng thành tâm sám hối của ngài Chủ Tịch Nước nhứt định mạng số của người có thể qua khỏi con trăng này. Duy có một điều, hệ thần kinh não bộ "của người" không còn khả năng điều khiển, phán đoán và minh mẫn được như xưa. Nếu cứ tiếp tục tham gia triều chính, xử lý công việc căng thẳng nhứt định bệnh cũ sẽ tái phát hết phương cứu chữa. Còn thói thường hề Chủ Tịch Nước có mệnh hệ nào thì đơn bà Phó Chủ Tịch Nước lên thay chứ cmo chuyện gì mà àm i phải không bà con có bác?...

Muốn tiết trừ tham nhũng, trước hết nên công khai hóa tất cả mọi lãnh vực để cho ai nấy đều biết một cách chính xác, rõ ràng, nhanh chóng qua hệ thống báo chí và thông tin đại chúng. Bên cạnh cần tổ chức kê khai tài sản những cán bộ đứng đầu nhà nước sẽ là biện pháp hữu hiệu hạn chế tham nhũng. Phó Bí Thư Thường Trực Thành Ủy TP Hồ Chí Minh cho biết sẽ tiến hành kiểm kê tài sản công chức, trước hết trong Thành Ủy và một số quan chức có dấu hiệu giàu lên bất thường... Ở những địa phương khác cũng đồng tình phát động chống tham nhũng, kiểm tra tài sản quan chức nhà nước. Tỉnh Trà Vinh (Phó Bí Thư Thường Trực Tỉnh Ủy, Trần Quang Thiệu) rất đồng tình kiểm tra tài sản, thu nhập đối với các đồng chí lãnh đạo trong Tỉnh Ủy, cán bộ chủ chốt các ngành tỉnh, huyện thị, giám đốc, phó giám đốc các công ty xí nghiệp thuộc doanh nghiệp nhà nước.

- Nghe các anh, các chị nói Năm Đòn Gánh em thấy phấn khởi quá và cũng xin hiến kế mọn này để chấn hưng đất nước.

Số ngài Tổng Bí Thư Đỗ Mười là người có nhiều kinh nghiệm dày mình trong việc kiểm kê tài sản khi tiếp quản Hà Nội, Hải Phòng, miền Nam Việt Nam cho nên lần này em tiến cử ngài Đỗ Mười làm tổng chỉ huy kiểm kê tài sản các quan chức thuộc ĐCSVN thì chắc chắn thắng lợi to.

Phát động chống tham nhũng trong toàn dân, bắt đầu bằng lực lượng phụ nữ, thanh niên, phường khóm, xã ấp... đến tỉnh thành cùng đồng loạt xuống đường vào giờ G, thiết quân lực, đồ quân đóng chốt từng điểm đã điều nghiên theo kế hoạch thì bọn tham nhũng có mà chạy đàng trời.

Vì nước vì dân, cụ Đỗ Mười nhứt định sẽ nhận nhiệm vụ vinh quang này của lịch sử phó thác cho và thành quả đó cũng chính là công trình thế kỷ cho đời đời các thế hệ CSVN mai hậu chiêm ngưỡng, tôn vinh. Làm đi!

**Người Sài Gòn**

## Thủ bản tiếp tinh thần

# Hòa Giải Hòa hợp Dân tộc

Tôn Thất Long

### 1. Hòa Giải Hòa hợp Dân Tộc và Hòa hợp Hòa giải Dân tộc: Hai tinh thần, hai mục tiêu tương phản lẫn nhau

Hòa giải Hòa hợp Dân tộc (HGHHDT) có lẽ là đề tài tranh luận gay gắt nhất trong Cộng đồng hải ngoại Việt Nam từ gần một thập niên nay, khi Thông luận đề xướng chủ trương này như là một tinh thần làm nền móng xây dựng một xã hội tương lai, trong một nước Việt Nam thật sự Dân chủ Tự do. Không những thế, chủ trương này cũng còn được xem như là một phương thức đấu tranh chống lại nguyên tắc độc quyền mà Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN] đang áp dụng trên toàn lãnh thổ để bảo vệ quyền lực mà Đảng đã chiếm đoạt được.

Trước đó, trong các thời kỳ chiến tranh, tranh chấp với những người tranh đấu cho Dân chủ Tự do, ĐCSVN cũng đã từng chủ trương Hòa hợp Hòa giải Dân tộc (HHHGDT) để lôi cuốn những người chống đối chế độ miền Nam và chia rẽ phe những người tranh đấu cho Dân chủ Tự do.

Khi mới nhắc đến tên của hai chủ trương này : HGHHDT của Thông Luận và HHHGDT của ĐCSVN, nhiều người trong Cộng đồng thường cho rằng Thông Luận đã chỉ lấy lại chủ trương và còn đi vào phạm vi mà ĐCS đã đặt ra trước đây. Thật sự HHHGDT chỉ là một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài của ĐCS để đánh lừa những người nhẹ dạ ở miền Nam để rồi, khi thắng trận, lại áp dụng một chính sách ngược lại, đặt căn bản trên sự thống trị toàn thể mọi tầng lớp dân tộc, dựa trên bạo quyền và gian dối để duy trì quyền lực của mình. Đó là một sự khác biệt giữa hai chủ trương, hai mục tiêu. Một bên đi tìm một tinh thần để phục vụ lợi ích chung của Dân tộc, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về đạo lý làm người, một bên là một mảnh lối dùng để lừa gạt số đông, phục vụ lợi ích của một tập đoàn thiểu số và chà đạp lên sự sống còn của cả một dân tộc, trái ngược với các nguyên tắc sơ đẳng nhất về đạo đức.

Tuy nhiều người đã có thể phân biệt được thứ tự trong ngôn từ diễn tả hai chủ trương đã được nêu ra, Hòa giải trước rồi Hòa hợp sau trong tinh thần bình đẳng giữa hai đối thủ, hay Hòa hợp trước và hòa giải sau trong mục tiêu đồng hóa và áp đặt lập trường của mình trên kẻ bại trận nhưng

sự phân biệt này vẫn chưa hoàn toàn thuyết phục được nhiều tầng lớp, ở trong cũng như ở ngoài ĐCSVN, để chấp nhận lập trường HGHHDT của Thông Luận.

Trong bài này, sau khi nhắc lại một cách đơn sơ thực chất và mục tiêu của chủ trương HGHHDT, tôi chỉ muốn nêu ra một vài sự kiện tâm lý cho thấy vẫn có một số vấn đề cần được xác định rõ ràng hơn nữa cũng như cũng còn nhiều tầng lớp khác nhau trong dân tộc vẫn thực sự chưa chấp nhận chủ trương HGHHDT mặc dầu đã hiểu rõ thực chất của chủ trương này. Vấn đề chính là tìm hiểu các nguyên nhân nào đã đưa đến các thái độ tiêu cực này và từ đó tìm ra các lối thoát thỏa đáng.

### 2. HGHHDT qua một số dữ kiện lịch sử

Khi đưa ra chủ trương HGHHDT, Thông Luận dựa vào hai yếu tố chính : các dữ kiện lịch sử đã diễn ra trong các thời đại và một thực tế tối tệ trong hiện tại đang thực sự diễn ra trên đất nước Việt Nam.

Dựa vào kinh nghiệm, mỗi thời kỳ trong lịch sử thường bắt đầu qua các tranh chấp về quyền lực giữa các thế lực đối nghịch nhau trong dân tộc, vì các sự khác biệt về quan niệm triết lý cuộc sống, hay về tôn giáo, hay vì các sự khác biệt về chủng tộc, hay về lãnh thổ, hay vì ý thức hệ... Trong mỗi thời kỳ, các tranh chấp thường được giải quyết bằng vũ lực, với sự thay đổi hoàn toàn cán cân lực lượng giữa các phe chống đối nhau, với sự thống trị tuyệt đối của phe thắng trận, ít khi bằng các tranh thủ ôn hòa nhân tâm. Vì vậy, ngay sau khi các tranh chấp đã được giải quyết, thường vẫn còn để lại trong tâm tư con người những tâm lý bất ổn định và những tinh thần bất hợp tác thụ động, không cho phép xây dựng tương lai một cách bình thường. Vì vậy, HGHHDT được quan niệm như một triết lý, một tinh thần điều hành quốc gia dựa trên sự chấp nhận các khác biệt về quan niệm, về chủng tộc, về tôn giáo, về quyền lợi, trên tinh thần đối thoại để cùng nhau san bằng các sự khác biệt, để cùng nhau chia xẻ một tương lai chung, trong hòa bình, trong ổn định, trong an ninh của mọi tầng lớp...

Trên các khái niệm tổng quát này, tôi tin rằng đa số các thành viên trong cộng đồng dân tộc ta, ở trong nước cũng như ở hải ngoại, đều có thể chấp nhận một cách dễ dàng chủ trương HGHHDT, ít nhất là

trên nguyên tắc, mà Thông Luận đã trình bày. HGHHDT tất yếu phải hiện diện thường xuyên trong suy tư của mọi thành viên trong dân tộc, nếu chúng ta muốn tiếp tục cùng nhau chung sống trên cùng một lãnh thổ.

Trên thực tế, sự chống đối của nhiều thành phần đối với chủ trương HGHHDT hiện nay đã không xảy ra trên các khía cạnh tâm lý, vừa cụ thể, vừa sâu xa, của cuộc sống. Các tranh chấp đã diễn ra trong lịch sử, kể từ nhà Trần hay sự tranh chấp giữa nhà Lê và họ Mạc, giữa hai phe Trịnh-Nguyễn, giữa họ Nguyễn Tây Sơn và con cháu nhà Nguyễn Phúc, giữa Công giáo và các vua chúa nhà Nguyễn chỉ còn là những quá khứ, tuy đau buồn nhưng không còn là đề tài cho các tranh chấp hiện tại. Sự khác biệt về tôn giáo, về sắc tộc, và ngay cả về ý thức hệ hiện nay không còn là đầu mối của cuộc vận động dân chủ hiện tại cũng như vẫn còn những vấn đề mà lịch sử chưa giải quyết được. Trong quá khứ, chúng ta chỉ xét mỗi thời đại khi các tranh chấp đã được hoàn toàn giải quyết, khi cán cân đã nghiêng hẳn về một bên, khi chính nghĩa đã hoàn toàn đứng về phía người thắng trận, công lý được giải tỏa. Ngược lại các yếu tố này đang chưa được giải tỏa thông trong thực tế hiện tại, trong tiềm thức của nhiều người, nguy hiểm và bạo lực vẫn còn đang ngự trị và là đầu mối của các đổ vỡ hiện nay, cũng như viễn ảnh của một tương lai hòa giải và hòa hợp vẫn chưa được sáng tỏ. Điều quan trọng là tìm xem các tranh cãi về HGHHDT đang bế tắc trên yếu tố nào, trên thành phần nào để đi đến các giải tỏa hợp lý.

Muốn tìm hiểu điều này, chúng ta cần đi vào cụ thể hiện tại để tìm xem các tầng lớp nào đang gắn liền với chủ trương HGHHDT. Mọi vấn đề thường không phải do sự tưởng tượng lý thuyết mà thường xuất phát từ một thực tế cụ thể liên quan đến đời sống bình thường của các tầng lớp người nhất định. Chính đó mới là điều cần được giải thích và là đầu mối của các tranh chấp. Khi đại đa số hầu như chấp nhận tinh thần HGHHDT mà vẫn còn nhiều tầng lớp đối kháng với chủ trương này thì chắc chắn đang hiện hữu những thế lực mà quyền lợi đang gắn liền với tình trạng tối tệ hiện nay ở Việt Nam cũng như còn tồn tại ở Việt Nam những thành phần cho rằng công lý vẫn chưa được sáng tỏ. Tôi muốn nêu ra ở đây hai yếu tố căn bản, tương phản lẫn nhau, và trực tiếp liên quan đến chủ trương HGHHDT. Yếu tố thứ nhất thành hình xung quanh ĐCSVN, đầu mối của các đổ vỡ hiện tại. Yếu tố thứ



hai lại xuất phát từ các nạn nhân của chế độ cộng sản mà trên thực tế quyền lợi cũng như danh dự chưa bao giờ được phục hồi và đền bù trước công luận, đầu là trên lý thuyết.

### 3. Các vấn đề HGHHDT liên quan tới ĐCSVN

Khi nói đến ĐCSVN, chúng ta phải phân biệt hai thành phần rõ rệt trong Đảng. Một bên là một tập đoàn thiểu số đang nắm quyền lãnh đạo Đảng, vì quyền lợi và quyền lực, nhất định bám chặt vào những gì mà họ đã chiếm đoạt được. Họ đang dùng mọi biện pháp để duy trì quyền lực và, cho đến hiện nay, vẫn chưa có một dấu hiệu nào, ngay cả trong các thành phần thường được gọi là "đổi mới", chứng tỏ họ muốn nối lỏng sự thống trị của Đảng lên toàn dân tộc. Nhất là từ sau sự tan rã của khối cộng sản Đông Âu vào đầu thập niên 90, ĐCSVN đã mất hết các căn bản về ý thức hệ và chỉ còn là tượng trưng cho một tập đoàn phân hóa phân động. Vì quyền lợi và quyền lực, họ là thành phần thật sự chống đối lại chủ trương HGHHDT. Ngược lại, HGHHDT cũng không có nghĩa là dung túng hay hoà hợp với các thành phần này của ĐCSVN hay đối thoại hợp tác với ĐCS.

Ngược lại, đại bộ phận còn lại trong ĐCSVN, bao gồm các người thừa hành trong bộ máy chính quyền mọi cấp, trong mọi lãnh vực, phần đông theo đảng trong các thời kỳ chiến tranh, hoặc vì lý tưởng, hoặc vì lầm lẫn rồi bị guồng máy của Đảng lôi cuốn và kiểm soát chặt chẽ nên không tự tập được thành các khuynh hướng chính thức đối nghịch lại với tập đoàn cầm quyền trong Đảng, để chống lại các chính sách sai lầm của Đảng. Cũng như mọi thành phần khác của dân tộc, họ vẫn thừa hiểu rằng tình trạng tồi tệ hiện nay là do Đảng tạo ra, họ cũng mong muốn một sự thay đổi thật sự, sẵn sàng chấp nhận từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng để cùng với các tầng lớp khác của dân tộc xây dựng một tương lai chung, trong tinh thần bình đẳng và đối thoại. Nói một cách khác, họ sẵn sàng chấp nhận chủ trương HGHHDT hoặc vì vẫn chưa tin tưởng thật sự vào chủ trương HGHHDT, hoặc vì vẫn chưa thoát ly được khỏi sự kiểm chế của ĐCSVN. Vì vậy họ thường có một thái độ không dứt khoát hay vẫn tin rằng chỉ có thể đổi mới trong khuôn khổ của ĐCSVN.

Chủ trương HGHHDT chắc chắn là phải nhằm vào các thành phần thứ hai này của ĐCSVN, tranh thủ sự đồng tình của các thành phần này, phải xác nhận cho họ thấy các chỗ đứng rõ rệt trong một xã hội thật sự dân chủ tự do mai sau. Trong chiều

hướng này, HGHHDT phải được cụ thể hóa qua đối thoại để tìm kiếm những giải pháp thích đáng cho việc thiết lập một thể chế thực sự dân chủ tự do và từ đó đặt ra những căn bản pháp lý để giải quyết một cách ôn hòa những sai lầm trong quá khứ, tìm cách giải quyết các nguyên tắc xóa bỏ hận thù trong khuôn khổ của pháp luật.

### 4. HGHHDT đối với các nạn nhân của chế độ cộng sản

Trong quá khứ, nhất là trong các thời kỳ chiến tranh, các nạn nhân của bạo lực bạo quyền thường xuất phát từ hai phía. Nhiều người là nạn nhân của chế độ miền Nam, hoặc vì các thái độ chính trị, hoặc vì các nguyên nhân hoàn toàn ngẫu nhiên do chiến tranh gây ra. Dĩ nhiên nhiều người khác cũng là nạn nhân của ĐCSVN cũng vì những lý do tương tự, hay vì sự phân biệt thành các giai cấp trong đấu tranh giai cấp hay vì các chính sách sai lầm sau khi Đảng đã nắm trọn quyền lực trên toàn lãnh thổ.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, các nạn nhân của chế độ miền Nam gần như đã được đền bù thích đáng, qua sự thẳng thắn của ĐCS, qua sự chia xẻ quyền lực mới, qua sự truy phong những ai đã có công với ĐCSVN hay qua sự trả thù đối với kẻ bại trận. Đối với họ, sự phân biệt chính nghĩa và sai trái, theo quan niệm của họ, đã được công khai chấp nhận, không còn uẩn khúc nữa, không còn là một mối suy tư trong cuộc sống của họ.

Còn kẻ bại trận, nạn nhân của ĐCSVN, dù đã tranh đấu cho một lý tưởng, cho một chính nghĩa, các hy sinh của họ không những không được công nhận mà còn tiếp tục bị chà đạp. Bản thân họ còn bị giam cầm trong các trại giam, gia đình bị phân tán. Trong thời hậu chiến, hàng chục triệu người khác lại bị xô đẩy trở thành các nạn nhân khác của chế độ, qua các đợt đấu tranh giai cấp, qua các sự khác biệt về chính kiến hay là qua các chính sách chiếm hữu kinh tế. Cũng không nên quên rằng vì các chính sách hà khắc và các đối xử tàn tệ mà hàng triệu người phải rời bỏ quê hương, chịu cảnh ly tan hay là nạn nhân của biển cả. Tất cả các hình ảnh này vẫn còn sống động trong đời sống hàng ngày và, cho đến nay, vẫn chưa được công lý giải tỏa và đền bù.

Đó là nhận xét tâm lý cho phép giải thích thái độ của nhiều tầng lớp những người tranh đấu cho dân chủ tự do nhưng vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận chủ trương HGHHDT hay nhiều khi còn chống đối mãnh liệt với chính sách này. Quan điểm HGHHDT hay xóa bỏ hận thù đối với các

tầng lớp nạn nhân của ĐCSVN là cả một vấn đề phức tạp mà ta cần thận trọng để tránh các hiểu lầm đáng tiếc.

Đối với một số người, tuy là nạn nhân trực tiếp, nhưng đã vượt khỏi các tâm lý bình thường, bày tỏ sự đồng tình với chủ trương HGHHDT và xóa bỏ hận thù để mong muốn chung sức với các lớp người khác làm một điều gì hữu ích cho xứ sở và dân tộc, tôi tin rằng đó là một thái độ can đảm, đúng đắn, hợp lý... để có thể đi xa hơn nữa trong công cuộc vận động chung của dân tộc. Nhưng tôi cũng muốn phát biểu thêm rằng đối với các nạn nhân của ĐCS chưa chấp nhận chủ trương HGHHDT, thái độ của họ không phải là không có lý do chính đáng. Trên phương diện tâm lý, thái độ này hoàn toàn phù hợp với đời sống tình cảm của những con người bình thường nhất và chúng ta cần có thời gian để thông cảm và tranh thủ, cần có thời gian để thuyết phục và giải thích thay vì chống đối.

Trên một khía cạnh khác, trong các luận cứ giải thích HGHHDT, cần nhấn mạnh đến các biện pháp phục hồi danh dự cho các nạn nhân chiến tranh, cho các nạn nhân của ĐCSVN, phục hồi quyền làm người Việt Nam cho mọi lớp người Việt Nam, tìm kiếm các bồi thường thỏa đáng về vật chất cho tất cả những ai đã là nạn nhân của các chính sách kinh tế sai lầm trong quá khứ. Cũng nên xác định xóa bỏ hận thù không có nghĩa là không rút ra các bài học của lịch sử do quá khứ để lại, không phân biệt các sai trái trong quá khứ, không phân biệt chính nghĩa và ngụy quyền. Cũng không có nghĩa là không đem ra trước công luận để phân tích và quy trách nhiệm cho mỗi tầng lớp người đã có các trách nhiệm trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Điều quan trọng là các sự kiện này phải được xúc tiến trong những điều kiện bình thường, với những dữ kiện, những bằng chứng rõ ràng, xứng đáng với ột xã hội thật sự dân chủ tự do.

Để kết luận, HGHHDT tuy bao gồm nhiều lãnh vực, như về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, địa phương, kinh tế,... nhưng có hai khía cạnh cụ thể mà ta cần giải quyết trước mắt là tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp tiến bộ trong ĐCSVN cũng như sự đồng tình của các nạn nhân của ĐCSVN. Trong hành trình thực hiện HGHHDT, rất có thể các yếu tố về tôn giáo, về sắc tộc, về địa phương sẽ lần lượt đặt ra các vấn đề nan giải trong tương lai. Nhưng trong hiện tại các vấn đề này chưa phải là đề tài trực tiếp cho công cuộc vận động cho Dân chủ và tự do của dân tộc.

**Tôn Thất Long**

# Khi lịch sử chất vấn

Nguyễn Gia Kiểng

*Hồn ai có đi về trên khói sóng  
Và giờ đây thông cảm với hồn ta  
Thì lắng tai nghe mấy lời ca  
Gởi vào giấc mộng, nhắm ra cuộc đời...*

Vũ Hoàng Chương

**Lời nói đầu:** Một số chỉ hữu mà tôi nhớ đọc bài này trước khi đảng đã bày tỏ sự dè dặt hoặc bất đồng trên một số điểm. Tôi cảm thấy cần mình định rằng nhận định về lịch sử là một điều có thể có những ý kiến khác nhau ngay cả giữa những người đứng trong cùng một đoàn thể, cùng theo đuổi một mục tiêu với cùng những phương thức. Thông Luận là một diễn đàn trên đó không có những ý kiến cấm nêu ra và cũng không có những đề tài cấm bàn đến. Trong tinh thần đó tôi trình bày dưới đây một quan điểm cá nhân. NGK.

Trong lịch sử Trung Hoa có chuyện một quan viết sử thà chết chứ không chép sai sự thật theo ý vua. Đó là một ngoại lệ xác định một thông lệ: sử chỉ có mục đích tăng bốc kẻ thắng. Nước ta còn tệ hơn, không có ngoại lệ nào cả, sử chưa bao giờ được viết một cách đúng đắn, đó là điều tai hại lớn. Lịch sử là chân dung của một dân tộc, đồng thời cũng là một kho tàng kinh nghiệm quý báu và một nguồn suy tư cho tương lai, với điều kiện là được chép một cách nghiêm chỉnh. Một dân tộc mà lịch sử không được ghi chép chính xác cũng thiếu may mắn như một chuyên gia phải làm việc trên những dữ kiện sai. Đó là trường hợp của chúng ta. Từ chỗ chép sử không đúng đắn chúng ta đi đến thói quen đọc sử một cách không đúng đắn. Khi lợi tức bình quân mỗi đầu người của chúng ta chỉ có xấp xỉ 250 USD một năm, tức là bằng 1% lợi tức của một người Nhật, thì nhất định là dân tộc ta đã phạm phải những sai lầm rất nghiêm trọng rồi, và chúng ta bắt buộc phải nhìn lại lịch sử của mình với con mắt phê phán.

Trong giai đoạn gần đây và hiện nay, nhiều người đã chất vấn, đã phơi bày và lên án nhiều sai lầm và tội ác của đảng cộng sản. Tuy nhiên, ít ai ý thức rằng quá trình hình thành, phát triển, nắm được chính quyền và giữ được chính quyền của đảng cộng sản tự nó cũng chất vấn nặng nề dân tộc Việt Nam và mỗi người Việt Nam. Chúng ta chất vấn đảng cộng sản nhưng chúng ta lại ít quan tâm đến những chất vấn mà lịch sử, qua hiện tượng cộng sản, đã đặt ra cho dân tộc.

## Tại sao?

*Chất vấn đầu tiên là tại sao trong giai đoạn 1930-1945 đảng cộng sản, một đảng không lấy dân tộc làm đối tượng phục vụ,*

*mà còn theo đuổi một lý tưởng phi dân tộc, lại là đảng được hưởng ứng nhiều nhất?*

Đặt ra câu hỏi như vậy có thể bị nhiều người phản đối.

Một số người không đồng ý rằng đảng cộng sản là một lực lượng phi dân tộc. Họ viện dẫn số người yêu nước đông đảo đứng vào phe cộng sản chỉ vì mục đích giải phóng dân tộc. Họ ngụy biện, hoặc họ làm lẫn cái phụ với cái chính, bề ngoài và bên trong. Không ai có thể chối cãi rằng lý tưởng cộng sản là một lý tưởng quốc tế, chủ nghĩa cộng sản coi quốc gia như một sản phẩm của giai cấp tư bản thống trị. Marx đã nói một cách chắc nịch là trong thế giới cộng sản tương lai không có chỗ đứng cho các quốc gia. Khẩu hiệu "người vô sản không có tổ quốc" là một trong những khẩu hiệu được biết đến nhiều nhất hồi đầu thế kỷ này. Đảng cộng sản Việt Nam nổi dậy lần đầu với danh xưng "Xô Viết Nghệ Tĩnh", tên khai sinh của nó là Đảng Cộng Sản **Đông Dương**, những cán bộ đầu tiên đi tuyên truyền và kết nạp đảng viên được nói là "đi vô sản". Nắm được quyền chủ động trong cuộc đấu tranh giải phóng người cộng sản đã tiêu diệt thẳng tay những đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt mà họ thừa biết là rất yêu nước. Có nhiều trí thức yêu nước đã theo họ, và lôi kéo quần chúng theo họ, nhưng những trí thức này, tuy đông đảo, chỉ được ban phát những vai trò thừa hành, hoặc trang trí. Nòng cốt của đảng cộng sản hoàn toàn nằm trong tay những người theo đuổi lý tưởng vô sản quốc tế.

Tại sao một số đông đảo trí thức yêu nước đã theo họ thay vì theo các đảng phái chỉ có mục đích dân tộc như Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt? Lý do là vì

lập trường vô sản của họ đã lôi kéo được sự hưởng ứng rất cuồng nhiệt của nhiều người nghèo khổ, đã bị bóc lột từ đời này qua đời khác, những người mà Phạm Duy gọi là "những nông phu đội sương nắng bên bờ Biển Đông, từ ngàn năm đứng trên đất nghèo". Nhờ vậy họ đã có sức mạnh hơn hẳn. Sau đó nhiều trí thức đã theo họ nhân danh một chọn lựa "yêu nước có ích": theo đảng cộng sản vì đó là phong trào có thực lực nhất và có nhiều hy vọng thành công nhất rồi chấp nhận luôn chủ nghĩa cộng sản. Trí thức đã chạy theo quần chúng thay vì lãnh đạo quần chúng. Nét đậm của giai đoạn 1930-1945 là tiếng gọi đấu tranh giai cấp, một tiếng gọi có tính nội chiến, đã có sức thu hút mạnh hơn tiếng gọi giành độc lập. Đó chính là điều đáng nói.

Nhiều người khác cho rằng đảng cộng sản không thu hút được đông đảo quần chúng; nó đã thắng lợi nhờ thủ đoạn. Tôi nghĩ chúng ta nên thành thực và công bình hơn. Cha tôi và các chú bác tôi đều là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng từ những ngày đầu. Họ đã là nạn nhân của đảng cộng sản, hai người chú của tôi đã bị đảng cộng sản thủ tiêu. Cha tôi và các đồng chí của ông rất thù ghét đảng cộng sản nhưng họ đều nhìn nhận một sự thực: trong các nhà tù thời Pháp thuộc mà họ đã trải qua, số lượng tù cộng sản bao giờ cũng đông gấp hai ba lần tổng số tù nhân thuộc các đảng phái quốc gia cộng lại. Không những đông đảo mà các tù nhân cộng sản còn rất dũng cảm và rất kiên trì lập trường vô sản. Đảng cộng sản đã được hưởng ứng nồng nhiệt nhất, đó là một sự thực không thể chối cãi. Chất vấn mà lịch sử đặt ra là tại sao số người Việt sẵn sàng hy sinh cho một lý tưởng quốc tế đã đông đảo hơn hẳn số người Việt sẵn sàng hy sinh cho một lý tưởng dân tộc. Như thế, phải nhìn nhận rằng vào lúc đó chúng ta đã là một quốc gia bệnh hoạn.

*Chất vấn thứ hai là tại sao đảng cộng sản vẫn tiếp tục được hỗ trợ mạnh mẽ trong một thời gian rất dài sau đó mặc dầu đã phạm những sai lầm và tội ác rất nghiêm trọng?*

Cuộc chiến "chống Pháp" 1946-1954 có thể thảo luận.

Nhưng còn cuộc cải cách ruộng đất năm 1955? Con số nạn nhân là bao nhiêu? Dù 500.000 hay 200.000, hay 50.000 thì cũng vẫn là một con số khủng khiếp. Các nạn nhân bị tàn sát chỉ vì họ thuộc một giai cấp. Đây là một tội ác đối với loài người.

Nhưng tại sao đã chỉ có những giọt lệ âm thầm, những tiếng thở dài, những kiến nghị xin sửa sai? Đảng cộng sản vẫn tiếp tục được ủng hộ, và họ được ủng hộ cả trong một quyết định nghiêm trọng khác: phát động cuộc chiến chinh phục miền Nam.

Ông Nguyễn Mạnh Tường - một trí thức được nhiều người coi là rất lỗi lạc và cũng được nhiều người coi là một trí thức có phẩm giá vì đã viết bài tham luận đả kích chính sách cải cách ruộng đất để rồi bị trừ dập - đã nói với tôi trong một cuộc gặp gỡ tại Paris là ông vẫn ủng hộ đảng cộng sản đó. Ông đã đi nhiều nước để cổ vũ cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, và ông không hề tiếc việc làm đó.

Nhưng dù ông Tường không tiếc, cuộc chiến mà đảng cộng sản gọi là "chống Mỹ" vẫn hoàn toàn vô lý và, hơn nữa, vô đạo. Nó đã làm hàng triệu người chết, đất nước tan tành và nó cũng đã gây ra những đổ vỡ tình cảm ghê gớm trong lòng dân tộc. Đảng cộng sản không phải là không tiên liệu được những hậu quả kinh khủng của cuộc chiến này, nhưng họ bất chấp những tổn hại cho đất nước. Ông Hồ Chí Minh tuyên bố rằng nhiều thành phố có thể bị san phẳng, sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng quyết tâm của đảng cộng sản không thể lay chuyển. Câu nói bất nhân bất nghĩa này được coi là rất anh hùng. Thống nhất đất nước là điều tốt không ai phủ nhận, nhưng không phải với giá đó. Và lại nó vẫn có thể thực hiện được bằng cách khác. Đảng cộng sản biết sức mạnh của Hoa Kỳ, nhưng họ hành động là đã dám đánh tên đế quốc đầu sỏ số một. Họ còn hân hoan khi thấy người Mỹ ngày càng can thiệp sâu hơn để họ có danh nghĩa "chống Mỹ cứu nước". Cuộc chiến này đã chỉ nhằm mục đích mở rộng khối cộng sản và thỏa mãn tham vọng quyền lực của những người lãnh đạo đảng cộng sản. Vậy mà nó càng kéo dài đảng cộng sản càng được hậu thuẫn hơn. Đó là điều hết sức khó hiểu.

Đối với một dân tộc bình thường, một đảng cầm quyền chỉ cần phạm một phần mười sai lầm và tội ác của đảng cộng sản cũng đã bị mọi người lên án và tiêu vong rồi. Tại sao đảng cộng sản vẫn tiếp tục được ủng hộ và được ủng hộ lâu dài sau đó, ít nhất cho tới cuối thập niên 1970?

Tại sao? Chúng ta vô ý thức không nhìn thấy những tàn phá cho đất nước? Hay chúng ta không đủ yêu nước để thực sự phản nộ trước một tập đoàn đập phá đất nước? Hay chúng ta vô đạo đến nỗi không

biết phản nộ trước những hành động cực kỳ vô đạo? Hay chúng ta khiếp nhược? Hay vì các chính quyền tồi tệ của phe quốc gia đã làm tất cả những gì có thể làm để tạo ra ác cảm và sự khinh bỉ? Câu trả lời có lẽ chỉ giản đơn là trí thức Việt Nam, những người có sứ mạng và nhiệm vụ hướng dẫn quần chúng, đã không đủ quyết tâm và bản lĩnh để đảm nhiệm vai trò của mình.

*Chất vấn thứ ba là tại sao trong hơn 20 năm qua chính quyền này không gặp một phản kháng mãnh liệt nào ngang tầm với những sai phạm nghiêm trọng và chồng chất của nó?*

Sau cùng thì đảng cộng sản cũng đã bị cả nước thù ghét. Họ đã tích lũy sai lầm và tội ác, đã làm tất cả những gì không nên làm và tất cả những gì không có quyền làm, đã biến dân tộc Việt Nam thành một dân tộc vừa đói khổ, vừa bị kềm kẹp, lại vừa không có tương lai. Nhưng thù ghét thì bỏ nước ra đi, hay rút vào thụ động, chấp nhận để mai một đời mình, chứ không chống lại một cách tích cực.

Di nhiên là đã có những người tích cực chống lại. Hàng ngàn tù nhân chính trị chứng minh điều đó. Những tiếng nói dân chủ công khai trong nước chứng minh điều đó. Nhiều người ở hải ngoại cũng chứng minh điều đó. Nhưng vẫn còn quá ít so với mức độ đáng lẽ phải có. Đó là vì sự thù ghét dù lớn đến đâu cũng không đủ để làm sụp đổ một chế độ. Còn cần một ý chí mạnh mẽ xây dựng một tương lai khác cho đất nước, mà ý chí này thì chúng ta không có.

Người trong nước khó kết hợp là lẽ di nhiên, nhưng hải ngoại thì sao? Đừng viện dẫn những lý do giả tạo: thiếu kỹ thuật tổ chức, thiếu kế hoạch, thiếu lãnh tụ, thiếu đoàn kết, óc chia rẽ cố hữu của người Việt, v.v... Tất cả những lý do đó đều có phần đúng nhưng không quan trọng. Nguyên nhân sâu xa hơn là người Việt Nam không thực sự quan tâm, không thực sự tha thiết với đất nước. Nếu thực sự yêu nước chúng ta sẽ thấy ngay sự cần thiết của một mặt trận dân chủ, sẽ bỏ qua những bất đồng chi tiết, những tệ hiềm nhỏ nhen, sẽ chấp nhận hy sinh một phần tư kiến và lòng tự ái để tham gia và góp phần xây dựng một kết hợp lớn. Chúng ta sẽ nhận xét từng người để cố gắng tìm ra, và sẽ tìm được, những người có thiện chí và khả năng để diu dắt phong trào dân chủ. Chúng ta sẽ không lẫn lộn vàng và thau, sẽ dứt khoát lên án những hành động phá

hoại, vô trách nhiệm.

Chính vì không quan tâm với đất nước và chỉ coi việc nước như một trò chơi mà người ta không cần phân biệt xấu tốt, hay dở, đúng sai. Đả phá tất cả. Đôi khi còn nhân tâm hơn, thay vì nhìn nhận mình không quan tâm tới đất nước, người ta bài xích tổ chức này là non nớt, ngây ngô, tổ chức kia là lưu manh, thân cộng, v.v... để biện minh cho thái độ không dấn thân của mình.

Dầu sao, sự thật cũng đã quá rõ ràng. Số người tranh đấu chính trị hải ngoại dưới mọi hình thức, dù tranh đấu trong hàng ngũ một tổ chức hay đấu tranh đơn độc, cũng chỉ là một tỷ lệ rất nhỏ, vô cùng nhỏ. Còn ở trong nước, mọi người đều nhận định rằng sự quan tâm tới tương lai đất nước còn kém hơn nhiều.

Người Việt rất thờ ơ với đất nước mình. Nói như thế không phải là để đánh giá, càng không phải là để chê trách hay mạ lỵ. Dân tộc nào cũng như nhau thôi. Yêu nước hay không yêu nước, yêu nước nhiều hay ít là thành quả của những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội mà những ai mong muốn làm lại đất nước cần suy tư, thay vì than trách, để rút ra những kết luận cần thiết.

### **Bốn ngàn năm văn hiến**

Cả ba câu hỏi trên đây đều rất lớn. Mỗi câu hỏi đều xứng đáng làm đề tài cho nhiều cuốn sách, nhiều luận án, nhiều cuộc tranh luận. Trong khuôn khổ một bài báo, tôi không thể có tham vọng trả lời. Chỉ xin dựa vào những chất vấn của lịch sử để đưa ra một vài suy tư. Và lại, khi một dân tộc bị lịch sử của chính mình chất vấn thì vấn đề không phải là trả lời mà là tự xét và, nếu cần, xám hối.

Thứ nhất là văn hóa của chúng ta quá kém trong khi văn hóa chính là sợi dây gắn bó của mọi dân tộc. Suốt "bốn ngàn năm văn hiến", trong đó có gần một ngàn năm độc lập, chúng ta đã không sáng tác được bao nhiêu. Cầm hứng vụn vặt, đăm đăm chốc lát đã chỉ để lại một số ít đời những tác phẩm nhỏ, hoặc họa hiếm lắm là trung bình. Tâm hồn của chúng ta thiếu sự vĩ đại, vì thế chúng ta dễ hài lòng với cái nhỏ của mình và không cảm thấy nhu cầu kết hợp những cái nhỏ lại thành một cái lớn hơn. Tư tưởng của chúng ta thì hầu như không có. Xét cho cùng, văn hóa và tư tưởng của ta chỉ là những bản sao mờ nhạt của văn hóa và tư tưởng của Trung Hoa, và sau đó của Phương Tây. Chúng ta

không có những nhà tư tưởng lớn để nghe theo cho nên chúng ta đã bối rối, hỗn loạn và rã hàng trước những chuyển biến lịch sử trọng đại và trở thành mồi ngon cho mọi thứ ý đồ phi dân tộc.

Thứ hai là xã hội ta là nạn nhân của một số giá trị sai đã ăn rễ vào con người. Giá trị tệ hại nhất là óc tôn thờ bạo lực. Hình như dưới nhân quan của chúng ta chỉ có những gì giành được bằng xương máu mới hay, càng nhiều xương máu càng hay. Chúng ta sùng bái con cọp, con rồng những con vật đàn độn hung dữ và khinh thường con chó, con trâu, những con vật tinh khôn, thủy chung và có ích. Trong số những anh hùng dân tộc, chúng ta đặt lên vị trí số một Nguyễn Huệ, một con người hung bạo, đánh tất cả mọi người. Nguyễn Huệ thực ra đã chỉ có công lao giải quyết những vấn đề do chính ông đặt ra (nếu không có Nguyễn Huệ thì cũng không có việc quân Thanh sang Việt Nam để có trận Đống Đa). Nguyễn Huệ làm rất nhiều điều bạo ngược và không đem lại lợi ích gì cho dân. Nhưng không sao, ông giỏi võ, đánh trận xuất sắc. Như thế là đủ để chúng ta tôn vinh ông lên hàng đệ nhất anh hùng. Hồi ở trung học, tôi đã từng được nghe các thầy tôi say sưa ca tụng quân Đức, quân Nhật đánh tôi bởi cả thế giới, mặc dầu quân Nhật đã làm chết một triệu Việt Nam trong vài tháng chiếm đóng. Với một tâm lý tôn thờ bạo lực không điều kiện như vậy có gì ngạc nhiên khi nhiều người thần phục đảng cộng sản?

Thứ ba là chúng ta thiếu một giai cấp trí thức và do đó thiếu một nhân sự chính trị. Bằng cấp thì ta vẫn có khá nhiều kể từ khi nhà Lý mở các kỳ thi, càng về sau càng nhiều, ngày nay thì vô số kể, nhưng trí thức thì rất hiếm. Người trí thức là người, do giáo dục bình thường hay do cố gắng cá nhân, đã đạt được một trình độ hiểu biết nào đó; nhưng điều quan trọng hơn nhiều, người trí thức là người biết tự đặt ra cho mình những vấn đề và biết tìm câu trả lời *cá nhân* cho những vấn đề đó. Người trí thức có thể không cần một bằng cấp nào hết, nhưng cần có suy tư và sống trung thực với suy tư. Trước đây chúng ta có giai cấp sĩ. Nhưng kẻ sĩ không phải là trí thức mà còn đối ngược với trí thức. Kẻ sĩ được đào tạo để làm tôi tớ cho một ông vua chứ không phải để làm chủ và làm con người tự do. Kẻ sĩ phải lập lại những lời vàng ngọc của thánh hiền chứ không được sáng tạo. Kẻ sĩ suốt đời phải quì gối, còng

lưng trước thầy, trước vua, trước quan trên; kẻ sĩ không phải là con người hiên ngang đứng thẳng. Sau này, khi văn hóa Tây Phương tràn ngập, các nhà khoa bảng mới của ta tuy kiến thức có đổi mới nhưng tâm lý vẫn là tâm lý kẻ sĩ (nhiều người hiện nay vẫn hành diện tự nhận là kẻ sĩ). Với cái tâm lý đó có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà khoa bảng, được dân chúng nhìn như những người chỉ đạo, không dám khởi xướng một cái gì mà chỉ biết phò những thế lực có sẵn? Trong một chuyến xuất ngoại, khi chế độ cộng sản đã mất uy tín, ông Nguyễn Khắc Viện đã bị chất vấn: *"Làm sao một người như anh có thể theo cộng sản được"*. Theo chính lời ông Viện kể lại, ông ta đã trả lời: *"Thế thì anh hãy chỉ cho tôi cái gì hay hơn đi"*. Nguyễn Khắc Viện đặc ý với câu trả lời của ông ta. Nhưng câu trả lời ấy chứa đựng một sự thật lịch sử mà Nguyễn Khắc Viện không để ý: nó tố giác sự tòi hèn vong thân của trí thức Việt Nam. Tại sao lại cứ phải chọn giữa những ông chủ? Tại sao không đứng dậy, kết nạp, tổ chức, phấn đấu cho những mục tiêu đúng? Nếu ông Nguyễn Khắc Viện không theo đảng cộng sản có lẽ ông ta cũng chỉ biết sống ngoài cuộc như Nguyễn Khuyến, một kẻ sĩ tài danh trước ông gần một thế kỷ. Chạy theo một cái gì hay trùm chặn thụ động là tâm lý mà giai cấp sĩ đã truyền lại cho giới khoa bảng về sau.

Trong thế giới hiện nay, kẻ lãnh đạo đất nước phải là người hiểu biết, nghĩa là trí thức. Nhân sự chính trị lấy từ giai cấp trí thức. Chúng ta thiếu trí thức và do đó không có nhân sự chính trị, đó là một thảm kịch. Chính vì chúng ta thiếu một nhân sự chính trị mà chúng ta không có nhận thức chính trị, để rồi cứ phải chạy theo những lập luận có sẵn. Sự hưởng ứng ồ ạt của trí thức Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, dành cho đảng cộng sản Việt Nam trong thập niên 60 và đầu thập niên 70 chủ yếu là một phản xạ thời trang, vì lúc ấy, do nhiều lý do phức tạp, phong trào cộng sản được báo chí Phương Tây cổ võ rầm rộ.

Thứ tư là chúng ta luôn luôn thiếu một dự án chính trị cho đất nước. Đây là hậu quả của sự thiếu vắng tư tưởng và thiếu vắng nhân sự chính trị, và cũng là một việc rất khó làm. Tôi ở trong nhóm Thông Luận, một nhóm rất đặc biệt, có lẽ chưa từng có. Đặc biệt không phải là xuất sắc, có thể chỉ là kỳ cục. Nhóm chúng tôi mới đầu, cách đây 14 năm, gồm khoảng mười

người, ngồi lại với nhau định lập một tổ chức. Thấy các tổ chức chính trị cứ thành lập rồi tan rã, chúng tôi lấy một quyết định là chỉ thành lập một tổ chức sau khi đã thảo luận tất cả mọi vấn đề và viết ra được một tài liệu đầy đủ, đúc kết những gì đã đồng ý; sau đó ai muốn tiếp tục thì ở lại, ai không muốn thì thôi. Công việc này đã đòi hỏi hai năm thảo luận. Kết quả là tài liệu "Cơ Sở Tư Tưởng" được viết ra, vài người đã bỏ cuộc nhưng một số người mới đã đến tăng cường. Sau đó vài năm một lần, chúng tôi xét lại toàn bộ dự án chính trị, mỗi lần tốn cả một năm thảo luận. Đã có Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1992, rồi Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1996 (với tên riêng là Thủ Thách và Hy Vọng). Những cố gắng ấy cho tôi một nhận xét: đồng ý với nhau trên cả một dự án toàn bộ cho đất nước là một điều vô cùng khó khăn. Một người viết ra một cuốn sách 1.000 trang để hơn nhiều lần so với một tổ chức đồng ý với nhau trên một dự án 50 trang. Có lẽ vì thế mà không tổ chức nào làm việc này, hay nếu có thì cũng chỉ trao cho một hai người viết ra và những người khác đón nhận một cách thụ động. Nhưng trốn tránh công việc này thì tổ chức trở thành vô vọng. Có một dự án chính trị thì sẽ gặp những người chống và những người ủng hộ, nhưng không có dự án chính trị thì sẽ không có người chống và cũng không có ai ủng hộ. Tổ chức sẽ mãi mãi chỉ là của những người thành lập ra và tàn lụi đi cùng với sự mệt mỏi. Tổ chức cũng có thể tan rã khi phải lấy quyết định vì lúc đó người ta sẽ khám phá ra rằng thực ra mình không đồng ý với nhau như đã lạc quan mà làm tưởng lúc ban đầu.

Đối với một tổ chức, việc đồng ý với nhau trên một dự án cho đất nước đã rất khó, thì đối với một dân tộc nó lại là một điều hầu như không thực hiện được. Nhưng ít nhất những thảo luận cũng để lại một số đồng thuận trên một số điểm, và một cách bàng bạc những đồng thuận đó có thể coi là dự án cho quốc gia. Chúng ta thiếu một dự án quốc gia như vậy bởi vì chúng ta đã không đầu tư đủ cố gắng suy tư và thảo luận. Chúng ta nói quá nhiều vì chúng ta nói chưa đủ, chưa xong. Chính vì ở mỗi thời điểm chúng ta luôn luôn thiếu đồng thuận trên một dự án tương lai chung mà chúng ta đã tranh cãi với nhau, khích bác nhau, chống đối nhau, tàn sát nhau nhân danh những ý hệ vay mượn mà chúng ta bảo vệ một cách đam mê hơn cả các dân tộc đã khởi xướng ra chúng. Cuối cùng chúng ta bất lực và bị khống chế.

## Hãy nhìn bản đồ nước ta

Văn hóa yếu kém, nấc thang giá trị không lành mạnh, thiếu trí thức, thiếu nhân sự chính trị và thiếu dự án chính trị đã là những lý do góp phần giải đáp những vấn nạn mà lịch sử đặt ra cho chúng ta. Nhưng còn một lý do khác, nền tảng hơn, vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả, nhưng nguyên nhân hơn là hậu quả, của những lý do trên: đó là ý thức quốc gia dân tộc, lòng yêu nước của chúng ta không đủ mạnh.

Chính vì lòng yêu nước không đủ mạnh mà trước đây đảng cộng sản, một đảng phục vụ cho một lý tưởng quốc tế thay vì một lý tưởng dân tộc, đã là đảng được hậu thuẫn nhiều nhất.

Chính vì lòng yêu nước không đủ mạnh mà chúng ta đã không phân biệt trước những tội ác của đảng cộng sản đối với đất nước, và một phần đáng kể đã ủng hộ nó trong cuộc chiến mệnh danh là chống Mỹ.

Ngày nay, mặc dù đảng cộng sản đã đập phá đất nước trong hơn hai mươi năm, cũng chính vì lòng yêu nước không đủ mạnh mà chúng ta không lo sợ cho tương lai đất nước và do đó không tha thiết với sự hình thành của một kết hợp dân chủ, không sẵn sàng hy sinh và trả giá để giành quyền làm lại đất nước.

Đảng cộng sản không phải tự nhiên mà có, nó là sản phẩm của một cơ thể Việt Nam bệnh hoạn. Cũng không phải ngẫu nhiên mà nó vẫn giữ được chính quyền tới ngày nay, đó là vì cơ thể Việt Nam vẫn còn bệnh hoạn.

Nói rằng lòng yêu nước của ta không đủ mạnh có thể làm phiền lòng nhiều người. Nhưng đó là điều hiển nhiên và thực ra cũng rất dễ hiểu nếu chúng ta chấp nhận suy nghĩ một cách bình tĩnh.

Ý niệm quốc gia dân tộc là một ý niệm tương đối mới. Nó xuất hiện tại Phương Tây cùng với ý thức dân chủ. Nó là ý niệm đất nước của người dân, được đưa ra để đối kháng với ý niệm nước là của riêng nhà vua, dân chỉ là nô lệ của vua mà thôi. Người dân gắn bó với đất nước vì đất nước là của họ. Người dân làm chủ đất nước nên mới có nhiệm vụ với đất nước. Trong suốt dòng lịch sử dài của chúng ta, và của Châu Á, nước chỉ là của vua và lòng yêu nước hoàn toàn không có. Chỉ có vua mới nhớ nước, chỉ có hồn Thục Đế mới biến thành chim đêm đêm nào nề kêu "quốc, quốc". *Danh từ yêu nước, hay ái quốc, hoàn toàn không có trong ngôn ngữ của ta trước thế kỷ 20.* Ngày xưa, một ông quan một nước này nếu không may gặp hôn quân, bạo chúa rất có thể đi phò vua nước

khác. Người ta thờ chủ chứ không thờ nước. Trong các giá trị tam cương Trung, Hiếu, Nghĩa, chỉ có trung với vua, hiếu với cha mẹ, chung thủy với vợ con, bạn bè mà thôi, quốc gia không có chỗ đứng nào cả. Có chăng là tình thương yêu giữa người và người (*nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*), tình thương yêu giữa những người cùng chịu một số phận chung do nhà vua áp đặt.

Ý niệm quốc gia dân tộc đã được người Tây Phương đem tới vào ngay lúc chúng ta không còn chủ quyền để có thể là một quốc gia đúng nghĩa nữa. Hơn nữa, như đã nói, ý niệm quốc gia dân tộc gắn liền với ý thức dân chủ. Người Việt Nam chưa bao giờ được sống dưới một chế độ dân chủ nên ý thức quốc gia và lòng yêu nước lại càng yếu ớt hơn. Chúng ta cần hiểu như vậy để ý thức được rằng lòng yêu nước là điều cần xây dựng chứ không phải đã có sẵn, để sử dụng và lạm dụng.

Nhiều người viện dẫn lịch sử để nói rằng ý thức quốc gia của ta đã mạnh từ lâu, nếu không thì làm sao chúng ta giữ nước được tới ngày nay. Chúng ta đã vút bỏ ách Bắc thuộc một ngàn năm, đánh bại biết bao đạo quân xâm lược để giữ lấy chủ quyền dân tộc. Chúng ta có thể tự hào về thành tích đó, nhưng chúng ta cũng cần tương đối hóa.

Trong Bình Ngô Đại Cáo Nguyễn Trãi viết "*Nhưng Đại Việt chỉ quốc, thực vi văn hiến chi bang, sơn xuyên chi cương vực ký thù...*" (Nước Đại Việt ta là một nước văn hiến, lãnh thổ có núi ngăn chia...). Trần Trọng Kim (hay Bùi Kỷ?) dịch là "*Như nước Việt ta từ trước vốn xưng nền văn hiến đã lâu, sơn hà cương vực đã chia...* Dịch như thế là không sát và bỏ qua nhận định chiến lược của Nguyễn Trãi: nước ta được núi che chở. Hãy nhìn bản đồ nước ta. Dọc theo biên giới Việt-Trung rồi vòng theo biên giới Lào là một dãy núi dày đặc hầu như không vượt nổi. Xâm lược bằng đường bộ vô cùng khó khăn, phải qua những vách núi hiểm trở, vừa vất vả, vừa làm mồi ngon cho phục binh. Cho nên quân Nam Hán, rồi quân Tống, quân Nguyên, quân Minh đã chủ yếu xâm lăng bằng đường thủy qua cửa Bạch Đằng hay Nghệ An. Phải nói rằng nhờ núi mà ta giữ được nước, và cũng nhờ núi mà nước Lào đã không bị Việt Nam hóa. Đường đi hiểm trở đã khiến qua lại giữa ta và Trung Quốc ít ỏi, người Việt Nam dần dần tạo ra một nếp sống riêng dù rằng nguồn gốc của phần lớn người Việt

đều là Trung Hoa, các họ của ta đều là những họ Trung Quốc cả. Ta giành được độc lập không phải vì ta đã nổi lên đánh đuổi quân Tàu, mà vì xa cách làm cho chính quyền địa phương dần dần tự trị với Trung Hoa. Họ Khúc đã làm chủ nước ta đầu thế kỷ thứ 10, mở ra kỷ nguyên độc lập, khi chính quyền địa phương tự nó tan rã, và Trung Quốc không cử quan thay thế.

Nói như thế có người sẽ cho là thiếu tự hào dân tộc, nhưng phải nhìn một cách khách quan về mình để rút ra những bài học. Núi đã là yếu tố quyết định giúp nước ta hình thành và giữ được độc lập. Có gì phải hổ thẹn? Nước nào mà không hình thành và tồn tại nhờ những yếu tố địa lý?

Quá chủ quan về tinh thần dân tộc có nguy cơ làm cho ta quên mất là phải luôn luôn xây dựng tinh thần dân tộc. Nó cũng có thể làm chúng ta mất cảnh giác tự vệ trong giai đoạn mới. Ngày xưa núi che chở chúng ta, ngày nay núi không còn là thành lũy không thể vượt qua được nữa. Các phương tiện xâm nhập dồi dào và hiện đại, sự xâm nhập không còn bằng quân sự nữa mà bằng văn hóa, kinh tế, thương mại, truyền hình, truyền thanh, phim ảnh, âm nhạc... Bài toán giữ nước đã thay đổi hoàn toàn. Muốn giữ nước ngày nay, chúng ta cần một tinh thần dân tộc mạnh, một lòng yêu nước thực sự. Ở vào thời đại này, các chế độ độc tài bạo ngược, chiếm đoạt đất nước làm của riêng một số người, và tách rời quần chúng khỏi đất nước, có thể giết chết các quốc gia.

Với một lịch sử dài di nhiên chúng ta đã gây dựng được một tinh đồng bào, có thể tạm coi là một lòng yêu nước, nhưng chúng ta cần ý thức rằng lòng yêu nước của ta đã yếu kém từ lâu rồi. Khi quân Pháp đánh Thăng Long hai lần, khiến Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu phải tuấn tiết, dân Bắc Hà ra xem "*quân ta và quân Tây đánh nhau*" như những người bàng quan. Biển cố Yên Bái và sự hy sinh của các liệt sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng đã không làm dấy lên được một phong trào đấu tranh giải phóng, trái lại nó đã được tiếp nối bởi một thời đại cực thịnh của văn thơ lãng mạn, nhạc uớt át, tranh ấn tượng, v.v...

Từ đó đến nay đã có quá nhiều tang tóc, đổ vỡ, thất vọng và chán chường. Dân tộc nào cũng cần những thời gian hòa bình, như cơ thể nào cũng cần nghỉ ngơi dưỡng sức. Chúng ta là một dân tộc rất mệt mỏi. Ý thức dân tộc và lòng yêu nước của chúng ta đã xuống đến mức rất thấp và



số người thực sự quan tâm đến đất nước không có bao nhiêu. Đó là lý do cơ bản khiến cuộc đấu tranh cho dân chủ không khỏi sắc. Chúng ta cần trước hết một sức bật mới của lòng yêu nước.

### Cho một sắc tộc thiểu số

Còn ba năm nữa chúng ta sẽ thay đổi thế kỷ và chúng ta cũng sẽ thay đổi thiên niên kỷ. Ngàn năm một thuở. Nếu bước vào thế kỷ 21 mà chúng ta vẫn còn phải mang cái ách độc tài trên vai thì sẽ là một mối nhục lớn, nhục đến độ các thế hệ lớn lên khó còn đủ can đảm để gọi tên đất nước mình. Tổ quốc Việt Nam sẽ chết đi trong lòng rất nhiều người.

Vấn đề của chúng ta là phải mau chóng chấm dứt chế độ này, mở đầu kỷ nguyên dân chủ, đưa đất nước vào quỹ đạo tiến bộ. Phải hình thành mau chóng một mặt trận dân chủ có tầm vóc.

Bài này muốn là một lời nhắn gửi cho một số rất ít người, những người dám muốn một tầm vóc lớn cho đời mình và dám muốn thay đổi dòng lịch sử.

Họ cần ý thức rằng họ là một sắc tộc thiểu số, phải tìm đến với nhau và nương nhau mà sống, mà phấn đấu. Giữa họ phải có tình thân kết nghĩa, phải chưa gặp đã là anh em, chưa quen đã là chí hữu. Có kết hợp bao dạn và quả quyết như thế họ mới tranh thủ được sự dẫn thân của những người khác. Sự dưng dăng, lưỡng lự không động viên được ai bao giờ. Họ quá ít nên không thể phí phạm thời giờ và sinh lực cho những động vọng không có ngày mai. Lý tưởng cao đẹp mà họ theo đuổi, ý chí mà họ mang trong lòng cho phép họ tự hào và đòi hỏi sự kính trọng nơi mọi người. Họ áp đặt sự kính trọng đó bằng cách chúng tỏ lòng thành, lòng tin, lòng bao dung, bản lãnh và kiên trì. Bằng phấn đấu nhiệt tình họ sẽ đưa quần chúng ra khỏi sự mệt mỏi chán chường, sẽ đem lại một sức bật mới của lòng yêu nước và một niềm tin mới vào một tương lai Việt Nam chung. Một trăm người có quyết tâm, có bản lãnh và gắn bó với nhau có thể thúc tỉnh, động viên và kết hợp thêm rất nhiều người khác, tạo thành một sức mạnh đôi đời. Thay đổi lịch sử của dân tộc, thay đổi cuộc sống của gần 80 triệu người là một mưu toan đội đá vá trời. Nhưng có thể làm được. Và đó là một sự nghiệp vĩ đại mà không phải đời người nào cũng có cơ hội để thực hiện.

**Nguyễn Gia Kiểng**  
Tháng 12-1996

## Thư gửi Tạp chí Cộng Sản

Trần Ngọc Sơn

Bures sur Yvette, ngày 24-12-1996

Thưa ông chủ nhiệm,

Trong tạp chí Cộng Sản số 16 tháng 8/96, mục thư gửi Bộ biên tập, có đăng bài của Đại tá Vũ Khôi, thuộc học viện chính trị quân sự, phản bác đường lối hòa giải hòa hợp dân tộc và dân chủ đa nguyên. Để có một sự thảo luận hai chiều, dân chủ trên đề tài quan trọng này, và để độc giả có những luận điểm đối chọi mà so sánh, chọn lựa, xin ông vui lòng cho đăng bức thư này của tôi, và nhận món quà tôi gửi kèm theo. Đó là cuốn Thủ thách và Hy vọng, Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên do Thông Luận phát hành tháng 6/96, trong đó đường lối hòa giải hòa hợp dân tộc và dân chủ đa nguyên là những cơ sở tư tưởng của dự án.

1 - "Khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản" đối đầu với "hòa giải hòa hợp dân tộc".

Đại tá Vũ Khôi mở đầu bài viết bằng nhận định, tôi xin trích nguyên văn: "*Sự phân tuyến những người Việt nam rất rành mạch: một bên là đại đa số nhân dân Việt nam chiến đấu và chiến thắng; bên kia là một số ít người đi theo bọn đế quốc xâm lược, làm tay sai cho chúng, đối lập với dân tộc Việt Nam*".

Sau khi nói lên sự "khoan dung của nhân dân" đã không thực hiện "một cuộc tẩy máu", Đại tá Vũ Khôi kết luận về phần hòa giải hòa hợp dân tộc rằng: "*Dân tộc ta hiện nay đâu có bị chia rẽ, phân ly thành nhiều phe thù nghịch mà cần giải pháp hòa hợp hòa giải dân tộc*". Đại tá Vũ Khôi đề cao khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản và kết án hòa giải hòa hợp dân tộc chỉ là "một thủ đoạn lộn sòng vụng về".

Để qua một bên vấn đề "đại đa số" hoặc đại thiểu số, vì Đại tá Vũ Khôi cũng như tôi, chắc chắn chúng ta không đồng ý với nhau.

Khi đất nước chưa có ứng cử, bầu cử tự do thì sự tự cho mình là đại đa số chỉ là một thủ đoạn lộn sòng quá vụng về. Chưa nói đến sự cường bức những từ ngữ "nhân dân", "dân tộc" nhằm tiếp tục phục vụ cho một ý thức hệ bất dung.

Sự phân tuyến mà Đại tá Vũ Khôi phải

nhấn mạnh lại ở đầu bài, hai chục năm sau ngày hòa bình được lập lại, chúng tỏ sự phân ly, thù nghịch dai dẳng, không giải tỏa được bằng đường lối "đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản".

Đại tá Vũ Khôi lại viết tiếp: "*Đất nước ta đã giành được những thành tựu rất quan trọng trong công cuộc đổi mới nhưng vẫn đang còn nhiều khó khăn to lớn. Những khó khăn đó không phải do nguyên nhân không hòa hợp hòa giải dân tộc mà do nhiều nguyên nhân khách quan và cả chủ quan trong đó có nguyên nhân phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang lớn tiếng đòi hòa hợp hòa giải, đòi đa nguyên chính trị*".

Những khó khăn trong đó có "nguyên nhân phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang lớn tiếng đòi hòa hợp hòa giải, đòi đa nguyên chính trị" nêu lên trong bài viết của Đại tá Vũ Khôi càng chứng tỏ một lần nữa sự phân ly, thù nghịch dai dẳng, không giải tỏa được bằng đường lối "đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản".

Thực ra, đường lối đại đoàn kết dân tộc tự nó là điều tốt, đáng thực hiện. Nhưng quý ông, phải chăng vì không tin vào quần chúng, nên lại cứ đeo theo câu "dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản".

Vì thế mà đường lối đại đoàn kết dân tộc đã chỉ để ra những quái thai, ốm ờ như Mặt trận Tổ quốc nhằm làm tay sai và cây kiềng cho riêng một chính đảng. Hoặc nói theo kiểu của bác sĩ Dương Quỳnh Hoa với ông Nguyễn Hữu Thọ, cựu chủ tịch Mặt trận: "*Chúng ta, anh và tôi, chỉ là những món trang sức rẻ tiền, không cần thiết*".

Tôi chỉ cần dẫn chứng điều tôi nói trên đây bằng hai sự kiện còn nóng hổi: cùng tạp chí Cộng Sản số 16 tháng 8/96 đăng bài của Đại tá Vũ Khôi, còn có thêm bài "*Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới đất nước*" của ông Trần Văn Đăng, Tổng thư ký ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong bài này ông Tổng thư ký trích chỉ thị 17 CT/TU, chỉ thị 53 CT/TU, nghị quyết 8B, rồi 07/BCT của Bộ chính trị đảng cộng sản mà không thấy trích một chỉ thị, nghị quyết nào, dù chỉ là một, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Một bài khác trong cùng số báo của

ông Đoàn Nam Đàn, thuộc viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM về "Công tác trật tự trị an trong vùng công giáo ở Xuân Thù" viết, tôi xin trích nguyên văn: "Huyện ủy đã tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình trật tự, trị an trong toàn huyện. Trên cơ sở đó, huyện ủy giao cho các ban, ngành chức năng như Ban tổ chức, Ban tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công an, Ban chỉ huy quân sự... đi sâu khảo sát đánh giá tình hình...".

Như thế, cái Mặt trận này không những chỉ làm cây kiềng mà thậm chí còn đi dèm với công an, quân đội ở vùng công giáo nói trên. Để đại đoàn kết ư? Sao con người lại có thể nghi như thế được?

Để chúng tôi lòng khoan dung độ lượng của "nhân dân", Đại tá Vũ Khôi lại viết: "Bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau nói bàn tay. Trong mấy triệu người, cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy ta phải khoan hồng đại độ...".

Lời nói nghe ra "ngậm đắng nuốt cay thế nào" khi đem sự thật đối chiếu: các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái chỉ vì có ý kiến khác với đảng cộng sản mà bị đi tù từ mười đến hai chục năm, khi chúng ta biết rằng, chiến tranh Đông Dương năm 45-54 chỉ kéo dài có 10 năm, chiến cuộc 64-74 cũng 10 năm chẵn. Thế mà, vì có ý kiến khác đảng cộng sản, các vị nói trên phải chịu từ 10 đến 20 năm tù. Các ông có nhận ra điều gì lẩn cán trong mấy chữ "khoan hồng đại độ" không? Còn tôi, tôi cho rằng lời nói "năm ngón tay..." quả rất êm tai nhưng đã không được quý ông thực hiện tuy rằng quý ông vẫn lập đi lập lại "tư tưởng Hồ Chí Minh". Đó là tôi chưa muốn nói đến việc quý ông bách hại những đồng chí của quý ông, những đồng chí đã vào sinh ra tử với quý ông như Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà, Tiêu Dao Bảo Cự...

Việc quý ông phủ nhận hòa giải hòa hợp dân tộc, tôi không ngạc nhiên chút nào cả vì chúng tôi đã nhận định trong Thử thách và Hy vọng rằng: "Trong gần tám thế kỷ, kể từ nhà Trần, nhờ cở tận gốc, tru di tam tộc, tiêu diệt toàn bộ vẫn là những biện pháp được người cầm quyền sử dụng thay cho hòa giải. Dần dần cách ứng xử hung bạo đó đã ăn rễ vào tâm lý tập thể làm cho ý niệm hòa giải trở thành xa lạ đối với người Việt Nam. Vì thế nhiều

người đã nói rằng dân tộc Việt Nam không có nhu cầu hòa giải trong khi thực sự chúng ta là một trong những dân tộc cần hòa giải nhất. Chính vì thiếu tinh thần hòa giải mà chúng ta đã bị tù hãm trong hận thù. Cái vòng oan nghiệt đó đã khiến chúng ta không động viên được mọi sinh lực của đất nước để vươn lên và giải thích tại sao chúng ta đã phải quần quai trong đời khổ thừa kém".

Chúng tôi cũng nghĩ rằng "hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là một đoạn tuyệt lịch sử cần thiết để bẻ gãy cái vòng luẩn quẩn của hận thù và chia rẽ đã giam hãm chúng ta từ nhiều thế kỷ qua, nhất là từ nửa thế kỷ nay".

Và cũng vì tâm đắc với Thử thách và Hy vọng nên tôi mới viết thư này, tìm cách đối thoại với quý ông, cũng như chúng tôi đã tìm cách đối thoại với những lực lượng không đồng ý với chúng tôi vì cho rằng hòa giải hòa hợp là mắc mưu cộng sản.

Tôi cũng xin lưu ý Đại tá Vũ Khôi rằng ở hải ngoại cũng có nhiều người cho rằng không cần giải pháp hòa giải hòa hợp dân tộc như Đại tá Vũ Khôi. Những người này cũng cho rằng sự phân tuyến những người Việt Nam rất rành mạch và sự phân tuyến của họ trái ngược với sự phân tuyến của Đại tá Vũ Khôi.

2 - Phải chăng Dân chủ Đa nguyên chỉ nhằm hạ thấp và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, phủ nhận công lao của đảng cộng sản qua nửa thế kỷ chống ngoại xâm?

Công và tội của đảng cộng sản qua nửa thế kỷ chống ngoại xâm xin dành cho các nhà sử học. Họ cần có thì giờ và bước lùi để phán xét mặt tốt, mặt xấu. Chúng ta có nhiều vấn đề trọng đại hơn, sát nút hơn nhiều.

Về dân chủ, các ông bác bỏ đa nguyên, chỉ đưa ra khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Về việc "dân biết" thì thật là lẩn cán. Quý ông đọc quyền 200 tờ báo và cấm không cho tờ báo nào khác góp phần vào việc "dân biết" này. Thủ tướng Võ Văn Kiệt viết một tài liệu góp ý nhân dịp đại hội 8, thì ông Hà Sĩ Phu phải đi tù vì có trong tay tài liệu đó, ông Tiêu Dao Bảo Cự bị công an phiền nhiễu vì có trong cặp một số báo Thông Luận. Nói tóm lại dân chỉ được biết những gì quý ông cho phép biết.

Trong điều kiện như vậy thì nói đến "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chỉ là lập lại một thủ đoạn lộn sòng quá vụng về.

Ngay cả quý ông cũng chưa chắc đã tin vào những gì quý ông nói, thì nói gì đến quảng đại quần chúng. Quý ông đang tự hạ thấp và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản do lời nói của quý ông đã không bao giờ đi đôi với việc làm của chính quý ông.

Còn việc phủ nhận công lao của đảng cộng sản qua nửa thế kỷ chống ngoại xâm, tuy đã nói xin dành cho các nhà sử học, nhưng theo tôi cũng nên lẫm. Không lẽ cứ viện cố công lao này, công lao nọ để tiếp tục tham nhũng, mafia, cướp của công làm giàu cá nhân và đưa đất nước xuống xếp hàng trong 6 nước nghèo nhất thế giới như hiện nay hay sao?

Theo chúng tôi nghĩ, như đã được viết trong Thử thách và Hy vọng, Dân chủ Đa nguyên là "một tinh thần, một thái độ, một lý tưởng. Tinh thần đó là tinh thần bao dung và khoan nhượng, tôn trọng mọi người, mọi ý kiến. Thái độ đó là thái độ khước từ thẳng thắn mọi hình thức độc tài chuyên chính, kể cả, và nhất là, thứ dân chủ bịp bợm mệnh danh là "dân chủ tập trung" hay "dân chủ xã hội chủ nghĩa" dành địa vị độc tôn cho một chủ nghĩa. Lý tưởng đó là lý tưởng xây dựng đất nước Việt Nam có chỗ đứng xứng đáng và ngang nhau cho tất cả mọi người".

Dân chủ Đa nguyên cũng còn là "sự hội nhập và ứng dụng triết lý đa nguyên vào đời sống chính trị. Căn bản của triết lý đa nguyên là tinh thần bao dung, là sự nhìn nhận và tôn trọng mọi khác biệt trong xã hội".

Thưa ông chủ nhiệm tạp chí Cộng Sản, chúng tôi cũng ghi nhận sự thận trọng của quý báo nên việc bài phản bác hòa giải hòa hợp và dân chủ đa nguyên chỉ đăng trong mục "thư gửi Bộ biên tập". Chúng tôi đề nghị quý báo cho phép tranh luận, trên tạp chí Cộng Sản, đề tài nói trên giữa mọi người, trong và ngoài nước, mở đầu thực hiện việc "dân biết, dân bàn" như quý ông vẫn nói từ mấy chục năm nay, nhưng lần này nói và làm với lòng trung thực.

Chúng tôi sẵn sàng mở một cuộc tranh luận như vậy, bất cứ lúc nào, trên báo của chúng tôi: báo Thông Luận với tôn chỉ không có gì cấm bàn, không có gì cấm nêu lên.

Mục đích của cuộc tranh luận là để trao đổi ý kiến trên tinh thần bao dung, không bị bất kỳ một ràng buộc nào từ việc phỉ báng và đả kích cá nhân.

Kính chào ông chủ nhiệm.

Trần Ngọc Sơn

Man đàm:

## Bài học đa nguyên dân chủ của nhà giáo dục Khổng Tử

Trần Thanh Hiệp

Bây giờ đang là mùa tổng kết của người Việt Nam. Cho năm dương lịch 1996 đã mãn. Cho năm âm lịch Bính Tí gần tàn. Cho cuộc sống lưu vong đã kéo dài gần hai mươi lăm năm. Cho kỷ một ngàn năm thứ hai sắp chấm dứt và cho kỷ một ngàn năm thứ ba với đầy những dự báo về văn minh tiến bộ đang đến trong chờ đợi. Dù muốn hay không muốn, khi lập bảng tổng kết, người ta khó có thể bỏ sót Khổng Tử, một khuôn mặt vĩ đại đã ngự trị hai mươi lăm thế kỷ trong ký ức nhân loại.

Người viết những dòng dưới đây không nghĩ rằng lời khen hay lời chê của mình có thể thêm bớt gì cho nhà hiền triết nước Lỗ ấy, một Socrate của phương Đông. Tuy vậy vẫn phải viết để giữ trọn một lời hẹn ước - "sẽ nói về Khổng Tử" - hẹn ước với bè bạn, nhưng chính là với bản thân mình. Để trở về người thầy tinh thần, sau những cuộc phiêu lưu qua nhiều cảnh giới tinh thần. Một cách để trước nhất tự mình ổn định với chính mình.

### Người thầy chí thánh mở đường cho muôn đời

Tự điển tên người, tên đất tiếng Pháp, Robert, đã giới thiệu Khổng Tử như một triết gia có tầm ảnh hưởng sâu rộng khắp xã hội Trung Quốc từ xưa cho đến bây giờ. Nhưng cũng không quên kết luận rằng những ảnh hưởng ấy hiện đang bị chối bỏ. Sự thật, việc có sự phản bác tư tưởng Khổng Tử là việc đã diễn ra từ thời tiên Tần, không phải ngày nay mới có. Tuy nhiên ngọn sóng chống đối Khổng học này, cũng như từ trước, đã chỉ là một cao trào dâng lên mấy thập niên để rồi tan biến vào trong những làn sóng dấy loạn lưu không ngừng thế kỷ này đến thế kỷ khác. Cộng sản Trung quốc kịch liệt đả phá Khổng Tử là muốn dùng thủ đoạn mượn gió bẻ măng, hạ kỳ được uy thế của Khổng học để suy tôn học hệ mác xít. Vì hệ còn Khổng học thì chủ nghĩa cộng sản không có chỗ đứng. Cộng sản Việt Nam không trực diện tấn công Khổng Tử như các bậc đàn anh Tàu mà chỉ nêu lên các chiêu bài phong kiến, địa chủ, tay sai thực dân

v.v... để bẻ gãy uy thế của các thân hào nhân sĩ nho học hầu áp đặt sự chính thống cho đảng cộng sản. Chẳng những vậy, các lãnh tụ đầu đàn cộng sản Việt Nam đều đạo văn (hiểu theo nghĩa rộng) của Khổng học (như *lo trước dân, vui sau dân, cần, kiệm, liêm, chính, trung với đảng, hiếu với dân* v.v...). Hiện nay thì "rượu cộng sản" đang được những người cộng sản đổ vào bình "Khổng học" để dâng làm vua, cán bộ làm quan.

Đầu thế kỷ này trong phong trào Duy Tân cắt tóc, cắt móng tay, học chữ quốc ngữ, mặc lối Tây Phan Chu Trinh tiên sinh nghiêm khắc lên án luân lý cổ truyền, đả phá quan lại ngu trung hèn nhát, cổ vũ tư tưởng dân chủ tân tiến phương Tây. Những mũi tên tẩm thuốc độc này không nhắm vào Khổng Tử mà nhắm vào lớp cụ si phu chỉ biết mù quáng tôn quân. Nghi cho cùng sở học của Phan tiên sinh đã không xuất phát từ nguồn tư tưởng nào khác hơn là Khổng học. Một tiếng nói khác - tiếng nói Phan Khôi - tiếp tục lời cáo trạng Phan Tây Hồ cũng không hẳn là những lời nguyên rủa Khổng Tử. Đúng hơn, đó chỉ là sự biểu lộ của một nhân cách nhiệt thành muốn bỏ cũ nhưng chưa đủ bản lĩnh tìm cái mới.

Hai nhà nghiên cứu triết học Trung quốc ở miền Nam, Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, đã viết trong bộ sách *Đại cương Triết học Trung quốc* của họ rằng "bình minh của triết học Trung Hoa xuất hiện ở nước Lỗ". Nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử và giới nghiên cứu phương Tây đã gọi Khổng Tử là nhà hiền triết nước Lỗ.

Các nhà Nho hậu thế đã suy tôn Khổng Tử là "người thầy của muôn đời" (Vạn thế sư biểu). Danh hiệu này không phải là không có chỗ quá đáng. Trái lại, các bậc hậu học thời Tống có lý do để gọi thầy học của mình là "Chí thánh tiên sư" vì quả thật Khổng Tử, về nhiều mặt, đã là một người thầy đầu tiên mở đường cho hàng tỉ người ở châu Á, theo hay không theo Khổng học. Karl Jaspers, nhà tâm lý học và triết học nổi tiếng người Đức, trong tác phẩm ông nói về những triết gia lớn (*Les grands philosophes*, 1957), đã xếp Khổng Tử vào

hàng những ngọn đỉnh của tư tưởng nhân loại vì Khổng Tử đã giúp cho hậu thế nhìn thấy đâu là giới hạn cùng tột của những gì gọi là tính người và do đó Khổng Tử đã là một trong những mạch suy tư triết học.

Nhà giáo dục đa nguyên họ Khổng

Cuối thế kỷ XX mà nhắc đến Khổng Tử thì có thể yên tâm gác sang bên nhiều vấn đề lỗi thời để chỉ tập trung sự chú ý vào sự nghiệp giáo dục của ông. Nhất là ông vốn dĩ chỉ là một người thầy giáo, đúng hơn là một thầy đồ, nếu bỏ đi những ánh hào quang của thánh nhân mà các học trò đã phản chiếu vào thầy học mình. Và chẳng sự nghiệp giáo dục của ông đã có những tác dụng rất tích cực trong cuộc sống hàng ngày của biết bao nhiêu là thế hệ tiếp nối nhau trải qua các thời đại. Khổng Tử đã đặt ra tiền lệ "dạy học tu" đầu tiên ở Trung Quốc và đã long đong quá nửa đời mình để làm công việc này. Sử sách ghi rằng ông có tới ba ngàn học trò trong đó bảy mươi hai người được coi là những bậc "hiền". Hoạn lộ của ông muộn màng và ngắn ngủi. Mãi đến năm 51 tuổi ông mới ra làm quan và chỉ trong 4 năm rồi lại trở về soạn sách, mở trường dạy học.

Bàn về giáo dục tất nhiên phải xét đến tư tưởng cùng với thái độ, phương pháp của người dạy. Nhưng điểm then chốt là tìm xem cứu cánh của nền giáo dục ấy ra sao. Sự trì trệ hàng ngàn năm của các xã hội Trung Quốc Việt Nam đã đưa tới lời chê Khổng học (hiểu là Nho học) là giáo điều. Sự thực chính Khổng Tử không có một giáo điều nào, ngay cả các ý niệm "*Đạo, Thiên mệnh*" (hiểu như những chân lý, tín lý đúng tuyệt đối). Phải nói là ông mang nhiều tư tưởng đa nguyên, không phải thứ đa nguyên ở trên trời hay trong phòng thí nghiệm mà là đa nguyên ở giữa cuộc đời, trong nhân quần xã hội (nhân xã).

"Đạo", theo Khổng Tử không thể xa rời con người (*đạo bất khả viễn nhân*) và con người phải tự mình tìm thấy "Đạo". Còn "Mệnh trời" không phải một phạm trù triết học siêu hình về bản thể mà là một lối nói, một cách phán đoán hậu thiên (a posteriori) để chấp nhận, để giải thích một điều nên coi là tất yếu nếu không thay đổi được. Ông bảo thẳng với học trò của mình rằng "trời có nói gì đâu" (*thiên hà ngôn tai!*)(\*). Chả vậy mà con người ít ra cũng phải đến lúc 50 tuổi, nghĩa là đã quá từng trải, mới hiểu được thế nào là mệnh trời (*ngũ thập tri thiên mệnh*).

Đa nguyên là thái độ không công nhận chỉ có "một" mà có "nhiều". Chính những

người cộng sản, tuy buộc tội Khổng Tử là "chó giữ của cho địa chủ" nhưng cũng phải công nhận rằng Khổng Tử duy vật về nhiều mặt. Vì, theo Khổng Tử, "bản tính con người gần giống nhau, do thói quen mà xa khác nhau (*tính tương cận...tập tương viễn...*) và chính Khổng Tử đã thú nhận rằng "ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là ham đạo lý thánh hiền của đời xưa mà siêng năng cầu học đó thôi (*ngã phi sinh nhi tri chi giả, háo cổ mẫn dĩ cầu chi dã*). Nhưng đồng thời cộng sản cũng cho rằng Khổng Tử vẫn còn duy tâm về nhiều mặt khi ông nhiều lần nhắc đến "trời": "Than ôi! Trời làm mất đạo ta" (*Y! Thiên tán dư*); "Ta đối ai, đối trời chăng?" (*ngô thùy khi, khi thiên hồ?*); "ta mà làm không đúng, trời sẽ bỏ ta, trời sẽ bỏ ta" (*dư sở phủ giả, thiên yếm chi, thiên yếm chi*); "mắc tội với trời, không thể cầu ở đâu mà khỏi được" (*Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã*).

Tư tưởng đa nguyên tất nhiên thể hiện qua những ứng xử đa nguyên. Bản thân Khổng Tử không có tác phong giáo điều, độc đoán. Ông mở trường đón nhận đủ mọi thành phần xã hội (*hữu giáo vô loại*) và giảng dạy nhiều môn học. Ông đã nói về trường học của ông như sau "Những người theo ta ở nước Trần, nước Sái nay đều không đến trường của ta nữa. Môn học về đức hạnh thì có Nhan Uyên, Mặc Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; khoa ngôn ngữ thì có Tề Ngã, Tử Cống; môn chính trị học thì có Nhiễm Hữu, Quý Lộ; môn văn học thì có Tử Du, Tử Hạ" (*tông ngã ư Trần, Sái giả giai bất cập môn dã. Đức Hạnh: Nhan Uyên, Mặc Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; ngôn ngữ: Tề Ngã, Tử Cống; chính sự: Nhiễm Hữu, Quý Lộ; văn học: Tử Du, Tử Hạ*). Thầy đồ Khổng Tử chủ trương không độc quyền, không lừa dối "cái gì biết thì nói là biết, cái gì không biết thì nói là không biết, như thế gọi là biết" (*tri nhi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã*). Rõ ràng nhất là việc Khổng Tử chủ trương 4 không: "không ý riêng, không độc đoán, không cố chấp, không tự cho riêng mình là phải" (*Tử tuyền tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*) đồng thời còn cho rằng ai cũng có thể dạy mình học "Ba người cùng đi,ắt có kẻ là thầy ta. Chọn người tốt mà theo, nhìn người không tốt mà sửa đổi" (*tam nhân hành tất hữu ngã sư yên: trạch kỳ thiện giả nhi tông chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi*). Ông cũng rất đề dặt mà lượng sức mình hầu tránh tị chủ quan, dù thấy học trò hoàn toàn thuận ý thầy "Trò Nhan Hồi chẳng phải là người giúp đỡ cho ta vì những lời ta nói không có lời nào Nhan

Hồi không tán thành" (*Hồi dã phi trợ ngã giả dã, ư ngô ngôn vô sở bất duyệt*). Ông ngay thẳng thú nhận sự hiểu biết không phải không có hạn chế của mình "Ta có biết nhiều không? Không biết nhiều đâu. Có ai què mùa hỏi, ta mù mờ không biết nhưng ta cứ dựa vào câu hỏi, nêu lên cả hai mặt (phải trái) mà giải thích" (*Tử viết: Ngô hữu tri hồ tai? Vô tri dã. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên*).

Khi dạy các học trò, nguyên tắc sư phạm của Khổng Tử là tùy trình độ, tính tình, chí hướng của từng người mà giảng dạy, nói một để người học suy ra mười, nếu không thấy có ý định cầu học thì không dạy, không cưỡng ép...

Sau hết, điểm cơ bản: cái học mà Khổng Tử trọng đời mình đã truyền dạy là việc tu học để thành người. Cứu cánh giáo dục mà ông đề xuất là Con người với tất cả phẩm giá đáng kính trọng của danh từ. Không phải ông chỉ dạy làm vua, làm quan mà còn dạy cả cách làm chồng vợ, cha mẹ, con cái, anh em, bè bạn, trong nhà, ngoài làng, ngoài nước, trong khắp thiên hạ... Nói tóm lại, một nền giáo dục đa nguyên để sống thực tế trong cuộc đời thực tế.

### Từ đa nguyên dân chủ đến dân chủ đa nguyên

Nói rằng tư tưởng đa nguyên của Khổng Tử có tính dân chủ e không khỏi mang tiếng khiên cưỡng. Khổng Tử vốn được coi là người bảo thủ triệt để tôn sùng quân chủ. Nhưng có nhiều lý do cho thấy rằng ông không coi chế độ quân chủ là cứu cánh mà chỉ là phương tiện. Hơn nữa Khổng Tử chỉ cổ võ cho một chế độ quân chủ nhất định, chế độ thời Tây Chu là thời vàng son của Trung Quốc cổ đại. Vua phải như Nghiêu, Thuấn mới là vua. Chính vì vậy mà ông không được các vua đương thời trọng dụng, thậm chí đời sau còn ra lệnh "đốt sách chôn Nho". Vì sao? Vì ông lấy việc phục vụ đời sống của từng người dân, tất cả những người dân làm trọng đại. Ông định nghĩa chính trị không là gì khác hơn việc đưa nhiều người quần tụ lại thành dân, rồi làm cho những người ấy có của cải tiền bạc và nuôi dạy cho họ biết cách sống ngay thẳng với nhau, hòa bình nhân ái nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng (*hòa nhi bất đồng*). Thời Tây Chu, theo Khổng Tử, là một tiền lệ lịch sử về sự khả hữu của một đời sống xã hội như vậy. Đa nguyên trong tổ chức dân. Đa nguyên trong cứu cánh phục vụ dân và chỉ quân chủ về mặt chức năng, hình thức. Tư tưởng này của

Khổng Tử đã được người học trò hậu sinh kiệt xuất là Mạnh Tử xiển dương thành chủ trương Thiện chính "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Ngày nay nhiều chính thể vẫn còn tồn tại được (nhiều ở châu Âu, ít ở châu Á) chính là vì biết thực hành đa nguyên dân chủ.

Phương Tây khác với phương Đông, nhờ óc trừu tượng cao, đã phát minh ra dân chủ bắt đầu dựng lên từ những hợp quần nhỏ, các Thành quốc (État-Cité) ở Nhà điển, Hy Lạp. Khởi đầu dân chủ chỉ thi hành cho một nhóm người nhất định được coi là dân mà thôi. Về sau, trải qua mấy nghìn năm, những người được coi là dân ngày càng nhiều nếu chưa thể nói là tất cả mọi người. Dân chủ vì thế đã trở thành dân chủ đa nguyên. Trước kia người ta đề dặt chấp nhận đa nguyên không nhất thiết phải có dân chủ. Nhưng bây giờ thì chẳng những phải có dân chủ mà dân chủ này lại phải đa nguyên chứ không thể chỉ là dân chủ của một thiểu số hay của một đa số.

Vì không có kinh nghiệm cụ thể giống phương Đông là tin vào những con người nhất định như các bậc Thánh, Vua, phương Tây đã phải nhờ đến một hư cấu (fiction) để giải quyết sự khó khăn của ý định "trực trị". Nếu tất cả mọi người không thể cùng trực tiếp cai trị thì chỉ còn cách kiếm ra phương thức "đại nghị" để lấy ít thay nhiều. Từ đó lại đặt ra nhiều vấn đề nan giải như chia quyền, kiểm soát, thay phiên v.v... Rút lại là hai con đường đi dân chủ trên đó chỉ mới có những trạm dừng chân, chưa ai ở phương Đông cũng như phương Tây coi như đã tới đích.

### Tiếp thu bài học đa nguyên Khổng Tử?

Lùi lại hai mươi lăm thế kỷ và bàn về tư tưởng Khổng Tử không phải vì nghi lễ tế tự hoài cổ mà vì sự cần thiết phải đối thoại với quá khứ. Văn hóa là tích lũy và quá khứ chỉ có nghĩa nếu là tích lũy văn hóa. Đối thoại nghiêm chỉnh với tư tưởng Khổng Tử sẽ thấy đặt ra nhiều câu hỏi trong đó có câu: "Có nên tiếp thu bài học đa nguyên Khổng Tử hay không?". Về mặt văn hóa, chắc khỏi cần bàn cãi: "Có", chẳng riêng gì đối với Khổng Tử. Nhưng về mặt chính trị thì không hẳn đơn giản như vậy. Cách tiếp thu quan trọng hơn sự tiếp thu. Nói cách khác, sự tiếp thu này không phải là điều tất yếu (nécessité) mà chỉ có tính cách nhiệm ý (option). Chọn hẳn con đường phương Tây hay hẳn con đường phương Đông hay con đường chiết trung Đông-Tây đều có những khả năng

tốt. Nhưng để lựa chọn thật không phải dễ.

Suy rộng ra từ ý kiến các nhà nghiên cứu về văn minh thì người phương Đông được phương Tây giáo dục sẽ thấy bị đặt trước hai lý tính (raison): lý tính phân biệt rõ ràng "ngã" (moi) và "vô ngã" (non-moi) để đạt tới chân lý khách quan, thực nghiệm và do đó, khoa học. Lý tính phương Đông (nói chung) hợp nhất "ngã" và "vô ngã" nặng phần huyền bí nhưng nhiều tính nhân bản, xã hội.

Trí thức tiên tiến Việt Nam cuối thế kỷ XX đã dứt khoát chọn dân chủ đa nguyên vì Việt Nam không có những ông vua như Nghiêu, Thuấn, không có những kẻ sĩ như Cao Dao, Y Doãn, Quán Trọng, Tử Sản, Thương Ương v.v... Mặt khác, tài quản trị xã hội của người ngày xưa chỉ giới ở mức hàng vạn người. Xã hội ngày nay đã đạt tới quy mô hàng triệu, hàng tỷ người. Sở trường của phương Tây là kiến thức chủ lượng (quantitatif) trong khi phương Đông xuất sắc về suy tưởng chủ phẩm (qualitatif). Khi nói chủ lượng là phải nói đến cả trừu tượng lẫn cụ thể để quy nạp làm một mà quản trị. Tuyệt đại đa số người Việt Nam đã lâu đời quen sống với cụ thể nhất là về mặt chính trị rất thiếu khả năng trừu tượng. Và thiếu trừu tượng là thiếu khái niệm. Muốn tiến bộ nhanh phải giàu khái niệm để thấu ngắn thời gian tìm mò. Bài toán nhức đầu của dân chủ hiện đang đặt ra cho nhân loại cuối thế kỷ XX là phải kết hợp tối hảo được vi mô (cá nhân) với vi mô (xã hội), điều mà cả Đông lẫn Tây vẫn còn mơ ước dù đã vượt qua được một con đường thám hiểm rất dài tạm đánh dấu bằng ba cột mốc Khổng Tử, Emmanuel Kant và John Rawls.

Tư tưởng Khổng Tử mà người Việt Nam đã hấp thụ là một tư tưởng ít huyền bí nhất của phương Đông. Cái học về chính trị, và cũng là điểm ưu việt của ý hệ Khổng Tử, là cái học về những quan hệ giữa con người với con người trên nền tảng lòng Nhân. Sách Trung Dung nói: "*nhân giả [lòng nhân] nhân [người] dã*" (lòng nhân là con người); đảo ngược người ta có thể nói người là lòng nhân. Trong hiện tình chính trị Việt Nam và trước viễn tượng đổi mới Việt Nam chuyên chế thành Việt Nam dân chủ đa nguyên, tiếp thu hay không tiếp thu bài học đa nguyên Khổng Tử là chọn ít hay nhiều thủ thách và hy vọng thành công tùy thuộc vào thủ thách.

**Trần Thanh Hiệp**

(\*) Những trích dẫn chữ Hán Việt (in chữ nghiêng) phần lớn đều rút ra từ sách Luận Ngữ.

## Khí phách kẻ sĩ Phan Khôi

Đặng Ứng Hà

Quyển sách mỏng *Việt Ngữ Nghiên Cứu* của Phan Khôi do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hà Nội năm 1955, là một tập hợp những bài nghiên cứu tiếng Việt mà Phan Khôi biên soạn trong khoảng thời gian ba năm, từ 1948 đến 1950. Mặc dù sau đó, ông không còn làm việc trong ngành ngôn ngữ nữa nên việc nghiên cứu bị bỏ dở, tác giả cũng xem xét lại một số luận điểm và viết những lời bổ di ở cuối bài, để sang năm 1955 in lại thành sách. Không lâu sau đó là biến cố Nhân Văn Giai Phẩm. Trong một xã hội còn nặng thành kiến về chính trị và ngụy như xã hội Việt Nam ở thế kỉ XX này, không lạ gì Phan Khôi và sự nghiệp của ông bị vùi dập, bị buộc phải đẩy vào quên lãng, hầu như không mấy ai sau này dám nhắc đến quyển sách tiên phong trong sự nghiệp nghiên cứu ngữ học của thời kì nước nhà mới độc lập.

Thật ra thì đây chưa phải là một quyển sách có mạch lạc, mà chỉ là tập hợp một số bài nghiên cứu rời về một số vấn đề ngữ pháp tiếng Việt. Chủ ý của tác giả là để khởi công phân tích một số vấn đề ngữ pháp tiếng Việt trước khi thật sự biên soạn một tập sách hoàn chỉnh về nó (*Lời tựa*, tr.6). Quyển sách khiêm tốn của Phan Khôi đã đánh dấu cho một bước biến chuyển của nghiên cứu ngữ học Việt Nam ở buổi đầu. Ngày nay, nhìn lại quyển sách để thấy lại những bước tiến trên đường tìm kiếm mà trong lúc đó, trong hoàn cảnh khó khăn, Phan Khôi đã làm được một số việc mở đường quan trọng.

Đã gần nửa thế kỉ đi qua, có thể những tìm tòi của Phan Khôi ngày nay đã đi vào kỉ niệm của lịch sử ngữ học nước nhà. Nhưng con người Phan Khôi thì vẫn hãy còn sinh động trong những trang viết. Ngay ở lời mở đầu sách có một đoạn ngắn cho thấy sự thành tâm của Phan Khôi đối với công phu tìm tòi nghiên cứu: "*Tôi mong rằng... sẽ được nhiều lời phê bình thảo luận, để bổ cứu cho sự sai lầm thiếu sót của một người, và nhờ đó công việc phân tích càng đầy đủ tinh vi hơn...*" (tr.6). Ngày nay, những câu như thế đã thành sáo ngữ nghề nghiệp của những kẻ "biên tập" xuất bản. Ở vào những năm tháng trước kia, những suy nghĩ như thế ở

một người thuộc hàng "tiên chỉ" trong làng chữ nghĩa là điều đáng trọng, nếu chúng ta biết là đến cuối thế kỉ này có kẻ nghiên cứu đội mũ cánh chuồn hay còn đem "nhân dân" ra để mong lấy điểm tựa bảo chứng cho cái gọi là bài nghiên cứu của họ. Ở một chỗ khác, khi trả lời một nhà thơ trẻ muốn cách mạng việc gieo vần cho thơ, ông bảo rằng "*anh cứ làm đi và đưa ra công chúng đi, hễ công chúng nhận thì thơ anh sống, mà công chúng chối thì nó chết. Ngữ ngôn luôn luôn biến hóa, đó là một quy luật nhất định.*" (tr.25). Những suy nghĩ kiểu đi chệch ra khỏi nếp nghĩ quan phương như thế này dường như hãy còn xa lạ đối với xã hội chúng ta, vì chúng bị kết án là ngang ngạnh, vô chính phủ, như chính bản thân tác giả nó đã từng phải chịu.

Bình sinh ông không ưa thói bất công trong xã hội. Thái độ ấy đưa đến hệ quả tất nhiên là ông phủ nhận tuyệt đối tư tưởng nho phong kiến, xem đó là tác nhân đưa đến hủ bại của xã hội chúng ta ngày nay. Nhân khi bàn về nguyên ủy cách xưng hô bằng "cụ lớn", tác giả đã xuôi dòng suy nghĩ của mình mà bàn sang chuyện xã hội ngôn ngữ học hoặc là dân tộc tâm lý học mà buông lời thống thiết: "*Nghề thế, đã tôn bợ người khác lên càng cao thì tự mình lại hạ xuống thấp và càng thấp. Xưng mình bằng tôi, nghĩa là tôi tớ, đã nhún lúm và để tiện quá rồi còn chưa lấy làm đủ, xưng là con là cháu. Trong khi không gọi người để ra mình bằng cha mẹ, gọi bằng anh chị, cậu mợ, chú thím, mà lại xưng con xưng cháu trước mặt những kẻ không để ra mình, không để ra cha mẹ mình, gằm mà xem, có đáng tử thân không?*" (tr.112). Quá quắt lắm chăng? Không đâu, quan điểm đó chỉ là hệ quả một quan điểm xã hội cấp tiến, chủ trương xóa bỏ chế độ gia tộc của thời phong kiến mà ông cho đã làm cho con người Việt Nam chúng ta bần chệt, hèn hạ đi. "*Chính bản thân cái chủ nghĩa gia tộc đã là không tốt đẹp gì thì khi đem những tiếng xưng hô trong gia tộc áp dụng ra cả xã hội cùng không tốt đẹp gì. Nói rằng coi hết thầy người trong nước là bà con họ hàng với nhau, nhân đó càng thương yêu nhau, chỉ là nói thế thôi, nói nghe cho lịch sự thế*



thôi." (tr. 115-6). Lập luận của Phan Khôi nếu có phần thâm xưng thì bù lại cũng phản ánh một bộ mặt đáng buồn của xã hội nửa phong kiến nửa nô lệ của chúng ta. Nhưng mà ở đây không phải là chuyện quá khích hay thậm xưng, mà là biểu hiện một chút lòng "tiên ưu" của một kẻ sĩ. Thấy điều phải mà không đủ sĩ khí để nói lên thì còn đâu là sự "lương thiện trí thức", cái khí phách của kẻ sĩ nữa ?

Dư luận thường nhắc đến tinh thần duy lí trong con người Phan Khôi. Nói thế e rằng chưa đủ chính xác. Trong một con người Phan Khôi có hai phong cách rất khác biệt nhau: một tâm hồn thi nhân bên cạnh một nhà lí luận. Tâm hồn thơ là gì nếu không phải là một tâm hồn tinh tế biết cảm nhận những vẻ đẹp, vẻ sâu sắc ở đời. Nhưng Phan Khôi không ưa những thói phù hoa nhằm nhĩ thường thấy trong làng văn làng báo. Thứ văn chương "mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây" không phải thứ văn chương ông chuộng. Cũng như bao nhiêu nhà nho, ông cũng là một người làm thơ và bình thơ thâm thúy, nhưng rồi chính ông cũng thấy thơ Việt Nam đến buổi ấy cần cải, vì vậy ông đã là người đi đầu trong việc làm mới thi ca ở đầu thế kỉ XX. Nghi như thế và sống như thế, nào phải chỉ có mình ông! Cao Chu thần ngày trước chẳng từng ngán ngẫm cho thứ "nhai văn nhá chữ" trong làng văn thơ mù cánh chuồn đó sao!

Thuở còn làm báo ở Nam Kỳ, Phan Khôi thường bị đồng nghiệp ganh ghét và bĩ báng ông là một kẻ kiêu ngạo tự phụ. Nhiều người muốn lên giọng đánh giá sự nghiệp Phan Khôi, nhưng đã không hiểu được cái tâm thành của ông. Có nhà viết văn học sử sau này lại còn tìm cách cắt nghĩa thái độ "bất mãn thường trực" của Phan Khôi theo kiểu phân tâm, bằng cách giải thích từ những kỉ niệm buồn đau thời trẻ của nhà văn. Thiết tưởng chúng ta không thể bằng lòng với lối phân tâm lạ đời và nguy hiểm đó. Theo lối phán đoán chủ quan và phiến diện, làng văn làng báo trước kia thường quên một chi tiết trong đời riêng của Phan Khôi: ông là một người suốt đời giữ được khí tiết nhà nho cương trực, không thỏa hiệp với điều mà thời đại hôm nay gọi là "chà đạp nhân quyền". Ông là phần tử hoạt động hăng say trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, của phong trào duy tân ở Quảng Nam, một nhà báo tiên phong và nổi tiếng qua phong cách bút chiến rắn rỏi, khúc

chiết mà đối tượng của ông thường chỉ là đấu tranh cho một phong thái tự do, bình đẳng. Ông có kiến thức quảng bác, lại có nhiệt tâm tìm kiếm cái đúng cái tốt, nên văn bút chiến của ông đã là một sở trường của ông trong sự nghiệp làm báo. Nhưng tính cách nổi bật của văn bút chiến Phan Khôi là ở chỗ ông chuộng sự tinh xác, sự minh bạch, sự liêm khiết trí thức. Đó là Phan Khôi của loạt bài tranh luận về Nho giáo với Trần Trọng Kim, của bài "Cảnh cáo những nhà học phiệt". Cho đến cuối đời Phan Khôi vẫn là người như thế. Bài viết "Phê bình lãnh đạo văn nghệ" là khí tiết, là tâm can của một người yêu tự do, yêu tiến bộ, và không thỏa hiệp với lẽ thói muốn độc quyền chân lí, nhất là chân lí dựa nhờ trên quyền uy chính trị đảng phái. Người ta không thể kì vọng ở một người đã một đời đấu tranh cho lẽ công bình ở đời lại phải quy phục cường quyền.

Phan Khôi là một nhà nho xuất thân nhưng lại thường xuyên đứng ở hàng ngũ những người đấu tranh cho tiến bộ, cho cái mới. Từ khi phong trào Duy Tân với Đông Kinh Nghĩa Thục và Trung Kỳ Dân Biểu thất bại, ông chuyển sang hoạt động báo chí và sớm trở thành một kiện tướng trong làng báo tiên phong. Xông xáo trong trường văn trận bút nên Phan Khôi đã tham gia những trận bút chiến vang dội trong học giới thuở ấy. Nhân đây tưởng cũng nên nhắc đến "mối duyên văn tự" giữa Trần Trọng Kim và Phan Khôi. Cả hai tác giả cùng thế hệ, cùng có sở học uyên bác, và không chừng cũng liên tài ái tài nhau mà dẫn đến mấy trận tranh luận hiếm có trong học giới chúng ta trước nay. Trong bao điều tốt đẹp mà ông đã cống hiến cho làng văn làng báo từ những năm tháng xa xưa, lòng trân trọng của ông đối với quốc văn là một điểm không ai biết ông mà không thấy. Khi bắt tay tìm hiểu về phép làm văn quốc ngữ là ông không ngừng xây đắp tinh thần Việt Nam trong khi xem xét tiếng Việt. Từ những năm xưa, trên báo Phụ Nữ Tân Văn (1931), Phan Khôi giữ mục "Ngự sử trên văn đàn" và đã gây ảnh hưởng lớn trong công chúng, khiến họ phải thận trọng hơn đến chính tả quốc ngữ. Trước đó Phan Khôi đã mở mục "Phép làm văn" để dạy thế hệ trẻ viết quốc văn, nhân đó ông dò dẫm phát kiến, trước Trần Trọng Kim, những quy tắc của ngữ pháp tiếng Việt. Cho nên, khi phê bình phương pháp mô tả ngữ pháp tiếng Việt trong *Việt Nam Văn Phạm*, thái độ và phong cách của Phan Khôi vẫn chỉ

là thái độ của một chính nhân "phù thể giáo một vài câu thanh nghị" mà thôi.

Nhìn lại một công trình nhỏ bé của Phan Khôi ngày hôm nay chính là để đặt lại chỗ đứng của ông trong sự nghiệp chung. *Việt Ngữ Nghiên Cứu* mặc dù là một phác thảo dở dang của một phương pháp luận xác đáng cho ngữ pháp tiếng Việt, sẽ vẫn là bằng chứng của một công phu trí tuệ sắc bén và cấp tiến. Tính đến nay đã gần tròn nửa thế kỉ, ngữ học Việt Nam đã tiến một bước dài, nhưng chúng ta không thể và không được phép quên rằng Phan Khôi đã là người đặt nền móng cho những thành tựu về sau. Phan Khôi là biểu tượng của sự liên tục và tiến bộ. Chế độ chính trị độc đoán có thể vùi dập ông, nhưng người trí thức không có quyền bội bạc với những công trình của người đi trước, vì kiến thức chúng ta đây là kết quả của kế thừa và phát triển xã hội. Và chẳng, đấy cũng là chút trình còn lại của người trí thức trong một thời nhiều nhượng nầy vậy.

Đặng Ứng Hà

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF  
hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin đừng đề Thông Luận)

**Địa chỉ liên lạc mới:**

**THÔNG LUẬN**  
**124 bis, avenue de Flandre**  
**75019 Paris, FRANCE**

**Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với**  
**đại diện Thông Luận tại Đức:**

**Ông Nguyễn Thanh Lương**  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt am Main  
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

hay thanh toán tiền mua báo  
(60 DM/năm) vào trương mục:  
Frankfurt Volksbank e G  
THANH LUONG, NGUYEN  
Konto-Nr: 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl: 50 19 00 00

# Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, sự trỗi dậy của chủ nghĩa quốc gia và vấn đề hòa giải hòa hợp dân tộc hôm nay

Vương Sử

Cho đến hôm nay, những đánh giá về vai trò, hậu quả của chủ nghĩa cộng sản rất khác nhau. Nếu chỉ đúng về một phía, tức phía chống cộng, thì chỉ thấy những khía cạnh xấu xa của chủ nghĩa cộng sản. Muốn đánh giá đúng về chủ nghĩa cộng sản, trước hết phải thực sự khách quan và cũng cần phải có kinh nghiệm sống ở các nước cộng sản. Đánh giá chủ nghĩa cộng sản cũng cần phải có kiến thức lớn, tốn kém về thời gian, đó không phải là mục đích của bài viết này. Bài viết này chỉ nhằm đánh giá sơ bộ về chủ nghĩa cộng sản làm cơ sở cho một số nhận định về sau.

Trước hết phải phân biệt rõ ràng lý tưởng cộng sản và thực tiễn những gì đã diễn ra ở các nước cộng sản nói đúng hơn là các nước xã hội chủ nghĩa.

Lý tưởng cộng sản nói nôm na là xây dựng một xã hội công bằng, mọi người trong xã hội đều bình đẳng và hoàn toàn không có việc người bóc lột người. Trong xã hội cộng sản mọi tài sản là của chung, không có nhà nước, không có giai cấp, ở đó con người "làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu".

Thực ra đây là một ảo tưởng của Marx. Nó là ảo tưởng và giấc mơ của con người ở một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, khi mà người lao động bị bóc lột thậm tệ và lúc đó họ thấy chỉ có một con đường tự giải phóng đánh đổ chủ nghĩa tư bản. Không phải ngẫu nhiên mà chỉ trong vòng một thời gian ngắn, chủ nghĩa cộng sản đã lan tràn ra toàn thế giới, đã thu phục hàng tỷ con người, một điều mà không một tôn giáo nào trong lịch sử làm được.

Đánh đổ chủ nghĩa tư bản để xóa bỏ áp bức bóc lột, lúc đó chỉ có chủ nghĩa cộng sản do Marx khởi xướng là có tính cách thuyết phục nhất. Lúc đó nhận thức của đại đa số quần chúng lao động chỉ ở mức độ là: "chủ nghĩa tư bản có áp bức bóc lột, nguyên nhân sâu xa của mọi đau khổ của nhân loại." Vậy để chấm dứt mọi sự khổ

đau đó, thì phải đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản mà ban đầu là chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết của Marx không những có tính thuyết phục về mặt khẩu hiệu và mục đích, mà cả về mặt lý luận nó cũng đem lại những giải thích về xã hội học mà lúc đó nhiều người cho là đúng. Chủ nghĩa Marx đã thuyết phục biết bao nhà trí thức danh tiếng đương thời.

Xã hội loài người đã trải qua các hình thức như cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tư bản. Khi mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến độ tương đối cao, khi mà các vấn đề lớn của chủ nghĩa tư bản đang bị bế tắc: chiến tranh, khủng hoảng kinh tế, thất nghiệp... thì con người đương thời không thể không đặt câu hỏi: "Vay hình thức xã hội loài người sau chủ nghĩa tư bản sẽ là gì đây? Nó có giải quyết được các vấn đề của chủ nghĩa tư bản hay không?". Chủ nghĩa Marx đã ra đời và nó đã thỏa mãn về mặt lý thuyết những câu hỏi trên đây của con người (đúng hay sai chưa bàn đến).

Marx đã kể tục một số triết gia trước mình là đưa ra lý thuyết về quan hệ giữa nội dung và hình thức, dùng lý thuyết này để giải thích hiện tượng xã hội. Theo Marx thì nội dung quyết định hình thức. Trong xã hội, lực lượng sản xuất - nội dung, quyết định quan hệ sản xuất - hình thức. Lực lượng sản xuất chính là giai cấp công nhân, nhà máy, công xưởng... quan hệ sản xuất là quan hệ tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa (nói nôm na một cách đơn giản là như vậy).

Trong xã hội tư bản, nhà tư bản càng phát triển bao nhiêu, thì lực lượng sản xuất càng phình to bấy nhiêu và đến một lúc nào đó mới tương quan giữa lực lượng sản xuất - nội dung và quan hệ sản xuất - hình thức sẽ không còn phù hợp nữa, thì lực lượng sản xuất sẽ phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chật hẹp để tiến tới một

quan hệ sản xuất mới cho phù hợp hơn, thuận tiện cho sự phát triển của sản xuất. Nói một cách so sánh thì giống như hiện tượng một quả bóng, nếu thổi hơi mãi vào thì đến một lúc nào đó quả bóng phải nổ. Chính vì vậy nên Marx mới nói: "Chủ nghĩa tư bản tự đào mồ chôn mình".

Thực tiễn đã diễn ra không như Marx đã tiên đoán. Ngược lại chính chủ nghĩa cộng sản (hay chủ nghĩa Marx) đã tự đào mồ chôn mình bởi vì chính Marx đã nói: "Mọi lý thuyết muốn biết đúng hay sai phải qua thực tiễn kiểm nghiệm. Thực tiễn là người kiểm nghiệm khắt khe nhất đối với mọi lý thuyết". Thực tiễn đã kiểm nghiệm chủ nghĩa Marx.

Phân tích sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa, chính bản thân các nhà cộng sản và các nhà nghiên cứu ở tất cả các nước khác đã đưa ra nhiều nguyên nhân. Nhưng theo tôi, nguyên nhân sâu xa nhất vẫn là các nước xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng trên một nền tảng lý thuyết sai. Đúng như ông Hà Sĩ Phu đã nói: "Nó chỉ là những dự đoán lâm cảm".

Chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ, nhưng không thể phủ nhận vai trò của nó trong lịch sử nhân loại dù nó chỉ là "một nấc thang văn hóa thấp". Chúng ta cũng không thể phủ nhận tính xã hội (bệnh vực cho giai cấp cần lao) của lý tưởng cộng sản và thực tế là ở các nước xã hội chủ nghĩa giai đoạn đầu của cách mạng giai cấp lao động đã được hưởng một số quyền lợi mà trước đó họ không có. Do vậy những người cộng sản chân chính (tôi muốn nhấn mạnh tính từ chân chính) không có gì phải hổ thẹn vì lý tưởng cao đẹp của mình. Lý tưởng đó vẫn đẹp nhưng phải thực hiện bằng con đường khác.

Trải qua mấy chục năm tồn tại của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta thấy trong phạm vi của một nước cộng sản chế độ chính trị là độc tài đảng trị, nhưng về mặt toàn cầu thì cộng sản đã tạo ra một thế lưỡng nguyên, một đối trọng rất quan trọng. Hãy quan sát thế giới ngày nay, quan sát vai trò của người Mỹ để hiểu thêm vai trò đối trọng của cộng sản trong những năm qua.

Những người dân bình thường ở các nước tư bản phát triển ngày nay được hưởng một số điều kiện về lương bổng, an sinh xã hội... cũng một phần nhờ vào đối trọng quan trọng này. Trong cuộc ganh đua của thế lưỡng nguyên cộng sản - tư bản trước đây, các nước cộng sản thì ngày càng phải nới rộng tự do và các nước tư bản thì ngày càng giảm bớt bóc lột (vì không muốn nói dài về đề tài này nên tôi

chỉ vẫn tắt như vậy).

Nói tóm lại chủ nghĩa cộng sản đã đóng một vai trò nào đó trong sự phát triển của xã hội loài người, nhưng thật đau khổ thay cho dân tộc nào đã phải đứng ra gánh vác một đối trọng quốc tế và mang luôn cả trên vai mình một chế độ độc tài ngày càng thối nát, một lý thuyết kinh tế chính trị sai dẫn đến bế tắc cả mọi mặt. Thế là từ một lý tưởng cao đẹp có tính xã hội rất cao, lại mang lại một thảm họa cho dân tộc đó.

Đối với Việt Nam, sự đau khổ này lại càng nhân lên gấp bội, các nhà lãnh đạo Việt Nam (cộng sản và quốc gia) đã không khôn khéo nên đã đưa dân tộc chúng ta vào một cuộc đối đầu quốc tế trực tiếp khủng khiếp nhất từ trước đến nay.

Hòa giải hòa hợp dân tộc chính ra đã phải áp dụng từ lâu. Ngày nay những người chống cộng, chống hòa giải vẫn nói rằng cộng sản không muốn hòa giải mà chỉ giả vờ hòa giải... Nếu vậy thì lúc đó quốc gia có thực sự muốn hòa giải hay không? Hay lúc đó khẩu hiệu cũng là diệt cộng, lấp sông Bến Hải, tiến quân ra Bắc... và những ai bị nghi là cộng sản thì cảnh "đầu rơi máu chảy" là điều chắc chắn phải có. Nói tóm lại lúc đó cả hai bên đều không muốn hòa giải, cả hai đều muốn nuốt chửng lẫn nhau. Kết cục chỉ có nhân dân hai miền phải hứng chịu những hậu quả khốc liệt của cuộc chiến vô ích này.

Chủ nghĩa cộng sản sụp đổ làm cho phong trào quốc gia trỗi dậy, họ cho là họ đúng, họ có chính nghĩa quốc gia... Đất nước này, dân tộc này đã và đang đau khổ quần quại. Tất cả tại vì cộng sản. Chính nghĩa gì mà không được lòng dân? Dân chủ gì mà cũng chơi bài độc diễn và cũng hay ho gì khi đánh đầu thua đó và kết cục là bại trận thảm hại. Và khi thất bại rồi thì đổ tội tại cộng sản cưỡng chiếm.

Sự đau khổ của dân tộc Việt Nam là trách nhiệm chung của cả cộng sản lẫn quốc gia đã đưa dân tộc vào cuộc "nồi da xáo thịt" đưa nhân dân hai miền vào cuộc chiến "Bắc Nam huynh đệ tương tàn". Nhưng cái đó đã là quá khứ. Cái quan trọng là những người Việt Nam ngày nay phải hiểu được điều đó, phải rút ra được một bài học.

Chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ. Một vài nước cộng sản còn thoi thóp chắc chắn sẽ không tránh khỏi cơn lốc và phong trào của thời đại ngày nay. Tuy vậy với những bài học vừa qua, dù trong bất kỳ hoàn

cảnh nào cũng không nên khơi lại lòng hận thù bởi vì hận thù sẽ được đáp lại bằng hận thù và cứ như vậy cái vòng oan nghiệt của hận thù sẽ mãi mãi tồn tại.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là xu hướng tất yếu của thời đại ngày nay. Rõ ràng là sự chuyển biến có tính chất quyết định trong cuộc đấu tranh chống độc tài cộng sản Việt Nam là do các lực lượng ở trong nước gây ra và chủ yếu là do những người ít nhiều có quyền lực hoặc có liên quan đến chế độ cộng sản hiện nay. Hải ngoại chỉ là yếu tố xúc tác và yểm trợ.

Hòa giải không có nghĩa là chạy theo cộng sản để xin hòa giải, bởi vì những người cộng sản thủ cựu đang cầm quyền không bao giờ chịu hòa giải. Hòa giải là để tạo sức mạnh tổng hợp trong ngoài nước, sức mạnh tổng hợp của tất cả những người, bất kể chính kiến trước đây, chống lại độc tài cộng sản hiện nay. Trong nước hiện nay ngày càng có nhiều người ít nhiều có liên quan đến chế độ đã lên tiếng công khai chống chế độ. Họ đang được sự ủng hộ và hậu thuẫn của nhiều người khác. Phong trào này đang lên và là một yếu tố rất thuận lợi cho cuộc đấu tranh vì dân chủ. Cuộc đấu tranh nào muốn thắng lợi đều phải được dẫn dắt bằng một lý thuyết hoặc một lý tưởng. Nếu những người Việt Nam ngày nay không muốn thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc, thì những người nói trên sẽ không tiếp tục cuộc chiến đấu của họ nữa. Chẳng nhẽ họ liều mình chiến đấu để sau này quốc gia về đê đầu cuối cổ họ. Không có hòa giải, cuộc chiến đấu của họ sẽ trở nên vô ích và không có lý do gì để tồn tại.

Chúng ta đang đòi hỏi một chế độ dân chủ đa nguyên vậy mà chúng ta lại nói là không hòa giải với bất cứ ai trong hàng ngũ cộng sản, không chấp nhận cộng sản thì đó quả là một sự phi lý hết sức.

Tôi đang viết đến đoạn này thì bà xã tôi vào nói: "*Ông lại viết báo nói về hòa giải chứ gì, hòa giải làm sao được. Có tôi với ông mà còn khó nữa là cả triệu người.*" Quả là chúng tôi cũng xung đột với nhau khá nhiều. Tuy vậy sau mỗi đợt xung đột chúng tôi lại tìm đường hòa giải và nhờ có hòa giải chúng tôi vẫn tìm được giải pháp tránh xung đột nhờ vậy mới không dẫn đến ly dị. Chúng tôi vẫn khác biệt nhưng chấp nhận chung sống và tìm cách hòa giải bởi vì hòa giải là biện pháp duy nhất để đảm bảo hạnh phúc của chúng tôi và của con cháu chúng tôi.

**Vương Sư**

Kính mời quý vị tham dự buổi

*Họp mặt đầu xuân*

**Mùng 3 Tết Đinh Sửu  
(chủ nhật 9-2-1997)**

do

**Thông Luận  
& thân hữu**

tổ chức tại

**Nhà hàng Phụng Hoàng  
Centre commercial Mercure  
52, rue du Javelot  
75013 Paris  
ĐT: 01.45.84.75.07**

Lối vào: 101-103, rue Tolbiac  
(escalator)  
hoặc 32-62, Avenue d'Ivry  
(Stadium)

**Chương trình :**

**11 giờ 30-12 giờ 30 :**  
gặp gỡ thân mật, chúc tết  
**12 giờ 30-16 giờ 30 :**  
dùng cơm đầu năm  
& văn nghệ giúp vui  
**17 giờ :** bế mạc

**Tham dự : 130 FF**

**Xin ghi tên trước ngày  
03-02-1997**

Ngân phiếu xin đề  
Vietnam Fraternité  
(xin đừng đề Thông Luận)

Gửi về địa chỉ mới:

**Thông Luận  
124 bis, Avenue de Flandre  
75019 Paris**

Liên lạc : 01 60 17 68 00

# Bản chất của sự vận động lịch sử

Võ Xuân Minh

*Đâu là bản chất của sự vận động lịch sử [cuộc vận động dân chủ] hiện nay?* Đây là câu hỏi của Tiêu Dao Bảo Cự khi được tin Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội đưa Hà Sĩ Phu ra xét xử, ngày 22-8-1996 (1).

Hà Sĩ Phu, một trí thức chân chính, dũng cảm, yêu nước thương dân phải chịu cảnh tù đày trong khi những người tham tàn độc ác, hại dân hại nước lại lãnh đạo quốc gia. Tại sao có sự ngang trái đó?

Và nhất là, tại sao sự ngang trái đó kéo dài cả hàng chục năm nay? Hai mươi năm qua Việt Nam có biết bao người tài trí, can đảm đã dấn thân vì dân vì nước nhưng tất cả đều bị khủng bố, đày đọa. Một số trong những người cao quý đó đã chết và phần lớn trong số còn lại đang bị giam cầm nghiệt ngã. Tại sao như vậy? Tại sao một đất nước có nhiều anh hùng hào kiệt như vậy và được hỗ trợ bởi một thời cơ vô cùng thuận lợi mà không thay đổi được lịch sử? Tại sao trong nhiều thế kỷ qua rất nhiều người Việt đã hy sinh xương máu để xây dựng một đất nước tươi sáng phồn vinh mà hiện nay đất nước vẫn nghèo nàn đen tối? Có phải chăng là vì chúng ta không hiểu rõ bản chất của sự vận hành của lịch sử nên không thay đổi được nó theo chiều hướng tốt đẹp? Hay là vì Việt Nam bị vướng mắc vào một cái gì đó nên lịch sử không thể thay đổi được? Đâu là chỗ vướng mắc?

Lịch sử của mỗi dân tộc tùy thuộc nhiều yếu tố, tuy nhiên nhìn chung thì số phận của mỗi dân tộc tùy thuộc vào dân tộc đó hơn cả.

Có phải chăng là một tình cờ mà nước Mỹ trở thành một siêu cường quốc? Không, nước Mỹ lớn mạnh là vì cách sinh hoạt của dân tộc Mỹ thuận lợi cho sự phát triển. Cách đây hơn một thế kỷ rưỡi, năm 1831, khi nhìn cách sinh hoạt của dân tộc Mỹ, Alexis de Tocqueville đã tiên đoán rằng nước Mỹ sẽ nằm trong tay một phân nửa số phận của nhân loại. Có phải chăng là một ngẫu nhiên mà nước Anh đã một thời - dưới thời George III: 1760-1820 - giàu mạnh nhất thế giới? Không, nước Anh đã một thời bá chủ vì dân Anh đã ý thức về tự do dân chủ rất sớm: Đại Hiến Chương - La Grande Charte, khởi nguyên

của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, ra đời tại Anh từ năm 1215!. Có phải chăng vì rủi ro mà chế độ cộng sản đã thành hình và phát triển tại Nga? Không, không phải là vì rủi ro mà vì trong hơn hai thế kỷ, từ thế kỷ 13, nước Nga đã bị Mông Cổ thống trị một cách tàn bạo, những kẻ có quyền - quân Mông Cổ và tay sai - bóc lột, đàn áp thẳng tay những kẻ không có quyền, và lâu ngày trở thành nếp sống. Sau khi giành được độc lập nước Nga vẫn tiếp tục sinh hoạt theo nề nếp đó và đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho chế độ cộng sản.

Còn Việt Nam? Nguyên do nào đã đưa đất nước chúng ta vào tay cộng sản? Tại sao đầu thập niên 1990 đảng cộng sản Việt Nam trở thành đảng độc tài quân phiệt mafia trong khi hầu hết các chế độ cộng sản khác đã chuyển về dân chủ? Tại sao cả một dân tộc trên 75 triệu người bị cai trị bởi một tập đoàn lãnh đạo vô cùng suy yếu vì phân hóa và vì bị mọi người ruồng bỏ? Có phải chăng là do tình cờ hay rủi ro? Không, tất cả là vì chúng ta bị vướng mắc một tâm lý, một tập quán thuận lợi cho các chế độ độc tài, và vì chúng ta đã không thay đổi được lịch sử.

Chúng ta đã bị vướng mắc một tâm lý, một tập quán thuận lợi cho các chế độ độc tài bởi vì nạn độc tài phong kiến, thực dân, cộng sản đã thay nhau hiện diện trên đất nước chúng ta. Các chế độ độc tài đều đẻ ra những tâm lý, những tập quán thuận lợi cho nó. Trong các chế độ đó các giá trị văn minh tiến bộ đều bị tiêu diệt, sinh mạng con người cũng bị coi thường, chỉ có quyền lực - hay đúng hơn là bạo lực - là được tôn vinh. Sự tàn ác của các chế độ này làm cho con người sợ hãi quyền lực rồi sinh ra ham mê quyền lực, ngưỡng mộ quyền lực vì có quyền lực là có tất cả. Quyền lực đã trấn áp và mê hoặc con người Việt Nam. Hà Sĩ Phu đã có lần thảng thốt: "Nhiều lúc tôi tưởng tượng như dân tộc mình đang ở trong trạng thái *thôi miên*" (2). Tiêu Dao Bảo Cự cũng đã có nói đến thái độ sợ hãi và ham mê quyền lực của trí thức trong nước: "*Một số trí thức rất tốt, có tâm, có lòng với đất nước, trước trường hợp Hà Sĩ Phu, đã thú nhận bất lực, không dám có hành động gì cụ*

*thể... Bản án tuy không nặng so với các vụ án chính trị trước đây, trừ vụ Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu, nhưng vẫn có tính răn đe, trấn áp nhiều đối tượng".* (1) Và cho rằng Hà Sĩ Phu "*còn bản khoán trước mấy vấn đề lớn, thứ nhất là thái độ chờ thời, gió chiều nào che chiều ấy, phù thịnh chứ không phù suy, tính cách cơ hội và duy lợi của không ít trí thức, đặc biệt là số trí thức còn gắn bó với bộ máy nhà nước...*" (1). Tôi ở hải ngoại, không dám bàn đến những vấn đề trong nước, tôi chỉ muốn nhân cơ hội này bày tỏ lòng ngưỡng mộ của tôi đối với Tiêu Dao Bảo Cự, Hà Sĩ Phu, nói riêng, và đối với tất cả mọi người dân chủ đã và đang hiện ngang đứng lên tranh đấu cho tương lai đất nước, nói chung. Họ không những đối đầu với bạo lực mà còn đối đầu với cả một tập quán bảo vệ cho bạo lực. Lòng can đảm và ý chí của họ đáng cho chúng ta khâm phục, ngưỡng mộ.

Tuy nhiên tập quán ham mê quyền lực, sợ hãi quyền lực, coi thường các giá trị không phải chỉ có trong lòng chế độ cộng sản. Nó đã có từ xa xưa, và đó cũng là nguyên nhân đã làm cho Việt Nam phải chịu cái nhục bị Pháp đô hộ cả trăm năm và đưa đất nước rơi vào tay cộng sản. Cách đây hơn hai phần ba thế kỷ, năm 1925, cụ Phan Châu Trinh đã nhận định: "*Dầu trời nổi, dầu cực khổ thế nào mặc lòng, miễn là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ áo rộng khăn đen lúc nhúc lay dưới, trăm nghìn năm như thế cũng xong. Dân khôn mà chi! dân ngu mà chi! dân lợi mà chi! dân hại mà chi! Dân càng nô lệ ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý! Chẳng những thế thôi, "Một người làm quan một nhà có phước", dầu tham, dầu hung, dầu vợ vét, dầu rút tĩa của dân thế nào cũng không ai phẫn bình; dầu lấy của dân mua vườn sấm ruộng, xây nhà làm cửa cũng không ai chê bai. Người ngoài thì khen đắc thời, người nhà thì dựa hơi quan, khiến những kẻ ham mồi phú quý không đua chen vào đám quan trường sao được"* (3). Như vậy thì làm sao mà nước nhà không suy vong, người dân không phẫn uất? Tất cả đã tạo một môi trường thuận lợi cho chế độ cộng sản thành hình và phát triển.

Tập quán này cũng đã ít nhiều theo đuổi chúng ta ra hải ngoại. Nó được thể hiện qua những việc tranh chấp quyền hành một cách phù phiếm, qua những hành động vu khống, chụp mũ và đôi khi còn sử dụng đến bạo lực, qua thái độ dè dặt trước những lập trường chính trị. Tất cả đã làm tổn hại tinh thần đoàn kết, làm cho sinh hoạt chính trị không được lành mạnh và đã cản trở sự thành hình một lực lượng đối lập dân chủ có tầm vóc. Nó cũng đã đưa đến những nhận định bi quan, chủ bại. Như ông Nguyễn Triệu Đan trình bày trên báo Ngày Nay, ra ngày 15-12-1996: "*Nói đến thay đổi chính trị (tại Việt Nam), thì có những người lắc đầu. Họ cho rằng cộng sản có quân quyền trong tay, có hệ thống công an mật vụ, vậy dân mình sao thay đổi được. Còn người ở ngoại quốc thì, vẫn theo họ, lại càng không thể làm gì.*". Hình như họ đã không thấy những gì đã xảy ra tại các nước Đông Âu.

Nói chung, tập quán sợ hãi quyền lực, ngưỡng mộ quyền lực, ham mê quyền lực và coi thường các giá trị là một trong những nguyên nhân đã tạo môi trường thuận lợi cho chế độ độc tài thành hình và tồn tại.

Một nguyên nhân khác đã ngăn cản lịch sử Việt Nam tiến hóa là chúng ta đã không nhận định đúng bản chất của sự vận hành của lịch sử nên đã không thay đổi được lịch sử. Động lực làm thay đổi lịch sử là tư tưởng mà trong chúng ta không mấy ai coi trọng tư tưởng.

Tư tưởng làm nên lịch sử. Tư tưởng tự do dân chủ tại các nước Châu Âu đã mạnh mẽ từ ngàn năm nay và đã tạo ra các chế độ tự do dân chủ tại các nước này từ những thế kỷ trước. Tư tưởng không giáo đã duy trì các chế độ phong kiến tại các nước Châu Á cho đến đầu và nửa thế kỷ nay. Tư tưởng mác-xít đã tạo nên những chế độ cộng sản.

Lịch sử thay đổi theo tâm lý của người dân. Ý dân là ý trời, xưa nay vẫn đúng. Mà tư tưởng tác động đến cách suy nghĩ, đến niềm tin, nguyện vọng của người dân, đến tâm lý của người dân, đến ý dân. Muốn thay đổi lịch sử mà không chú trọng đến tư tưởng thì không thể làm được.

Tư tưởng là nguồn gốc của mọi văn minh tiến bộ. Không có tư tưởng thì sẽ trì trệ, suy thoái và cuối cùng mất luôn cả khả năng tự chủ. Tại sao tất cả các quốc gia độc tài đều nghèo nàn lạc hậu? Tại vì tư tưởng không thể phát triển trong các quốc gia đó.

Tư tưởng có một sức mạnh vô cùng lớn lao. Các chế độ cộng sản đều biết điều đó vì chính Karl Marx đã nhận định: "*Một tư tưởng được thâm nhập đại chúng biến thành một lực lượng vật chất*". Tuy có sức mạnh bạo lực của súng đạn, quân đội, công an trong tay nhưng họ không dám để cho người dân có tự do tư tưởng. Họ bắn giết hay bỏ tù tất cả mọi người biết suy nghĩ. Họ thủ tiêu hay trấn áp tất cả những ai "xét lại". Dưới thời Stalin hai mươi triệu người Nga bị giết, hàng triệu tù binh Nga được trao trả sau đệ nhị thế chiến đều bị đày vào các trại khổ sai, vì bị nghi ngờ là nhiệm tư tưởng Phương Tây. Tại Việt Nam những vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm, vụ án "chống đảng, xét lại", những vụ bắt bớ các trí thức từ trước đến nay đều chứng tỏ đảng cộng sản rất sợ tư tưởng.

Cách đây hai thế kỷ Napoléon Bonaparte đã đề cập đến sức mạnh của tư tưởng: "*Trên thế giới chỉ có hai sức mạnh, bạo lực và trí tuệ. Về lâu về dài bạo lực luôn luôn bị trí tuệ khuất phục*". (*Il n'y a que deux puissances dans le monde, le glaive et l'esprit. A la longue l'épée sera toujours vaincue par l'esprit*). Hiện nay, trong chúng ta mấy ai thật lòng tin điều đó. Mấy ai trong chúng ta thành thật tin rằng "một lời nói phải nặng hơn trái đất" như Soljenitzin?

Hàng ngàn năm chiến tranh và độc tài đã tôn vinh bạo lực, hủy hoại các giá trị tiến bộ, đã phá những tư tưởng khác biệt và lâu ngày đã trở thành một bản năng, một tập quán. Nếu ở trong nước tư tưởng không thể phát triển được là vì độc tài ngăn chặn, nhưng còn ở hải ngoại? Trong hai mươi năm qua có bao tổ chức chính trị đã cố gắng đầu tư vào tư tưởng? Chúng ta đã không cố gắng là vì chúng ta đã không cho nó một tầm quan trọng đặc biệt. Đất nước chúng ta đã không tiến hóa được là vì các chế độ độc tài đã không cho tư tưởng phát triển. Chúng ta đã không đánh đổ được các chế độ độc tài cũng vì chúng ta không coi trọng tư tưởng. Lịch sử Việt Nam đã dậm chân tại chỗ.

Nhưng lịch sử Việt Nam có cơ may sẽ thay đổi, và thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp.

Có hai lý do. Lý do thứ nhất là tập quán sợ hãi quyền lực, say mê quyền lực, ngưỡng mộ quyền lực và coi thường các giá trị đang trên đà bị đào thải. Tại hải ngoại, người Việt đã trưởng thành hơn, đã mạnh dạn hơn, tự tin hơn. Nếp sống tự do

dân chủ đã xua đuổi dần tập quán đó. Tâm lý của người Việt trong nước cũng đã thay đổi rất nhiều trong những ngày gần đây. Họ đã bớt sợ hãi. Khi ông Hà Sĩ Phu được thả, ngày 4-12-1996, rất nhiều trí thức đã chờ đón ông trước trại giam, tại phi trường Sài Gòn và Đà Lạt. Trong cuộc điện đàm với ông Nguyễn Gia Kiểng, Hà Sĩ Phu cho biết là: "*Anh em trong nước hết sợ rồi!*". Tại sao có sự thay đổi lớn lao như vậy? Trước hết là do thái độ rất can đảm của Tiêu Dao Bảo Cự và nhiều người khác trong những tháng vừa qua. Vào cuối tháng 8-1996, Bảo Cự đã viết: "*Chính sách đàn áp của nhà cầm quyền không phải không có hiệu quả... Sức ép nặng nề này lên tâm lý của trí thức trong nước có kết quả nhất định*" (1). Và thái độ của ông trong ba tháng vừa qua cũng đã ảnh hưởng đến tâm lý của trí thức trong nước và cũng đã có kết quả nhất định. Thêm vào, niềm tin vào dân chủ đã đến với mọi người, niềm tự hào và lương tri Việt Nam đang được khôi phục. Đây là một yếu tố thắng lợi rất quan trọng.

Lý do thứ hai là cuộc tranh đấu giữa chúng ta và bạo quyền hiện nay là cuộc tranh đấu giữa bạo lực và trí tuệ, và trí tuệ đã có phần thắng thế. Đảng cộng sản dù vẫn còn súng đạn, quân đội, công an trong tay nhưng đã bị cô lập và bị phân hóa. Họ đã triệt thoái từ một đảng độc tài toàn trị về một băng đảng mafia vì họ đã triệt thoái trên mặt trận tư tưởng. Lý thuyết cộng sản không còn thuyết phục được một ai kể cả những cán bộ cốt cán nhất. Đây là một thí dụ rất cụ thể để mọi người thấy được sức mạnh của tư tưởng. Và một khi tư tưởng được coi trọng, chúng ta không những đánh bại được chế độ này một cách êm thấm mà còn xây dựng được cả một nền dân chủ, văn minh.

Mặt khác, những cố gắng âm thầm về mặt tư tưởng của một thiểu số trong nhiều năm nay đã mang lại những kết quả rất khả quan. Trước hết là nó liên kết những người trong nước và ngoài nước, tạo ra sự cảm thông và tin cậy giữa những người đấu tranh cho dân chủ, kể cả những người có quá khứ chính trị khác nhau. Nó cũng đã thay đổi được một số lập trường chính trị quá khích, tránh cho Việt Nam những đổ vỡ có thể xảy ra. Nó đã tạo ra dần dần một đồng thuận rộng rãi trong quần chúng. Nó cũng cho mọi người thấy được những định hướng lớn của quốc gia, hình dung được một xã hội tốt đẹp sau này. Nó mang lại niềm tin, hy vọng cho nhiều người.



Trong lúc đảng cộng sản chỉ hy vọng sống "cầm chừng" bằng cách lũng đoạn và phân hoá xã hội Việt Nam, làm cho người Việt Nam chán nản, mất niềm tin vào nhau và vào đất nước thì những kết quả kể trên có khả năng triệt tiêu hy vọng cuối cùng đó.

Chúng ta có quyền lạc quan và hy vọng, tuy nhiên trước mắt chúng ta vẫn còn rất nhiều thử thách. Trước hết là đảng cộng sản rất lý lợm, họ sẽ bám lấy quyền lực bằng mọi giá, bất chấp tương lai của quốc gia. Kế đến là đất nước chúng ta đã quá nhiều đổ vỡ, từ tinh thần đến vật chất. Đất đai đã bị bán hết cho người ngoại quốc, rừng biển đã bị tàn phá gần hết, môi sinh ô nhiễm, hạ tầng cơ sở hư hỏng, hàng triệu người Việt Nam thiếu ăn (4), sức khỏe của con người suy nhược, y tế và giáo dục bị bỏ rơi, tệ đoan tràn lan, đạo đức suy đồi, giềng mối xã hội đổ nát. Chúng ta không có nhiều phương tiện mà vừa phải đối đầu với một đảng tuy bị suy yếu nhưng có trên 20 tỉ USD, vừa phải xây dựng lại tất cả. Tình trạng đó đòi hỏi chúng ta phải bình tĩnh để nhận định rằng chỉ có niềm tin và ý chí của toàn dân mới có thể cứu Việt Nam ra khỏi vực thẳm và đưa Việt Nam lên ngang hàng với các nước văn minh, giàu mạnh. Tình trạng đó đòi hỏi chúng ta nhiều quyết tâm. Quyết tâm đầu tiên là dứt điểm tập quán thuận lợi cho các chế độ tài bằng "*nhieu cuộc vận động tự thân của các thành phần dân tộc*" (1) và bằng sự tôn vinh những hành động can trường, những ý chí bất khuất, những tấm lòng yêu nước thương dân, những thái độ lương thiện. Cách hay nhất để tiêu diệt những cái xấu là tôn vinh những cái tốt. Chúng ta cũng phải quyết tâm tin rằng trí tuệ và lương tâm sẽ thắng. Điều này sẽ tránh cho chúng ta những phí phạm thời giờ và phương tiện để dồn tất cả vào cuộc đấu tranh tư tưởng và dân vận. Một khi tư tưởng thấm nhập vào quần chúng thì trí tuệ sẽ thắng, lịch sử Việt Nam sẽ thay đổi, và Việt Nam sẽ có dân chủ và phồn vinh.

#### Võ Xuân Minh

(1) *Hà Sĩ Phu và hành trình gian nan của dân tộc*, Tiêu Dao Bảo Cự.

(2) *Chia tay ý thức hệ*, Hà Sĩ Phu.

(3) *Đạo đức và luân lý đông tây*, Phan Chu Trinh.

(4) *Dân Việt Nam luôn luôn đói*, Huỳnh Hùng (Thông Luận, tháng 12-1996).

*Gió mưa rung chuyển biển rừng  
mà không lay chuyển được tình quê hương*

## Lấy lại niềm tin...

Nguyễn Hữu Thu

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, ai trong chúng ta mà không đau sót và hổ thẹn khi thấy đất nước từ năm này qua năm khác vẫn bị các cơ quan quốc tế liệt vào một trong những nước chậm tiến, nghèo khổ và có nhiều vi phạm nhân quyền nhất.

Tại sao như vậy? Vì sao đến nông nổi này? Đó là câu hỏi tự nhiên của phần lớn người Việt đang sinh sống ở bất cứ nơi đâu, và có bất cứ một quá khứ chính trị nào, nhưng vẫn còn ưu tư đến vận mệnh và tiền đồ của đất nước, dân tộc.

Những ưu tư cho đất nước và các tình tự dân tộc đã đến với chúng ta một cách tự nhiên, gắn bó chúng ta với đất nước qua lịch sử. Thật thế, lịch sử nước ta có những giai đoạn oai hùng và vẻ vang, nhưng cũng cho ta thấy những giai đoạn đen tối của dân tộc. Trong những giai đoạn đó vua chúa, người lãnh đạo đất nước cùng tầng lớp sĩ phu vì đã thiếu sáng suốt nên mới để lại những trang lịch sử đen tối đó.

Không có ý định qui trách nhiệm cho ai trước hiện tình đau thương của đất nước, người viết bài này chỉ muốn nêu lên một vài dữ kiện để đề cập đến nhiệm vụ của kẻ sĩ và các thành phần dân tộc vẫn còn ưu tư trước tình trạng đen tối hiện nay.

*"Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách"*.

Sau thời nô lệ gần một ngàn năm là thời đại vẻ vang của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... mà cho đến nay không ai trong chúng ta lại không tự hào. Thế nhưng, một phần cuối thế kỷ 19 và trong suốt thế kỷ 20, thái độ thụ động của kẻ sĩ đã không đáp ứng được các đòi hỏi của đất nước trước chủ nghĩa tìm và chiếm đất của các đế quốc tư bản thời đó.

Trước các thay đổi rất nhanh chóng về kỹ thuật, văn hóa, xã hội của thế giới thì phần lớn giới sĩ phu nước ta vẫn bám vào một số mặt tiêu cực, cổ hủ của những học thuyết xưa để tiến thân bằng đường khoa bảng. Vẫn lều chông đi thi, vẫn con quan thì lại làm quan, vẫn vông anh đi trước vông nàng theo sau, vẫn mơ màng thơ thần với bình rượu túi thơ. Vẫn trọng văn

khinh võ, coi doanh thương là bất chính theo thứ bậc "*sĩ, nông, công, thương*". Về các lãnh vực nghệ thuật, âm nhạc thì văn hóa nước ta khinh thị, coi là "*xuống ca vô loài*". Vì đất nước vẫn coi kẻ sĩ là phân tử ưu tú, là đầu tàu của dân tộc, trong khi phần lớn kẻ sĩ vẫn thụ động thì làm sao có thể chuyển biến bánh xe lịch sử?

Đau lòng thay khi đất nước lâm nguy, bị mất chủ quyền trong gần 100 năm, phần lớn trí thức bị mại bán thuộc địa phân hóa, hủ hóa cho đến nỗi đi học chỉ hy vọng được làm ông phủ, ông huyện, ông tuần, ông đốc. Sau đó là thời đại của các ông tham, ông tá, thầy ngôn, thầy ký. Đại đa số còn lại là nông dân chất phác, tay lấm chân bùn không thể là động lực để giành lại chủ quyền. May thay cho dân tộc ta là ngoài các sĩ phu tiêu cực kể trên vẫn còn nhiều sĩ phu cùng các đảng phái, phong trào đã ý thức được nhiệm vụ cứu nước, đã biểu hiện qua các phong trào ái quốc: Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Cần Vương, Duy Tân, Việt Nam Quốc Dân Đảng... Một số lãnh tụ như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... vẫn được sử xanh ghi chép và tôn kính.

Trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập trước tập đoàn đế quốc thuộc địa, dân Việt ngoại trừ một số làm tay sai cho đế quốc, đều ý thức được thế nào là cái nhục khi bị mất nước. Lòng yêu nước tự nguyện và khát vọng tự do hạnh phúc được phát hiện trong quảng đại quần chúng, kể cả những người cộng sản lúc ban đầu. Nhưng bất hạnh đã đến với dân tộc và đất nước khi các cấp lãnh đạo cộng sản giáo điều đã lợi dụng lòng yêu nước nhiệt tình và tự nguyện của dân tộc để đưa đất nước vào quỹ đạo cộng sản quốc tế, một chủ thuyết ngoại lai không tưởng mà người cộng sản giáo điều cho là con đường tốt nhất để giành lại chủ quyền và đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc!

Tuy đất nước có được thống nhất nhưng cũng chỉ là thống nhất về mặt địa lý, chế độ chính trị chứ còn lòng dân có thống nhất chưa? Tự do đã được ghi trên hiến

pháp nhưng dân tộc có được hưởng chưa? Hạnh phúc là gì nếu còn đói khổ cùng cực? Khi nói mọi người cũng nhìn thấy, ngay cả các thành phần cộng sản trong bộ máy hiện tại cũng ý thức được vấn đề này. Lòng người vẫn ly tán. Tự do, độc lập, hạnh phúc chỉ là những khẩu hiệu và bình phong rỗng tuếch. Thế giới cộng sản đại đồng trở thành thế giới tư bản rừng rú đỏ trong đó các cán bộ giáo điều, thủ cựu là chủ nhân ông, mặc sức đập phá đất nước và biến thủ tài sản quốc gia, biến toàn thể đất nước thành chuồng gà, cũi heo mà trong đó người dân không có quyền gì hết.

Tình yêu nước tự nguyện, sáng kiến cá nhân, ý chí của kẻ sĩ đã bị cướp đoạt và đánh lừa nhiều lần, bị kiềm chế nên theo thời gian, năm tháng, tình cảm này có bị khô cạn héo mòn là điều tất nhiên. Làm gì đây khi con thuyền đất nước đang tới vực thẳm hiểm nghèo? Nghĩ gì đây khi con tàu Việt Nam, ngoài thuyền trưởng và thủy thủ là các cán bộ giáo điều, thủ cựu và cực đoan, còn hành khách thì thụ động sau bao năm tháng đã bị tước đoạt hết các quyền tối thiểu của con người, không nói thực, nói thẳng mà chỉ còn biết phục tùng? Lòng yêu nước được đảng chỉ bảo là yêu xã hội chủ nghĩa. Trước hoàn cảnh đó những ai còn lưu tâm đến vận nước nghĩ sao? Trí thức làm gì, cán bộ cộng sản cấp tiến làm chi? Các thành phần quốc gia liêm khiết và khí khái có phản ứng gì?

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, để cứu đất nước ra khỏi thảm họa bần cùng và nghèo đói, cần vận động mọi thành phần dân tộc trong cùng như ngoài nước. Đặc biệt là giới phụ nữ. Thật thế, trong bất cứ một xã hội nào nữ giới thường chiếm hơn một nửa dân số, do đó muốn phát triển không thể nào phủ nhận vai trò của phụ nữ trong giai đoạn chuyển biến của lịch sử đương thời này. Nhất là trong xã hội Việt Nam, vai trò người phụ nữ vì những định kiến cổ hủ đã bị xếp vào hàng thứ yếu, nếu không muốn nói là không đáng kể. Phụ nữ Việt Nam cần phải giữ đúng vai trò và chỗ đứng của mình trong công cuộc xây dựng đất nước tương lai. Điều đó, không có nghĩa là phủ nhận vai trò vô cùng quan trọng, nếu không muốn nói là cơ bản của người phụ nữ trong đời sống gia đình, yếu tố cốt lõi cho sự sống còn của bất cứ một xã hội nào, nhất là xã hội trong thời đại tân tiến mà tất cả những hệ thống giá trị cổ truyền bị đánh phá chỉ còn lại giá trị gia đình.

Mọi người bất kể thuộc thành phần nào, từ các cán bộ cấp tiến và cảnh tỉnh

cho đến các người quốc gia liêm khiết và chân chính phải thẳng thắn đối thoại, thật tình và quên đi phần nào sự thù hận trong quá khứ. Hãy tha thứ cho nhau trong niềm tin của tình anh em tìm lại sau 50 năm cốt nhục tương tàn. Chỉ có thế mới lấy lại được niềm tin. Tình yêu nước của dân tộc sẽ được bộc phát từ con tim của mỗi người. Đây là giá trị căn bản của dân tộc. Thật thế, chỉ có chân thành đặt quyền lợi của đất nước và dân tộc lên trên lòng hận thù, tính hung hăng, óc thiển cận và đố kỵ, mới có thể động viên được toàn thể dân tộc. Kẻ sĩ sẽ không còn tư tưởng trùm chẫn, không có ý kiến trước vận mệnh hiểm nghèo của đất nước. Bác nông phu biết sự khó nhọc sẽ được đền bù bằng hoa màu cuối mùa gặt hái. Các em bé cấp sách đến trường sẽ không bị gò bó vào các kiến thức giáo điều, bắt buộc, làm mất sáng kiến cá nhân và nhân phẩm các em sau này. Những người phụ nữ bất hạnh hiện nay có quyền hưởng tuổi thanh xuân của mình trong một thể chế lành mạnh, thay vì phải đem thân đi bán trên các nẻo đường hè phố, hay trong các khách sạn, vũ trường. Người thanh niên chưa có công ăn việc làm, được quyền có bảo đảm tối thiểu của xã hội, thay vì đem máu mình đi bán để đổi lấy miếng ăn hàng ngày, bên cạnh những bữa tiệc trà dư tửu hậu vô giá của các cán bộ hủ hoá và chủ nhân ông tư bản đỏ.

Niềm tin vào các giá trị mà dân tộc ta vẫn gắn bó như bao dung, xóa bỏ hận thù là một động lực để làm tan biến một hệ thống tư tưởng, văn hóa lạc hậu và lai căng từ hơn nửa thế kỷ qua thành một nền văn hóa có trình độ và không giả tạo để cùng nhau thực hiện:

- Kinh tế thị trường có nhân bản để chia đều lợi nhuận và tránh cảnh bóc lột người lao động.

- Luật lệ rõ ràng, dễ hiểu, công bình để xóa bỏ các lạm quyền và tham nhũng.

- Chính trị và hành chính được phân chia theo phương thức tản quyền để tránh chuyên chế và độc tài.

Rồi đây các ý thức hệ phản dân tộc thường dùng làm bình phong cho tập đoàn quân phiệt và tài phiệt đỏ, sẽ được thay bằng lòng yêu nước tự nguyện trong niềm tin của chính nghĩa dân tộc. Có như vậy toàn thể dân tộc và đất nước sẽ thay da đổi thịt, vươn lên để bắt kịp các quốc gia tân tiến, văn minh khác. Chỉ có niềm tin đó mới đưa đất nước từ chỗ nghèo nàn lạc hậu, thất nhân tâm đến một nước giàu mạnh về vật chất lẫn tinh thần.

Bước vào thế kỷ 21, khi gặp nhau, lòng hận thù sẽ nhường chỗ cho tình thương, tính đối trá sẽ được thay thế bằng sự thật thà và sự trong sáng, tính tàn ác sẽ chỉ còn là ác mộng trong tâm trí của 80 triệu con dân sau này. Các trại cải tạo, khám đường từng đầy đọa các chiến sĩ dân chủ sẽ trở thành các trường học, nhà thương, cô nhi viện...

Trước tình trạng đen tối của đất nước mà niềm tin bị sút mẻ và các giá trị cơ bản của xã hội bị lung lay bởi một thể chế chính trị bạo ngược ở Việt Nam hiện nay, vai trò của trí thức càng quan trọng hơn. Các phần tử trí thức trung thực và lương thiện không thể bịt tai, che mắt, khóa miệng trước tai ách chính trị, xã hội mà hàng ngày vẫn xảy ra cho những kẻ sống chung quanh mình. Ngoài ra họ còn phải làm gương cho các thế hệ trẻ đang có nguy cơ đánh mất niềm tin vào đất nước.

Lửa sẽ còn cháy mãi trên cánh rừng khô héo nếu mưa chưa tới. Bạo lực và độc tài sẽ giết mòn dân tộc ta nếu các thành phần ưu tú của đất nước vẫn im lặng, làm ngo.

Paris 25-12-96  
Nguyễn Hữu Thu

**Dự Án Chính Trị  
Dân Chủ Đa Nguyên 1996  
THỬ THÁCH và HY VỌNG**  
Thông Luận biên soạn và xuất bản

- \* Một tài liệu học tập \*
- \* Một tuyên ngôn dân chủ \*
- \* Một thông điệp hy vọng \*

Đặt mua (gửi tiền mặt hoặc chi phiếu, kể cả cước phí bưu điện):

- Tại **Pháp**: 50 FRF.  
Thông Luận, 124 bis Avenue de Flandre,  
75019 Paris.

- Tại **Hòa Lan**: 15 NLG.  
Ông Đặng Minh Kỳ, De Voorstenkamp  
11.70, 65545 EJ Nijmegen.

- Tại **Đức**: 15 DEM.  
Ông Nguyễn Thanh Lương,  
Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt  
am Main.

- Tại **Hoa Kỳ**: 10 USD.  
Thông Luận, PO Box 2594, Upper Darby  
- PA 19082.

# ...Mười năm ấy, biết bao nhiêu tình...

Quản Mỹ Lan

Không gian thường tùy thuộc mình (ngoại trừ người nghèo dưới chế độ cộng sản)... nay ở Paris, mai kia ở New York, một nọ ở Los Angeles hay ở... Fremont!

Còn thời gian trôi sao nhanh quá... chẳng chờ đợi ai!

Thấm thoát thế mà đã 10 năm...

Mới ngày nào anh em sau một thời gian dài từ tán - tha hương ngộ cố tri - cùng nhau ngồi lại suy nghĩ về vấn đề đất nước, ra được một tác phẩm tâm huyết đầu tiên là *Cơ Sở Tư Tưởng\**. Chúng tôi còn nhớ rất rõ, anh em bàn không biết nên làm cách nào để trình làng tập sách. Vì mọi người đã "nhất trí" là nhóm không mang tên dù là lực lượng, liên minh, hội đoàn,... nên không biết nên đứng tên ai để xuất bản. Sau cùng mọi người đều đồng ý là tập "*Cơ Sở Tư Tưởng không tên số 1*". Sở dĩ thế là vì mong ước của anh em là được mọi người chấp nhận, góp ý hoặc ngay cả phản đối... và nếu ai đồng ý thì tác phẩm trở thành của người ấy.

Thế rồi ngày qua ngày, anh em lại họp bàn làm cách nào để phổ biến, quảng diễn những tư tưởng rút ra từ tập sách đó. Vì *Cơ Sở Tư Tưởng* là tập hợp một số những ý kiến rất cô đọng, đôi khi cần những ý niệm trung gian để đưa đến sự cảm thông sâu xa giữa người viết và người đọc. Nhu cầu có một cơ quan ngôn luận ra đời. Có anh bạn đưa ra ý kiến nên làm băng video vì thời này nên dùng những phương tiện truyền thông hiện đại, báo chí phải đọc mà thời giờ ngày nay rất hiếm. Video sống động hơn, đi thẳng vào lòng người dễ hơn. Nhưng vấn đề "đầu tiên" hơi khó giải quyết, do đó một tờ báo nhỏ, đơn sơ đã được đề nghị. Thời gian ấy, chúng tôi thường hay nhận được những "Những lá thư của Raymond Barre" (*Lettres de Raymond Barre*), bàn về những vấn đề chính trị rất cụ thể của nước Pháp. Hình thức Thông Luận đã được gợi ý từ đấy. Anh em đóng góp tiền vào để nuôi nó với ý hướng "dù không có một độc giả nào, Thông Luận cũng sống được ít nhất một năm". Sau chín năm rông, tờ báo thân yêu số 100 mà quý vị có trên tay đã được ra đời

trong hoàn cảnh ấy.

Số 0 ra mắt độc giả, gửi tặng một số thân hữu, được các bạn biểu đồng tình và khuyến khích cả về vật chất lẫn tinh thần. Thế là "anh em ta cùng nhau xông pha lên đường...". Anh em ai cũng phải có công ăn việc làm để kiếm sống, ngoài thời gian ấy ra đều dành cho tờ báo, cho nhóm người mà - đáng lẽ phải gọi là đồng chí - chúng tôi gọi nhau là chí hữu. Mọi người hăng say họp hành liên miên không biết mệt. Cuối cùng của một lá thư gửi về Việt Nam bằng câu kết "Thôi ngừng bút đây, phải đi họp bây giờ" được trả lời rằng "Tuông thoát ra được khỏi Việt Nam là thoát họp chứ, để bên Tây cũng có họp tổ, họp giao ban giống bên ta à?".

Và bắt đầu từ đó, căn nhà số 24 Square des Cottages, Athis-Mons được gọi là tòa soạn. Chỗ mà chủ nhân của nó tưởng là được hưởng nhàn với vườn hoa và suối reo đã trở thành một nơi ồn ào nhất cứ vào độ mỗi cuối tháng. Week-end cuối cùng trong tháng là anh em tụ tập từ 3 giờ chiều thứ bảy đến 3 giờ sáng chủ nhật (đôi khi 4 giờ!). Không khí gia đình của chủ nhân ngôi nhà cũng thay đổi theo. Có nghĩa là bài vở gửi đến, ông chủ nhiệm thì cho là phải giữ nguyên, chỉ được sửa lỗi chính tả, bài viết phải phản ánh trung thực văn phong của người viết. Người biên tập thì quan niệm ngược lại là phải nắm được ý người viết, cái thần của bài, rồi câu cú nếu cần phải được trau chuốt lại. Những bài viết phải ngang tầm nhau nếu cứ để nguyên xi thì đôi khi quá chênh lệch. Bài bản có hay hơn thì tác giả được hưởng, chứ ai biết đến người sửa? Không khí xào xáo kéo dài sáu năm liền. Cứ bắt đầu vào sáng chủ nhật, khi tờ báo tạm thành hình, ngồi đọc lại; lúc ấy nào "sạn", nào "hạt đậu dạn" đầy ra... Thế là hai trường phái lại được hai người bảo vệ kịch liệt, rồi giận hờn nhau, rồi to tiếng, rồi gọi điện thoại cho tác giả. Người ở Paris, người ở tỉnh, người ở Âu châu, người ở Mỹ châu. Cái "bill" điện thoại có kỳ lên đến 3.500 quan, tính ra gần 700 đô-la. Cũng phải "điên" lắm mới chịu đựng được những cái "vó vắn"

ấy. Cuộc chiến chỉ "tạm tàn" khi bản chính của tờ báo được đưa cho ông nhà in. Giai đoạn hòa bình kéo dài ba tuần lễ cho đến khi chiến tranh mới lại khai diễn. Chỉ sau khi trút trách nhiệm được cho người khác thì gia đình mới lại được đầm ấm như xưa. Cho nên, Tây rất có lý khi không muốn nhận hai vợ chồng làm cùng một việc trong cùng một sở.

Cái mà chúng tôi muốn nhắc thêm ở đây là cái keo sơn gắn bó giữa nhóm anh em đảng sau tờ báo. Khởi đầu từ *Cơ Sở Tư Tưởng*, ngày nay anh em thất tán đã nhiều, người thì lớn tuổi quá không đi sinh hoạt đêm hôm mai với anh em được nữa, người thì đi làm ăn xa, người thì ra đi theo tiếng gọi của... con tim khác. Ngồi lại bên nhau hôm nay còn lại được năm người, bạn cũ ra đi thì bạn mới đến, cũng cố cho nhóm càng ngày càng vững mạnh hơn, có bạn sau một thời gian đi xây hầm dưới biển Manche đã trở lại với anh em. Cái dễ thương lúc đó là anh em họp thường xuyên cứ hai tuần một lần vào tối thứ năm ở nhà một người bạn, anh đã quý và tin anh em đến độ giao cho mỗi người một cái chìa khóa nhà, ai đến trước thì cứ mở cửa vào trước. Bắt đầu từ "nhóm thứ năm" đó, số anh em đã phát triển đều đặn cho đến ngày nay, vẫn một lòng một dạ với nhau và với tờ báo. Có những lúc thăng trầm bị một số các báo chí hoặc hội đoàn khác hiểu lầm hoặc cố ý xuyên tạc thì lại có những lúc được các anh em khác, các hội đoàn khác nâng đỡ, quý mến. Máu cũng đã đổ ra vì tờ báo. Mười năm qua, trong anh em có người đã mất, và cũng có người "suýt" mất vì tờ báo. Cái "được" hơn cả là đã nối được những suy nghĩ của người hải ngoại với những suy nghĩ của người trong nước trên cùng một vấn đề.

Trái lại có một điều mà trong hơn mười năm nay tôi trông đợi mà chưa xảy ra, đó là Thông Luận vẫn thiếu những khuôn mặt phụ nữ. Không biết các tổ chức khác có đông nữ giới hay không, nhưng Thông Luận thì ngó đi ngó lại vẫn chỉ có một mình là thành viên chính thức. Những người khác vẫn đóng góp rất nhiều

nhưng không thích chính thức hóa. Đã có rất nhiều bạn gái nói với tôi là: chính trị là việc của các ông. Riêng tôi thấy ai cũng có bổn phận và nhiệm vụ như nhau. Tôi không thấy khác biệt về khả năng giữa nam và nữ, sự khác biệt có chăng là sự nhạy cảm ở mức độ khác nhau trước một số vấn đề!

Có sự hiện diện của phụ nữ, có lẽ nét dịu dàng, tính nhân nại sẽ làm cho tổ chức bớt sơ cứng và các đường lối, chính sách thêm phần thực tiễn. Và lại phụ nữ còn có một trực giác thường là nhạy bén và một quả tim dễ rung động hơn nam giới. Tôi cũng thông cảm khi các bạn gái than là đã làm việc quá nhiều không có thì giờ quan tâm đến các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, v.v... nhưng ở trên đời đâu phải chỉ có những người đó. Hơn một nửa dân số Việt Nam là phụ nữ cơ mà. Riêng ở hải ngoại này, số phụ nữ Việt Nam có kiến thức nếu kết hợp nhau lại thành một lực lượng, tôi tin rằng lực lượng ấy sẽ mạnh vô cùng. Phải có bàn, có cãi, có góp ý, có giải quyết được mâu thuẫn thì đầu dây mối nhợ mới được gỡ ra. Tất cả những việc ấy tại sao người phụ nữ lại chọn đúng ngoài?

Và lại vấn đề đơn giản quá. Ai cũng có khả năng suy nghĩ, đánh giá các sự kiện, nếu những suy nghĩ, đánh giá có khác nhau thì lại càng là dịp để tìm hiểu bàn cãi vấn đề sâu xa hơn. Nhất là tại hải ngoại, người phụ nữ cũng được học, cũng ra ngoài chen vai thích cánh cùng nam giới trong mọi ngành nghề, thì có sợ gì những thảo luận, những đóng góp ý kiến. Nhìn ra các nước dân chủ tây phương - như Canada chẳng hạn - tỷ lệ phụ nữ rất cao trong chính trường và họ hoạt động đắc lực y như những đồng nghiệp nam giới. Nhân loại đang chuẩn bị bước vào thế kỷ thứ 21, tôi hy vọng phụ nữ Việt Nam sẽ đóng góp phần mình vào tương lai của đất nước thông qua những nghiên cứu về văn hoá, chính trị, xã hội... trên những mặt báo như Thông Luận.

Hôm nay Thông Luận bước vào năm thứ 10, tuy không lâu lắm so với một số những tờ báo khác, nhưng cũng đánh dấu được một chặng đường của lịch sử Việt Nam. Những gì Thông Luận đề cập đến đa số đã được chứng minh qua thực tế. Điều ấy nâng cao tinh thần của anh em. Tuy nhiên, cái mà Thông Luận cần là làm sao phổ cập được đến đại đa số quần chúng. Cho đến nay, những "va chạm" đã

xảy ra giữa một số người và Thông Luận chẳng qua là sự hiểu lầm hoặc chỉ vì nghe người này người khác nói - mà có người chưa hề thấy, chưa hề đọc Thông Luận bao giờ - hoặc do một số người với mục đích xấu cố ý xuyên tạc những đường lối rất ôn hòa của nhóm chủ trương.

Năm thứ 10 của Thông Luận cũng có một yếu tố có thể nói là dịp may cho tờ báo là ba thành viên của nhóm đã chuyển sang công tác tại Hoa Kỳ. Sự kiện này cho phép hy vọng sẽ mang lại một luồng gió mới đến cho tương lai của tờ báo. Dĩ nhiên, hiện nay còn quá sớm để đánh giá tình hình, nhưng đây là dịp để những thành viên ấy tháo gỡ được một số khúc mắc, những hiểu lầm và mong rằng trong một tương lai không xa, Thông Luận sẽ chiếm được cảm tình của quần chúng tại Bắc Mỹ.

Trước khi chúng tôi rời nước Pháp, một vị thầy cũ, một nhà ngoại giao lão thành của Việt Nam Cộng Hòa đã dặn dò những lời tâm huyết về sự bảo trọng cần có trong một môi trường vừa lạ lẫm, vừa rất khác với Paris. Và khi vừa đến nơi này, lạ nước lạ cái, ngoài những lời thăm hỏi của bạn bè, một vị thầy khác, một cựu khoa trưởng một đại học lớn của Sài Gòn năm xưa cũng đã gọi đến, đã nhắn nhủ, chỉ bảo cho một số những kinh nghiệm mà phải là những người tại chỗ mới biết được. Điều ấy cho phép chúng tôi tin tưởng rằng những việc làm của mình được các vị tiền bối và bạn bè khắp nơi chia sẻ, quan tâm.

Giờ đây, xa Paris, nhìn lại những ngày qua thấy biết bao việc đáng lẽ nên làm mà chưa làm được và cũng biết bao nhiêu việc không nên mà đã làm! Mong rằng nếu có dịp làm lại thì sử dụng được những kinh nghiệm mà thời gian qua đã dạy cho mình. Chỉ bức một nỗi là trong khi bao nhiêu người Việt hướng về đất nước với một tấm lòng rất chân thật, rất trong sáng thì nhà cầm quyền lại nhìn những người ấy như những kẻ thù: ở trong nước thì bắt bớ, giam cầm mà ở ngoài thì nghi kỵ và nhất là nay lại có tin đồn những người dính líu đến những sinh hoạt chính trị sẽ không được về nước. Thái độ ấy của nhà cầm quyền lại càng cho thấy sự yếu kém của nhà nước, một nhà nước sợ ngay công dân của chính mình!

Trong buổi bắt đầu của một năm mới, của cuộc sống mới, nơi đất mới, chúng tôi

hy vọng cũng sẽ gặp được những bạn bè mới, những chí hữu mới để lại được cùng nhau làm việc, cùng nhau suy nghĩ về một tương lai chung cho đất nước thân yêu. Từ những ngày đầu, một vị đàn anh đã ủng hộ tờ báo ngay ngày còn chập chững đã động viên chúng tôi rằng *trong hai năm tới, muốn tìm 100 người tại Hoa Kỳ quan tâm đến vấn đề đất nước không phải là điều không thể thực hiện được*. Hy vọng thay!

Thông Luận làm nhân chứng cho những biến chuyển lịch sử và cũng cố gắng tác động lên lịch sử. Vai trò ấy đã được chứng minh trong mười năm qua và sẽ còn được chứng minh trong những ngày sắp tới. Chúng tôi chỉ mong là Thông Luận sẽ là chứng nhân cho những *biến chuyển có lợi* cho đất nước Việt Nam, cho người Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại!

Miền Bắc Cali, 12-96  
**Quản Mỹ Lan**

\* Cơ Sở Tư Tưởng là tiền thân của Thủ Thách và Hy Vọng, một dự án chính trị cho Việt Nam. TT&HV được ra mắt độc giả năm 1996 tại Paris.

### *Giới thiệu sách*

\* *Đôi điều suy nghĩ của một công dân, Hà Sĩ Phu*, 1993, 60 tr., giá 30 FF

\* *Chia tay ý thức hệ*, Hà Sĩ Phu, 1995, 100 tr., giá 50 FF

\* *Quan điểm và cuộc sống*, Nguyễn Hộ, 1994, 50 tr., giá 40 FF

\* *Những người kháng chiến cũ - Lý tưởng và thực tế*, Đỗ Trung Hiếu, 1995, 112 tr., 75 FF

\* *Hồ sơ Thống nhất Phật Giáo*, Thích Quảng Độ & Đỗ Trung Hiếu, 1994, 76 tr., 50 FF

\* *Mẹ đầu gối* (thơ), Bùi Minh Quốc, 1994, 60 tr., 40 FF

Các tác phẩm trên đã được nhà xuất bản **TIN** phát hành.

Địa chỉ liên lạc:  
54, avenue Léon-Blum  
92 160 ANTONY - FRANCE

# CHỌN ĐƯỜNG TIẾN CHO CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Ngọc Hiệp

Từ khi Việt Nam đổi mới và ban hành Luật Đầu tư Nước ngoài (1987), phát triển công nghiệp Việt Nam hầu như dựa hoàn toàn vào đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phía Việt Nam chỉ có lao động và quyền sử dụng đất. Phía nước ngoài góp vốn đầu tư, thiết bị máy móc, kỹ thuật và công nghệ. Hàng năm số dự án cũng như trị giá đầu tư nước ngoài tăng đều, và luôn luôn năm này tăng nhanh hơn năm trước. Mặc dù bên ngoài có vẻ tốt đẹp, bên trong công nghiệp Việt Nam không có gì đáng tự hào và lạc quan. Chúng tôi đã có dịp trình bày vai trò đầu tư nước ngoài trong công nghiệp hóa Việt Nam (Thông Luận số 97). Ở đây chúng tôi chỉ nhắc lại rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài không giúp Việt Nam xây dựng công nghiệp trên một cơ sở đúng đắn và bền vững. Cho tới nay, tuyệt đại đa số đầu tư nước ngoài không chủ trương hoạt động sản xuất lâu dài ở Việt Nam, nhất là trong lãnh vực công nghiệp. Chẳng thế mà kết quả cuộc thăm dò ý kiến (tháng 5, 1996) giới doanh nhân Úc, Nhật Bản và Hàn quốc do hai tạp chí Asia Business News và Far Eastern Economic Review thực hiện để xem quốc gia nào có nhiều cơ hội đầu tư tốt nhất đã xếp Việt Nam vào hạng chót. Bởi vậy dù Việt Nam là một thị trường lớn (dân số Việt Nam 75 triệu đứng hàng thứ 13 trên thế giới) chúng ta không ngạc nhiên khi thấy mới sau có 8 năm khai thác thị trường đầu tư trực tiếp nước ngoài có chiều hướng chậm lại trong năm 1996.

Công nghiệp Việt Nam dựa vào đầu tư trực tiếp nước ngoài nhưng doanh nhân nước ngoài lại đầu tư vào khách sạn và cao ốc nhiều hơn vào công nghiệp biến chế và sản xuất. Đó là một dấu hiệu không tốt. Ngoài ra đầu tư nước ngoài không có hướng dẫn, không được điều tiết. Tất nhiên như vậy công nghiệp Việt Nam gặp nhiều trở ngại khó khăn.

Yêu cầu chuyển đổi công nghiệp Việt Nam để tìm đường tiến đã quá rõ. Từ khoảng một năm nay, chính quyền Việt Nam tìm hướng chuyển đổi công nghiệp, thí dụ:

- Chính phủ Việt Nam đã quyết định (số 186 TT/ngày 28-3-1996) thành lập một loạt những tổng công ty, trong đó có 23 tổng công ty đặc biệt (tổng công ty xi măng, tổng công ty cà phê, tổng công ty thuốc lá, tổng công ty dệt may Việt Nam (Vinatex), tổng công ty hóa chất Việt Nam (Vinachem),...

- Dự định sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài với mục đích hướng dẫn và điều tiết đầu tư để thu lợi ích kinh tế cao hơn và cũng để tránh tình trạng doanh nghiệp nước ngoài chèn đè doanh nghiệp trong nước (thí dụ dự án là xuất khẩu nhưng thực tế hàng bán luôn trong nước).

- Dự thảo Luật Thương mại, tuy không có hy vọng hoàn tất năm nay, nhưng là một bộ phận quan trọng ảnh hưởng tới sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa. Tháng 7-1996 vừa qua, Quốc hội Việt Nam đã mời một phái đoàn luật gia Hoa Kỳ sang Việt Nam để tham khảo về vấn đề này.

- Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (số 2374/UB-KCX ngày 24-10-1995) về chuyển đổi các khu chế xuất thành khu công nghiệp. Như vậy công nghiệp hướng về xuất khẩu không còn ưu tiên nữa để nhường bớt chỗ cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bán trong nước.

Tất nhiên những chuyển đổi vá vúi hoặc lẻ tẻ, nặng về hình thức hoặc thiếu cốt lõi như vừa nêu, không đủ để sự nghiệp công nghiệp-hiện đại hóa Việt Nam được bền vững và tốt đẹp. Chuyển

đổi có hiệu quả không, con đường chọn lựa để đưa công nghiệp đi lên có đúng đắn không tùy thuộc vào cách trả lời hai câu hỏi căn bản là:

1. Vì đâu mà công nghiệp Việt Nam cần phải chuyển đổi để tìm con đường đi lên?

2. Chuyển đổi những gì? Chuyển đổi theo chiều hướng nào?

## 1. Yêu cầu chuyển đổi công nghiệp Việt Nam

Trước khi Việt Nam đổi mới, công nghiệp Việt Nam thua lỗ, lạc hậu không hiệu quả, có phẩm chất rất thấp. Từ khi Việt Nam mở cửa và đón tiếp đầu tư trực tiếp nước ngoài, công nghiệp Việt Nam có tiến nhiều về lượng, bớt lỗ lã, bớt lạc hậu và có hiệu quả hơn trước. Nhưng con đường công nghiệp hóa-hiện đại hóa còn dài. Và không những thế, trong khuôn khổ nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa, cách thức công nghiệp hóa đã khiến công nghiệp Việt Nam vương phải nhiều bệnh mới và tật khác. Quan trọng hơn hết là:

### Công nghiệp hoạt động hỗn loạn

Bởi đầu tư nước ngoài thả nổi và do công nghiệp Việt Nam hầu như không có vốn, không thiết bị, không kỹ thuật, không công nghệ, nên từ lúc có Luật Đầu tư nước ngoài tới nay, công nghiệp Việt Nam đã phải dựa vào tư bản nước ngoài để hoạt động. Nét đặc biệt của sự hợp tác giữa công nghiệp Việt Nam với tư bản nước ngoài là phía Việt Nam bừa bãi, giành giật, lòng vòng trong khi phía nước ngoài có chủ đích, đầu tư vào Việt Nam có giai đoạn và có kế hoạch. Vài thí dụ sau đây cho thấy công nghiệp Việt Nam hoạt động hỗn loạn, không tiên liệu, thiếu bền vững:

- Ngành lâm sản và biến chế gỗ sau vài năm đầu phát triển rầm rộ và mau chóng, nay đã cạn kiệt một cách âm thầm.

- Trong ngành cao su, cao su bán với giá thấp hơn cao su cùng loại của các nước khác trong vùng bởi có tới 70 nhà xuất khẩu tranh giành khách hàng nước ngoài trong khi số đầu mối mua trên thị trường thế giới chỉ ít và lại tập trung.

- Về công nghiệp hóa chất, sản xuất hóa chất cơ bản-phân bón-thuốc trừ sâu khó khăn và thiếu thốn. Còn hàng tiêu dùng thì phát triển quá nhiều, điển hình là bột giặt. Phía Việt Nam thi đua liên doanh với nước ngoài khiến khả năng sản xuất bột giặt cao hơn nhu cầu tới 50% (Thời báo Kinh tế Saigon, 6-6-96).

- Ngành may mặc để xuất khẩu thực chất chỉ làm gia công. Khách hàng ngoại quốc cung cấp hầu như tất cả vật liệu. Hiện tượng giành giật khách hàng nước ngoài, xé rào giá gia công là thông thường. Do đó, năm 1996, giá gia công (vốn đã thấp hơn tới 30% so với ngành công nghiệp khác) chỉ bằng 80% năm trước (Thời báo Kinh tế Saigon, 27-6-96).

- Ngành biến chế thủy và hải sản giới hạn trong việc đông lạnh và đóng gói khối lớn. Hiện nay có khoảng 170 nhà đông lạnh thủy và hải sản! Các nhà máy cạnh tranh thu mua thủy hải sản khiến giá nguyên liệu tăng cao trong khi giá xuất khẩu, không thay đổi. Bởi vậy nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ.

- Công nghiệp thuốc lá có lẽ là một trong vài ngành công nghiệp phát triển rất nhanh, bình quân 23% mỗi năm. Tuy vậy, tất cả các cơ sở liên doanh là cơ sở lớn nhất luôn luôn khai báo thua lỗ. Hiện nay có 5 hãng nước ngoài (Rothmans of Pall Mall, Philip Morris, British American Tobacco, Carraras và Sampoena)



hoạt động ở Việt Nam. Thuốc lá không phải là hàng được khuyến khích sản xuất, tuy nhiên lan tràn khắp nơi. Thậm chí, cấp quận, huyện cũng xây nhà máy riêng (Thời báo Kinh tế Saigon, 23-5-96).

### Công nghiệp rời rạc, lỏng lẻo, không có nền tảng

Từ khi kinh tế Việt Nam mở cửa và giao thương với nước ngoài, giới trách nhiệm các ngành nghề công nghiệp Việt Nam cũng như thành phần lãnh đạo điều hành các doanh nghiệp sản xuất chú trọng chạy đua làm giàu bằng mọi cách và trong bất cứ hoạt động kinh tế sản xuất hoặc thương mại nào. Công nghiệp Việt Nam không có định hướng, hoạt động không có kết nối, hỗ trợ. Hậu quả là thiếu sức, thiếu điều kiện để gây dựng nền tảng tối thiểu cần thiết. Gây dựng vốn đầu tư, sử dụng vốn có hiệu quả, tiếp nhận kỹ thuật hiện đại, đào tạo lao động chuyên môn, mở rộng chuyển giao công nghệ... bị bỏ quên, trở thành không quan trọng. Bởi vậy mới xuất hiện những vấn đề và khó khăn sau đây:

- Vốn bị phân tán, chẳng hạn, Công ty Thép Miền Nam (SSC) đi vào kinh doanh khách sạn và địa ốc; công ty thủy hải sản Seaprodex đi vào hoạt động xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ban lãnh đạo các công ty rải vốn để thu lợi mau, không chăm lo xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ban lãnh đạo các công ty rải vốn để thu lợi mau, không chăm lo xây dựng nền tảng. Tình trạng chung là kỹ thuật lạc hậu, thiết bị thiếu kém, chuyển giao công nghệ thua thiệt hoặc không có (điều cuối này xảy ra với hầu hết các trường hợp liên doanh với nước ngoài).

- Phạm vi sản xuất biến chế của đại đa số các cơ sở công nghiệp rất giới hạn, thu hẹp. Ngành may mặc xuất khẩu chỉ làm gia công, ngành biến chế thủy và hải sản chỉ là đông lạnh khối lớn thủy và hải sản làm nguyên liệu cho các nhà máy nước ngoài. Ngành thuốc lá thuần túy làm việc cuốn gói thuốc lá nhập khẩu (trị giá 29 triệu USD năm 1995). Ngành cao su sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu thô latex (60% cao su+40% nước) vì công nghiệp biến chế cao su latex chưa phát triển trong nước. Có một số cơ sở sản xuất găng tay y tế nhưng chưa đạt tiêu chuẩn an toàn, chưa nói đến tiêu chuẩn vệ sinh.

- Các doanh nghiệp công nghiệp không tích lũy đủ vốn để nâng cấp thiết bị, kỹ thuật và công nghệ tăng cường thiết bị, phát huy chuyên môn, mở rộng hoạt động... ngõ hầu thực hiện nhiều khâu sản xuất hơn, nâng cao trị giá gia tăng của sản phẩm. Thiếu vốn cả dài lẫn ngắn hạn là tình trạng chung của tất cả các đơn vị sản xuất công nghiệp Việt Nam, từ tổng công ty tới doanh nghiệp nhỏ (các tổng công ty hiện đang vận động để được quyền lập ngân hàng đi kiếm vốn !)

- Về chuyển giao công nghệ, điều khó tin nhưng có thật là hầu hết khoảng 70% hợp đồng chuyển giao công nghệ (trên khoảng 1400 dự án liên doanh) là do đối tác nước ngoài soạn thảo, sau đó dịch ra tiếng Việt (Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 30-5-96). Thông thường, thời gian các hợp đồng chuyển giao công nghệ là 5-7 năm là đủ. Nhưng ở Việt Nam thời gian các hợp đồng lại dài tới 10 năm, có khi bằng thời gian của dự án đầu tư (tức 20-30 năm !). Có vài trường hợp, luật áp dụng chuyển giao công nghệ lại là luật của nước ngoài !

- Việt Nam đông dân nên có thừa khả năng cung cấp cho khu vực công nghiệp một số lượng lao động đông đảo. Tuy nhiên tình trạng thiếu nhân lực có tay nghề là tình trạng chung của tất cả các cơ sở công nghiệp Việt Nam. Trình độ hiểu biết và khả năng chuyên môn của lao động trong mọi khu vực sản xuất công nghiệp đều thấp kém. Theo Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh

thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội Việt Nam thì chỉ có 10% công nhân được đào tạo.

- Riêng tại Saigon là trung tâm sản xuất công nghiệp Việt Nam thì thiết bị, kỹ thuật và công nghệ của các ngành được xếp hạng (Saigon Times, số 223, 13-01-96) như sau:

Nghề dệt: 85% lỗi thời, 15 hiện đại.

Điện và cơ khí: 74% lỗi thời, 15% trung bình, 11% hiện đại.

Điện tử: lắp ráp bằng tay; lắp ráp tự động hầu như không có.

Nghề giấy: 68% lỗi thời, 22% trung bình, 10% hiện đại.

Cao su: 70% lỗi thời, 30% hiện đại.

Nhựa dẻo: 40% lỗi thời, 30% trung bình, 30% hiện đại.

Hóa chất: 70% lỗi thời, 30% hiện đại.

### Công nghiệp còn yếu, cấu trúc không lành mạnh

Số lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể gây ý nghĩ coi đó là bàn đạp giúp công nghiệp Việt Nam phát triển tốt đẹp trong những năm tới. Nhìn sâu và đi vào dữ kiện thì quan điểm đó không đúng vững. Như chúng tôi đã có dịp đề cập vào một lần trước, trong 9 năm vừa qua đầu tư trực tiếp nước ngoài đã không giúp nâng cao phần của công nghiệp trong tổng sản lượng nội địa (GDP), nó chỉ giúp tăng trong phần dịch vụ. Năm 1986, công nghiệp chiếm 33% tổng sản lượng nội địa, năm 1990 tụt xuống còn 24%, năm 1994 tăng lên 26%, năm 1995 chiếm 26,5%, nhưng vẫn thấp hơn trước khi có đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo số liệu của Bộ Kế Hoạch và Đầu tư tính tới cuối tháng 6-1996, tổng số vốn đầu tư các dự án công nghiệp sản xuất biến chế là 5695 triệu USD (so với 6680 triệu USD cho các dự án khách sạn, địa ốc và cơ sở du lịch-giải trí, 6725 triệu USD cho các loại dự án còn lại). Bộ Kế hoạch và Đầu tư không phổ biến số vốn đầu tư thực sự trong từng ngành, nhưng theo ước tính riêng của chúng tôi thì vốn đầu tư thực sự trong công nghiệp sản xuất biến chế khoảng 1,6 tỷ USD (25% trị giá vốn các dự án).

Hiện nay những tổng công ty công nghiệp biến chế lớn nhất Việt Nam là:

Tổng công ty	Vốn (tỷ VND)	Lao động (người)
Dệt may	3.504	97.740
Cao su	2.527	188.000
Xi măng	1.870	8.760
Sắt thép	1.500	19.400
Thủy sản	1.139	?
Thuốc lá	1.094	6.380
Giấy	890	5.640
Vật tư nông nghiệp	680	1.670

Các tổng công ty dệt may, cao su, thủy sản và thuốc lá có vốn tổng cộng là 8300 tỷ VNĐ so với 4490 tỷ VNĐ cho 4 tổng công ty kia. Như vừa nêu ở phần trên, ngành dệt may, cao su, thủy sản và thuốc lá thực chất là làm gia công, không có sự hỗ trợ của những ngành sản xuất các tư liệu cần thiết để tạo trị giá gia tăng. Tình trạng công nghiệp Việt Nam như vậy thì không có lý do gì để lạc quan về tương lai công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

### II. Chuyển đổi gì và theo hướng nào ?

Những điều đã dẫn ở trên gợi ý phần nào cho câu trả lời câu hỏi chuyển đổi những gì trong công nghiệp Việt Nam và theo hướng nào. Sau đây là vài chuyển đổi rất cần:

### Chấm dứt công nghiệp làm gia công

Các hoạt động sản xuất nặng về làm gia công cần sớm chấm dứt để từng bước đi vào công nghiệp biến chế thực sự, tạo trị giá gia tăng càng cao càng tốt. Tất nhiên, không thể thực hiện điều này trong mọi ngành, mọi nghề cùng một lúc. Trái lại, cần lập ra bản kê khai các sản xuất công nghiệp cần chuyển đổi xếp theo thứ tự ưu tiên trước sau và dựa trên một sự cân nhắc đúng đắn những lợi hại, khả năng thực hiện, triển vọng thành công, mức độ hiệu quả ngắn hạn và lâu dài của sự chuyển đổi.

### Chấm dứt tình trạng các doanh nghiệp mở rộng hoạt động bừa bãi

Các cơ sở công nghiệp có khả năng bành trướng thì đi vào con đường hoạt động sản xuất có tánh cách tổng hợp (integrated production). Hiện nay có rất nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp trong một ngành nào đó lại đi vào hoạt động trong những lãnh vực hoàn toàn xa lạ chỉ vì muốn bám cơ hội thu lợi mau chóng trước mắt. Ví dụ doanh nghiệp may mặc xuất khẩu đi vào xây dựng cầu đường, doanh nghiệp biến chế gỗ đi vào dịch vụ du lịch giải trí, doanh nghiệp sản xuất thép đi vào ngành khách sạn... Kiểu hoạt động này làm vốn đầu tư bị phân tán, không đạt hiệu suất cao nhất. Đúng trên phương diện yêu cầu công nghiệp hóa-hiện đại hóa của cả nước, tức là thực hiện một mạng lưới sản xuất có kết nối, bổ túc hỗ tương, thì cách hoạt động công nghiệp hiện thời không thuận lợi cho đường hướng ấy. Trái lại nó còn cản trở việc xây dựng một nền công nghiệp mở mang, phong phú và đi lên.

### Xét lại quyết định thành lập các tổng công ty

Trên nguyên tắc, thiết lập các tổng công ty hay tập đoàn kinh tế có thể là quyết định tốt. Nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam theo kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa thì việc thành lập hàng loạt các tổng công ty thể hiện sự lùi bước để trở về phần nào với phương thức kế hoạch hóa tập trung, để phù hợp với chủ ý dành 60% tổng sản lượng nội địa cho khu vực nhà nước.

Xét quyết định thành lập các tổng công ty dưới một khía cạnh khác, phải chăng chính quyền Việt Nam nghĩ rằng đó là giải pháp để tránh hoạt động phân tán và bừa bãi, cạnh tranh lộn xộn và không lành mạnh (xé rào lương bổng, cung nhiều hơn cầu, cung lẻ tẻ trong khi cầu tập trung). Quyết định ấy thực chất là một quyết định hành chính nên không có hy vọng khắc phục được các vướng mắc trong lòng công nghiệp Việt Nam. Ngoài ra còn có nguy cơ đưa tệ nạn bàn giấy nặng nề vào trong công nghiệp sản xuất. Có nhiều triển vọng là sự chen đua bừa bãi sẽ tiếp diễn, ở cấp bậc cao hơn giữa các tổng công ty và có thể gay gắt hơn.

### Phát triển sản xuất công nghiệp hướng về xuất khẩu

Công nghiệp Việt Nam cần tập trung nỗ lực phát triển 5 khu vực sản xuất chủ yếu sau đây: 1. công nghiệp hướng về xuất khẩu; 2. công nghiệp thay thế nhập khẩu, 3. công nghiệp hỗ trợ cho xây dựng ngành giao thông vận chuyển, 4. công nghiệp sản xuất tư liệu cho ngành viễn thông-điện tử-tin học và 5. công nghiệp có khả năng thu dụng nhiều lao động.

Hiện nay khu vực công nghiệp hướng về xuất khẩu của Việt Nam có gì phải nói? Thứ nhất, các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài (liên doanh hoặc 100% nước ngoài) hoàn toàn không hướng về xuất khẩu. Các cơ sở này nhập nhiều hơn xuất: năm 1995, nhập khẩu 1,3 tỷ USD, xuất khẩu 300 triệu USD; trong 5 tháng đầu 1996, nhập khẩu 800 triệu USD, xuất khẩu 210 triệu USD. Ngoài

ra chúng chỉ đóng góp khoảng 5-7% vào tổng kim ngạch xuất khẩu. Thứ nhì, thành phần hàng công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu gồm có hàng may mặc, thủy hải sản đông lạnh, cao su latex, giày dép. Như đã nêu ở phần trên, những sản phẩm này hầu như không có biến chế, không có trị giá gia tăng, chỉ có gia công.

### Cán cân thương mại (tỷ USD)

	1994	1995	5 tháng đầu 1996
<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>	4,05	5,22	2,39
-Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	0,19	0,30	0,21
- Doanh nghiệp Việt Nam	3,86	4,92	2,18
- Hàng may mặc	0,554	0,70	0,265
- Thủy hải sản đông lạnh	0,551	0,620	0,245
- Cao su latex	0,130	0,160	0,057
- Giày dép	0,208	0,250	?
<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>	5,83	7,51	4,28
- Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	0,70	1,30	0,80
- Doanh nghiệp Việt Nam	5,13	6,21	3,48

### Cải thiện công nghiệp thay thế xuất khẩu

So sánh với sản xuất công nghiệp hướng về xuất khẩu thì, nhìn tổng quát, sản xuất công nghiệp để thay thế nhập khẩu khá hơn. Đi vào chi tiết thì chúng ta có thể chia làm hai loại: loại thứ nhất sản xuất hàng tiêu dùng tăng trưởng nhanh như thuốc lá, bột giặt, rượu bia-nước giải khát, dược phẩm; loại thứ hai phát triển chậm như tư liệu cần thiết cho các hoạt động khác (xi măng, phân bón, hóa chất, sắt xây dựng) hoặc nguyên liệu, phụ liệu dùng để sản xuất hàng có trị giá gia tăng nhiều hơn (như hóa dầu cần cho biến chế cao su để có thêm trị giá gia tăng; hóa chất giúp sản xuất da thuộc, da giả, vải bạt có phẩm chất cao để ngành giày không bị giới hạn làm gia công...).

Nói về công nghiệp thay thế nhập khẩu loại thứ nhất thì sự thực cũng không thay thế nhập khẩu nhiều bởi phần lớn làm gia công cũng nguyên liệu nhập khẩu. Ngành quan trọng như dược phẩm cũng không hơn các ngành kia trong việc thay thế nhập khẩu. Thực vậy trong khoảng thời gian 4 năm, từ 1990 đến 1994, dược phẩm sản xuất trong nước tăng 160%, nhưng dược phẩm nhập khẩu vẫn tăng tới 120%.

Về công nghiệp thay thế nhập khẩu loại thứ nhì thì mức độ phát triển hãy còn rất thấp. Những gì cần thiết để công nghiệp hóa, hiện đại hóa phần lớn hãy còn ở mức dự án, từ phân bón, hóa chất cần bản tối thiểu, xi măng. Nhập khẩu thép năm 1995 là 800.000 tấn, 640.000 tấn trong 5 tháng đầu 1996. Nhập khẩu xi măng năm 1995 tăng hơn gấp đôi so với 1994 và trong 5 tháng đầu 1996 đã lên tới 2/3 nhập khẩu của cả năm 1995. Rõ ràng là đối với các loại hàng vừa kể không có nỗ lực thay thế nhập khẩu.

### Gây dựng công nghiệp hỗ trợ cho ngành giao thông vận tải

Nước ta có bờ biển dài (3200 km), địa thế trải từ nam tới bắc (1700km) nên sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa rất gắn bó với trình độ mở mang của ngành giao thông vận chuyển. Nói chung, quan trọng hơn hết là vận chuyển đường biển, rồi tới

đường bộ, đường sắt, sau mới tới đường hàng không. Bởi vậy tất cả các ngành nghề công nghiệp hỗ trợ cho giao thông vận chuyển cần được đặc biệt quan tâm. Thí dụ như thép, xi măng, hóa dầu và hóa chất (đồng thời cũng là công nghiệp thay thế nhập khẩu như đã nêu ở trên), gạch, gỗ, ván, vật dụng và phụ liệu... dùng để xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông vận chuyển. Ngành lắp ráp và sản xuất xe tải, xe bus, xe kéo, nghề sản xuất container, sắm lớp phủ loại, một số phụ tùng thay thế thông dụng... để có phương tiện vận chuyển phong phú cũng rất quan trọng.

Cũng như các ngành khác, công nghiệp hỗ trợ giao thông vận chuyển phát triển hỗn độn, thiếu hoạch định. Xét theo các tiêu chuẩn là nhu cầu phát triển công nghiệp bền vững, thời hạn tối thiểu để hoàn tất một dự án sản xuất, thời gian cần thiết để hoạt động trưởng thành thì chúng ta thấy tương đối ngành lắp ráp và sản xuất ô tô đi sớm và tiến nhanh trong khi các hoạt động khác trễ, đi vào sản xuất chậm hoặc còn là dự án.

Gần đây có dấu hiệu Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế mới chú trọng tới mở mang cầu đường, hải cảng, sân bay, khu chế xuất, khu công nghiệp ... Nhưng tiếc thay ngành công nghiệp hỗ trợ tất cả các dự án này vẫn chưa sẵn sàng làm gạch nối để tiếp tay thực hiện tốt đẹp, hiệu quả cao nhất và ít tốn kém nhất các công trình đề ra.

#### **Tạo lập công nghiệp sản xuất tư liệu cho ngành viễn thông-điện tử-tin học**

Nét đặc biệt của ngành này là có thị trường rất rộng, nhịp độ tăng trưởng nhanh, hoàn vốn tương đối không lâu. Đồng thời đó cũng là ngành sử dụng công nghệ cao, đưa công nghiệp của bất cứ nước nào lên trình độ hiện đại, tiên tiến. Bởi vậy khu vực sản xuất này cũng cần được khuyến khích. Hiện nay Việt Nam không có một cơ sở nào có tầm vóc trong lãnh vực sản xuất tư liệu cao ngành viễn thông-điện tử-tin học, và cũng không có đường hướng thực tế, hoạch định rõ ràng cho ngành này.

#### **Phát triển công nghiệp thu dụng nhiều lao động**

Dân số Việt Nam đứng thứ mười ba trên thế giới. Nước ta có một khối lao động đông đảo (hơn 40 triệu người trong tuổi lao động). Ngoài ra hàng năm khối lao động tăng thêm khoảng 1,1 triệu người. Do đó thu dụng nhiều lao động cần phải là một tiêu chuẩn chính trong sự chọn lựa các ngành nghề công nghiệp nên khuyến khích. Những hoạt động sản xuất thu dụng nhiều lao động mà đồng thời thỏa mãn tiêu chuẩn khác như dệt may, giày dép ... (hướng về xuất khẩu), đồ điện gia dụng và giải trí (thay thế nhập khẩu hoặc hướng về xuất khẩu...) cần được phát triển ưu tiên.

#### **III. Làm sao bảo đảm chuyển đổi công nghiệp có kết quả**

Trả lời câu hỏi chuyển đổi gì và theo hướng nào tất nhiên không đủ để mong có kết quả tốt. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước đòi hỏi một số điều kiện tối thiểu, một vài phương tiện không có không được. Những điều kiện và phương tiện đó là: vốn, nhân lực và công nghệ.

Xét vấn đề công nghiệp hóa-hiện đại hóa dưới các khía cạnh vốn, nhân lực và công nghệ thì không thể lạc quan được. Chúng tôi đã có dịp đề cập vấn đề vốn rồi, nên ở đây chỉ thêm rằng kiểu phát triển công nghiệp mà Việt Nam theo đuổi (hỗn loạn, phân tán, gia công) đã không cho phép các doanh nghiệp lớn hoặc nhỏ tạo dựng và tích lũy vốn đầu tư riêng. Vốn từ thị trường tiền gửi ngân hàng cũng thiếu trầm trọng. Hiển nhiên công nghiệp hóa-

hiện đại hóa đất nước không dễ dàng.

Về nhân lực thì còn quá nghèo nàn, thiếu thốn tuy nước ta có khối lao động đông đảo. Dân Việt dù có cần cù và thông minh, nhưng nếu không được đào tạo, huấn luyện thì con đường công nghiệp hóa-hiện đại hóa còn dài tới chân trời. Ngành sản xuất giày dép và hàng gia dụng 110.000 lao động, xuất khẩu 250 triệu USD năm 1995, tập trung 60% trên địa phận Saigon. Tuy vậy tại đây không có một cơ sở đào tạo nghề đa xúng đáng (Thời báo Kinh tế Saigon, 7-12-1995). Một thí dụ khác về tình trạng thiếu nhân lực thạo nghề là các khu chế xuất chỉ tuyển dụng được 40% lao động cần thiết. Theo một bài báo của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam đăng trong báo Nhân Dân (1-5-1996), 70% lao động khi bước chân vào nhà máy vẫn chưa bao giờ được đào tạo tại các trung tâm dạy nghề. Số lao động học mò và học mót như sau: 13% tự học, 10% học theo cha mẹ hay anh em và 14% học lật vật tại nơi làm việc trước (kết quả điều tra thực hiện bởi Sở Văn hóa Thông tin và Viện Khoa học Xã hội Saigon).

Công nghệ là một khâu rất quan trọng để đưa kinh tế Việt Nam lên hàng hiện đại, tiên tiến. Giống như vấn đề nhân lực, thực trạng công nghệ Việt Nam đáng báo động. Nước ta chưa có một chương trình tìm kiếm, đánh giá, thẩm định, chọn lựa và tiếp thu công nghệ. Bằng chứng là thực trạng các hợp đồng chuyển giao công nghệ rất thua thiệt mà chúng tôi đã nêu ở trên. Năm 1966, ngân sách nhà nước dành có khoảng 5 triệu USD để phát triển công nghệ.

Công nghiệp Việt Nam hiện đang tiếp cận và thu nhận lung tung nhiều loại công nghệ của nhiều nước khác nhau. Chúng tôi nghi đó không phải là điều tốt và ngại rằng xảy ra tình trạng tương tự với lao động-nhân lực, tức là công nghệ nhập vào Việt Nam phong phú nhưng am hiểu và năng lực của Việt Nam về công nghệ lại thấp kém.

#### **IV. Lời kết từ kinh nghiệm Trung Quốc**

Công nghiệp Việt Nam phát triển theo con đường giống Trung Quốc, tuy có khác ở vài điểm (trong đó có: vốn tích lũy đầu tư trong nước ở Trung Quốc là 35% GDP, ở Việt Nam chưa tới 10-11%; đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc phần lớn là của 55 triệu người Hoa sống ngoài Trung Quốc, ở Đài Loan, Tân Gia Ba, Hồng Kông, Mã Lai ...).

Tựa như Trung Quốc, điều cần nói lên nhất là công nghiệp Việt Nam hoạt động sản xuất và kinh doanh trên cơ sở một sự chia chác quyền lợi kinh tế và cơ hội làm giàu giữa các miền các vùng, giữa các quyền lực cơ quan nhà nước, giữa các thành phần tổ chức Đảng, quân đội, công an, đảng bộ các thành phố, phe đổi mới; phe thủ cựu, phe Nam, phe Bắc, bộ này bộ nọ tranh giành làm giàu, kinh doanh, sản xuất. Tình trạng này đã đưa tới một hình thức "địa phương hóa" quyền lực khiến công nghiệp Việt Nam (và những hoạt động kinh tế khác) phát triển hỗn loạn, phân tán, lòng vòng, không lành mạnh, thiếu hiệu quả. Ở Việt Nam có rất nhiều trung tâm quyền lực kinh tế chỉ chú trọng thi đua làm giàu, ít quan tâm tới phát triển công nghệ bền vững, không cân nhắc lợi ích kinh tế lâu dài và không chăm lo gây dựng nền tảng công nghiệp (mở rộng hạ tầng cơ sở, hiện đại hóa thiết bị máy móc, tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới, đào tạo nhân lực thạo nghề). Đây là một vướng mắc đáng kể cản trở việc thực hiện sự chuyển đổi công nghiệp Việt Nam và các điều kiện không có không được để công nghiệp Việt Nam được lành mạnh và đi lên một cách bền vững.

Nguyễn Ngọc Hiệp

# THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

## Bắc Kinh làm trò hề bầu cử ở Hương Cảng

Như dự trù, ngày 11-12-1996 Bắc Kinh đã "bầu" ông Đổng Kiến Hoa vào chức thống đốc Hương Cảng thay thế thống đốc cuối cùng người Anh, ông Chris Patten, và 60 đại biểu vào Hội Đồng Lập Pháp (Legco). Đổng Kiến Hoa được 80% phiếu của 400 "đại biểu" do Bắc Kinh chỉ định trước đó. Số phiếu còn lại được chia cho ông thẩm phán Dương Thiết Lương (42 phiếu) và nhà tài phiệt Ngô Quang Chính (36 phiếu). Một tuần sau đó, ông Hoa sang Bắc Kinh để nhận lễ tấn phong của Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Tiền Kỳ Tham.

Ngày 19-12, 400 "đại biểu" được Bắc Kinh triệu tập ở khu đặc biệt Thẩm Quyên, thuộc tỉnh Quảng Đông, để tiếp tục làm điều mà ông Patten cho là một "trò hề quái gở", nghĩa là chọn 60 đại biểu vào Hội Đồng Lập Pháp trong số 130 người đã được tuyển chọn trong số 400 "đại biểu" nói trên. Điều đáng chú ý là cuộc bầu cử này được Bắc Kinh tổ chức ở lục địa thay vì Hương Cảng và các thành viên của Bắc Kinh đưa ra bị thất cử trong cuộc bầu cử phiếu hồi tháng 9-1995 được "vớt" vào Hội Đồng Lập Pháp mới. Ngược lại các thành viên của Đảng Dân Chủ thắng cử trong năm 1995 đều bị loại.

Như vậy ngày nay Hương Cảng có hai Hội Đồng Lập Pháp hoạt động song song cho đến ngày 1-7-1997. Điều này hoàn toàn trái ngược với đạo luật cơ bản mà Bắc Kinh đã ký. Trước tình trạng này, chính phủ Anh hăm dọa sẽ kiện Bắc Kinh trước tòa án quốc tế La Haye. Tuy nhiên người ta không chắc là Anh Quốc sẽ làm việc này vì quyền lợi của họ ở Hương Cảng còn nhiều và doanh nhân Anh cũng chẳng tha thiết gì tới vấn đề dân chủ của Hương Cảng. Chỉ có lãnh tụ Đảng Dân Chủ Lý Triệu Minh cho ngày 19-12 là ngày đen tối nhất của Hương Cảng.

## Ông Nguyễn Hữu Thọ đã chết

Ông Nguyễn Hữu Thọ, một trong những người mà tên tuổi được nhắc đến nhiều nhất trong chiến tranh Việt Nam, đã từ trần ngày 24-12-1996, hưởng thọ 86 tuổi.

Ông Thọ bắt đầu được thế giới biết đến từ năm 1960 sau khi ông lên làm chủ tịch

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Trước đó ông đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam nhưng đã trốn thoát. Nguyễn Hữu Thọ được trình bày như một người không cộng sản đã thành lập một mặt trận, MTGPMN, để vùng lên chống lại chế độ hà khắc của Ngô Đình Diệm. Sự thực là ông Thọ đã là đảng viên đảng cộng sản từ 1945 theo như tiểu sử của ông được đảng cộng sản công bố sau này. Ông Nguyễn Hữu Thọ cũng như hai nhân vật khác là Huỳnh Tấn Phát và Nguyễn Thị Bình, đều đã dối trá về lý lịch của mình, họ đều tự xưng là "không cộng sản" trong khi họ là những đảng viên cộng sản kỳ cựu. Riêng bà Bình, hiện là phó chủ tịch nhà nước cộng sản, còn để cho dư luận hiểu bà là con gái ông Nguyễn An Ninh, điều này cũng không đúng.

Năm 1969, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, được đảng cộng sản đổi tên thành "Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam", ông Thọ trở thành chủ tịch của "nước cộng hòa" đó. Ngay sau chiến thắng của quân cộng sản năm 1975, Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam bị dẹp bỏ một cách không nề nang, ông Thọ được phong một chức vụ hình thức khác là phó chủ tịch quốc hội, rồi phó chủ tịch thứ nhì của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều không ngờ là ông Nguyễn Lương Bằng, phó chủ tịch nhà nước thứ nhất, đã chết trước ông Tôn Đức Thắng cho nên khi ông Tôn Đức Thắng chết ông Thọ trở thành quyền chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Dù chức vụ chủ tịch nước lúc đó hoàn toàn hình thức, nhưng việc ông Nguyễn Hữu Thọ lên làm chủ tịch vẫn là chuyện không dự tính nên không thể kéo dài. Ngay Đại Hội VI sau đó ông Thọ mất chức. Một thời gian sau ông được cử làm chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, rồi nghỉ hưu vì tuổi già, nhường chỗ cho ông Lê Quang Đạo. Ông đã yếu bệnh trong một thời gian khá dài trước khi mất.

Cuộc đời ông Nguyễn Hữu Thọ có điểm rất đặc biệt không có nhân vật nào có được trong suốt lịch sử Việt Nam và có lẽ trong cả lịch sử thế giới. Ông suốt đời làm bù nhìn và đã giữ rất nhiều chức vụ bù nhìn hào nhoáng không thực chất. Ông làm chủ tịch Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, một tổ chức chỉ có tên trên giấy tờ do đảng cộng sản vẽ ra, rồi lại làm chủ tịch "Cộng Hòa Miền Nam Việt

Nam" cùng vô nghĩa không kém, ông làm phó chủ tịch quốc hội bù nhìn, ông kết thúc sự nghiệp của mình bằng chức vụ chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, một trò bịp bợm nhạt nhẽo kéo dài quá lâu của đảng cộng sản. Tất cả đều là những tổ chức được dàn dựng, giả tạo. Ngay cả khi ông làm "quyền" chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, một chức vụ có chút thực chất ông cũng vẫn là một bù nhìn ngoan ngoãn. Làm hình nộm cho người khác giật dây sai khiến hình như là bản chất của con người ông. Nguyễn Hữu Thọ tỏ ra rất hài lòng với những danh vọng hào và số phận bù nhìn ấy. Cho đến cuối đời ông mới thấy buồn cho sự nghiệp của mình, ông tâm sự với bà Dương Quỳnh Hoa: "Chúng ta chỉ là những đồ trang sức rẻ tiền".

## Buôn lậu: chưa có thuốc chữa

Năm 1995, lực lượng chống buôn lậu đã phát hiện gần 90.000 vụ buôn lậu, thu giữ hơn 700 tỷ đồng hàng hóa và phạt truy thu hơn 20 tỷ đồng. Năm 1996, chỉ trong 9 tháng đầu năm, số hàng buôn lậu bị thu giữ đã lên tới 583 tỷ đồng, tăng 12%. Theo ước tính của cơ quan chống buôn lậu, trị giá hàng hóa bị thu giữ mỗi năm tuy khá lớn nhưng chỉ chiếm 10% con số thực tế.

Tại Việt Nam, buôn lậu diễn ra rất sôi động trên ba tuyến trọng điểm: vùng biên giới phía Bắc, biên giới Tây-Nam và trên biển. Hàng nhập thì có xe hơi, xe gắn máy, hàng điện tử, mỹ phẩm, bia, rượu, nhiều nhất là thuốc lá. Hàng xuất là gạo, gỗ, nông và thủy sản. Hàng có cả xuất lẫn nhập gồm ma túy, vàng, đô-la, rượu bia. Những vùng trọng điểm buôn lậu thường xảy ra mất an ninh trật tự và tệ đoan xã hội phát triển; các cơ quan chức năng (công an, quân đội, hải quan, thuế, UBND...) còn tiếp tay bảo vệ và nuôi dưỡng buôn lậu.

Trong 9 tháng đầu năm 1996, cơ quan truy tố và xét xử xong 1.160 vụ án, trong đó có 300 vụ án tham nhũng, hơn 400 vụ án mua bán và sử dụng ma túy, và 460 vụ án buôn lậu, thu vào ngân sách hàng tỷ đồng. Tuy nhiên so với yêu cầu thì những kết quả trên đây thật vô nghĩa (0,63%), tệ nạn buôn lậu và tham nhũng ngày càng gia tăng, gây thiệt hại không những cho đất nước mà còn hủy hoại thể chất con

# THỜI SỰ... TÌM TỨC... THỜI SỰ...

người.

## Buôn lậu ma túy gia tăng

Theo thống kê của Cục Cảnh Sát Kinh Tế, năm 1991 phát hiện 190 vụ buôn lậu ma túy, thu 323 kg thuốc phiện, 9,5 kg morphine; năm 1992, có 256 vụ bị phát hiện, thu 1.115 kg thuốc phiện, 2,8 kg bạch phiến; năm 1993, trên 250 vụ, tịch thu 1.383 kg thuốc phiện, 10 kg bạch phiến, 100 kg cần sa; năm 1994, 277 vụ, thu 1.049 kg thuốc phiện, 33 kg bạch phiến, 2.137 kg cần sa.

Trong năm 1995 và 7 tháng đầu năm 1996, công an đã khám phá 932 vụ, bắt giữ 1.436 người buôn bán, thu 1.241,8 kg thuốc phiện, 68 kg bạch phiến, 585 kg cần sa, 234 kg ma túy tổng hợp và hàng triệu viên tân dược gây nghiện. Ngoài ra còn phát hiện 2.974 vụ mua bán lẻ ma túy với 6.391 người liên can (tiêm, chích, hút, hít các chất ma túy). So với năm 1994, năm 1995 tỷ lệ khám phá tội phạm ma túy tăng 41% về số vụ sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, và tăng 70% số vụ về tổ chức sử dụng chất ma túy. Trong 7 tháng đầu năm 1996, số vụ phạm tội được phát hiện tăng 15%, riêng số lượng bạch phiến tịch thu tăng 50% so với cả năm 1995. Bạch phiến thường được chuyển từ Thái Lan, Hồng Kông, Macao vào Việt Nam, đôi khi qua các cửa khẩu biên giới Lào và Campuchia.

## Ma túy xâm nhập học đường

Hiện tượng ma túy xâm nhập học đường đang là mối nguy lớn cho tương lai Việt Nam. Số vụ sinh viên, học đường sử dụng, buôn bán ma túy trong học đường đang lan rộng tại khắp các tỉnh thành. Từ 1993 đến tháng 6-1996, cơ quan bài trừ ma túy cho biết đã tịch thu 5.246 kg thuốc phiện, 3.176 kg cần sa, gần 90 kg bạch phiến, hơn 3 triệu viên tân dược gây nghiện (Rohypnol, Seconal, Iménoctal, Binocet, Seduxen...). Cũng nên biết là muốn được một kg bạch phiến (heroin) thì phải chiết xuất từ 100 kg thuốc phiện (nhựa hoa anh túc (pavot)).

Theo thống kê, hiện nay trên toàn quốc có 183.000 người nghiện ma túy. Nếu gộp cả người nghiện và người buôn bán ma túy thì cứ 385 người có một người

nghiện và phạm tội ma túy, chiếm 0,26% dân số. Trong số này 75% con nghiện ma túy là giới trẻ. Những người buôn bán ma túy thường khuyến khích người nghiện ma túy trẻ lôi kéo nhiều bạn bè khác, nhất là con các cán bộ cao cấp và giới buôn bán, để được thưởng. Một người nghiện hút tiêm chích tiêu phí trung bình 1,3 triệu đồng/tháng.

Tại Hà Nội, chỉ trong một tháng (11-1996), công an đã bắt giữ 457 vụ, 1.673 người sử dụng và 151 chủ chứa, thu giữa gần 96 kg thuốc phiện, hơn 1 kg bạch phiến, 193 kg cần sa. Trong 9 tháng đầu năm 1996, công an Hà Nội đã bắt giữ hơn 65 học sinh trung học và 244 sinh viên ở 31 trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và 16 trường trung học phổ thông sử dụng ma túy, trong đó 50 học sinh và 180 sinh viên nghiện nặng.

Tại Lạng Sơn, qua kiểm tra xét nghiệm 284 học sinh của 5 trường trung học phổ thông, các cơ quan chính quyền đã phát hiện 106 em nghiện ma túy. Riêng trường trung học Văn Lăng (Lạng Sơn), qua xét nghiệm 28 học sinh sử dụng ma túy đã có 23 em nghiện nặng.

## Tội phạm hình sự gia tăng

Những năm gần đây, tội phạm hình sự tại Sài Gòn gia tăng một cách đều đặn. Năm 1993, toàn thành phố có 13.254 vụ, năm 1994 tăng lên 14.407 vụ, năm 1995 có 15.268 vụ. Tính đến tháng 10-1996, số vụ đã xấp xỉ 13.000 vụ. Phân loại theo độ tuổi thì 12,5% có số tuổi dưới 17, 70,5% ở lứa tuổi 17-30 và 17% trên 30 tuổi. Đáng chú ý là trẻ em cũng tham gia gây án và đã xảy ra nhiều vụ giết người, cướp của. Về thành phần xã hội, 64,7% vụ án do thành phần bất hảo gây ra, 35,2% do dân thường. Về địa dư, 83,5% là người có hộ khẩu tại Sài Gòn, 8,1% là dân vùng lân cận.

Nguyên nhân các vụ phạm pháp hình sự là nghèo. Chênh lệch giàu nghèo và chạy đua theo vật chất là những nguyên nhân trực tiếp khiến nhiều thanh niên phạm pháp. Cũng vì nghèo nên giáo dục gia đình có bị buông lỏng, trẻ em không ý thức những hậu quả của hành vi trộm cướp. Thêm vào đó, những người đại diện chính quyền thường là những tấm gương xấu trong xã hội để có thể giáo huấn dân chúng sống một đời lương thiện.

Cũng nên biết thêm là từ tháng 1-1995

đến tháng 6-1996, công an cộng sản đã bắt trên 19.000 tội phạm hình sự có lệnh truy nã. Con số này tuy lớn nhưng chỉ tượng trưng cho 10% số tội phạm đang còn lẫn trốn. Những tội phạm này di chuyển khắp nơi, có khi còn vượt biên sang nước khác sinh sống, để tránh bị theo dõi. Đa số thường khai man lý lịch, thay tên đổi họ và giả làm người lương thiện để tiếp tục hành nghề cướp bóc hay lường gạt người lương thiện. Địa bàn hoạt động của những tội phạm là các thành phố lớn, những vùng trọng điểm buôn lậu và các tỉnh miền núi.

## Việt kiều qua phim ảnh

Đạo diễn Đặng Nhật Minh gần đây đã thực nhiều truyện phim có liên quan đến Việt kiều: "Trở về" và gần đây "Thương nhớ đồng quê". Qua các phim mới này, Đặng Nhật Minh mượn hình ảnh Việt kiều như là một chứng nhân về những bất công xã hội đang xảy ra trên đất nước. Sự kiện này không tránh khỏi những chỉ trích gay gắt từ giới lãnh đạo an ninh và văn hóa của đảng cộng sản. Họ đã kích Đặng Nhật Minh đề cao quá đáng sự tốt bụng của người Việt kiều để qua đó bôi nhọ và lên án "người cách mạng".

Ký giả Huyền Vân, báo Công An TP/HCM số ra ngày 23-11-1996, nhận xét: "Các phim Trở về và Thương nhớ quê hương lại tạo ra những nhân vật Việt kiều như cái bóng đi qua đi lại, chẳng có bề dày, chẳng có tính cách gì đặc biệt, chỉ có cái vẻ tử tế, trầm ngâm buồn về đất nước... Họ đến và quan sát y như đi du lịch vậy thôi, có điều trong phim của Đặng Nhật Minh, họ du lịch không mất tiền và du lịch trong tư cách VIP... Họ có mặt vừa để tương phản với thực trạng nhếch nhác, thảm hại, lố lăng của con người trong nước lại vừa để chứng kiến những thực trạng, vừa làm cái cơ cho những thực trạng đó bộc lộ... Nếu không có Việt kiều xem hoặc nghe thì hàng loạt sự việc không có logic xuất hiện".

Ký giả Huyền Vân đặt ra một câu hỏi và tự trả lời: "Vậy biến Việt kiều thành khán giả của đất nước quê hương để làm gì? Thương nhớ đồng quê rồi Trở về chỉ để làm khán giả du lịch trước những đau khổ và thấp kém của quê hương thôi ư? Những người đồng bào có trách nhiệm với quê hương lại chỉ như những ông Tây ba-lô,



# THỜI SỰ... TIN TỨC...

## Thư độc giả

không bằng những nhà đầu tư, những người từ thiện mang dòng máu khác đã đến với Việt Nam như người nhà, người trong cuộc... Rõ ràng hình ảnh những người Việt kiều trong phim *Đặng Nhật Minh* quá thấp về tư tưởng và không xứng đáng tiêu biểu cho hàng vạn bà con Việt kiều lăn lộn nhập cuộc với quê hương...".

Thật khó hiểu! Là Việt kiều thì phải có trách nhiệm với quê hương và phải mang tiền về đầu tư trong nước mà không cần biết ai đã tạo những đau khổ đó. Cũng nên nhắc lại là mỗi năm Việt kiều đã gửi về nước từ 500 đến 700 triệu USD, nếu cộng thêm những khoảng tiền chi tiêu khi về thăm gia đình thì khoảng tiền đó phải hơn một tỷ USD. Mặc dầu vậy chính quyền cộng sản vẫn thích quy lụy người ngoại quốc và khinh khi Việt kiều. Có quốc gia nào tặng không (viện trợ không bồi hoàn) cho Việt Nam một số tiền như vậy mỗi năm không?

### Nông dân Phú Yên đòi nhà đất

Ngày 12-12-1996, nông dân bốn huyện Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An và Đồng Xuân, thị xã Tuy Hòa, làm kiến nghị gửi ĐCSVN và chính phủ đòi lại ruộng đất, nhà cửa đã bị chính quyền tỉnh Phú Yên cướp đoạt.

Được biết từ 1978, theo sự kêu gọi của đảng và chính quyền tỉnh Phú Yên, bà con nông dân bốn huyện nói trên đã góp nhà góp cửa, ruộng đất và công sức thành lập hợp tác xã nông nghiệp làm ăn tập thể. Sau khi luật đất đai được ban hành và có hiệu lực từ ngày 15-10-1993, nông dân bốn huyện kể trên làm đơn đòi lại quyền sở hữu ruộng đất đã góp vào hợp tác xã. Thay vì trả lại nhà cửa, ruộng đất cho nông dân, chính quyền tỉnh Phú Yên giải thể hợp tác xã, hủy hoại hoa màu, chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất cho người khác, dưới danh nghĩa làm khoán 10, và còn bán đất cho người khác để xây nhà.

Từ tháng 10-1993 đến nay, nông dân làm hơn 400 lá đơn khiếu nại gửi đến thị xã, tỉnh và cả trung ương nhưng chỉ được trả lời chung chung: "*Đề nghị các đồng chí xem xét, giải quyết cụ thể theo thẩm quyền, đúng pháp luật qui định, trả lời cho đương sự vào báo cáo lên cấp trên... biết kết quả giải quyết*" hay "*Các đồng chí báo*

*cáo lãnh đạo, xem đồng chí nào được giao xử lý việc này tiếp, hướng dẫn bà con...*".

Có lúc quá tuyệt vọng bà con kéo đến trụ sở UBND tỉnh Phú Yên và thị xã Tuy Hòa biểu tình đòi lại nhà đất thì bị công an, du kích dùng súng điện, roi điện đánh đập, hủy hoại hoa màu; nhiều người bị bắt vì tội "diễn biến hòa bình".

Vụ việc đã kéo dài hơn ba năm nhưng không có giải pháp cụ thể, đại diện bà con nông dân bốn huyện (Tuy Hòa 1, Tuy Hòa 2, Tuy An và Đồng Xuân) nhờ các cơ quan truyền thông Việt Nam hải ngoại lên tiếng bênh vực.

Liên lạc: Ngô Hào, 17/6 đường Nguyễn Trãi, Phường 5, Thị xã Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên - Việt Nam.

### Phế binh trong nước bị đàn áp

Phong trào cứu trợ thương phế binh trong nước từ vài năm nay đã được sự hưởng ứng rộng rãi của cộng đồng người Việt hải ngoại. Số tiền quyên góp tuy không nhiều nhưng cũng đã giúp phần vượt lên những khó khăn thường nhật.

Ngày 31-10-1996 vừa qua, một số anh em phế binh miền Trung đã bị bắt và truy tố ra tòa vì tội "liên lạc với tổ chức phản động hải ngoại". Nhiều người bị quản thúc tại gia, một số anh em khác bị Phòng Bảo Vệ Chính Trị kêu lên thẩm vấn liên tục. Chính quyền cộng sản còn đưa lên truyền hình, trong chương trình An Ninh Tổ Quốc, phiên tòa xử các phế binh để tố cáo các hội đoàn từ thiện hải ngoại, đặc biệt là từ Pháp, là những "tổ chức phản động, lợi dụng nhân quyền để tổ chức về trong nước, thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình". Trái với mong muốn của nhà cầm quyền cộng sản, dân chúng đã xúc động mạnh trước hình ảnh những anh em tàn phế đẩy xe lăn ra trước vành móng ngựa và dành cho các anh em nhiều cảm tình. Mặc dù bị chính quyền cộng sản đàn áp đủ mọi cách, anh em phế binh trong nước cũng gửi được thư ra hải ngoại nhờ các đoàn thể từ thiện Việt Nam và quốc tế lên tiếng bênh vực và che chở.

Liên lạc: Bác sĩ Phan Minh Hiên, 215 avenue Pierre Brossolette, 94170 Le Perreux - France.  
ĐT: (33) 01.43.24.47.64.

### Cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ gay go hơn

Số báo Thông Luận bắt đầu bằng ba chữ số đánh dấu chặng đường chín năm hoạt động và trưởng thành. Nếu là tờ báo chuyên nghiệp, con số 100 không có gì đáng ghi nhận, nhưng với hoàn cảnh vừa làm việc để tạo dựng cuộc sống ở xứ người, vừa nghiên cứu tài liệu, học hỏi lại vừa làm báo; thậm chí còn phải bù lỗ cho tờ báo (Thông Luận số 64, 10/96, tr.5) thì quả là một sự cố gắng lớn lao, không mệt mỏi.

Thông Luận có nét đặc thù riêng là không có mục quảng cáo cho các cơ sở kinh doanh và là tờ báo thuần túy chính trị nên số lượng độc giả ở ngoài nước gia tăng rất ít theo thời gian, Thông Luận chỉ tồn tại được nhờ sự đóng góp của các độc giả và đã phải chấp nhận những khó khăn không nhỏ trong suốt thời gian dài và trước mắt cũng chưa giải quyết được. Tuy vậy, có thể nói, cùng với những tờ báo khác ở hải ngoại, Thông Luận đã góp phần tích cực vào công cuộc vận động dân chủ ở trong nước. Các tác giả của những bài viết trên Thông Luận hầu hết không có nghề làm báo mà từ các chân trời nghề nghiệp rất khác nhau qui tụ lại với các bài viết rất công phu, nghiêm túc và sâu sắc, và chỉ có mục đích phục vụ chứ không ai nhận tiền nhuận bút. Đó là tâm huyết, là lòng say mê với sự nghiệp dân chủ hóa, với tiền đồ tươi sáng của xứ sở.

Điều cảm nhận của người viết bài này là Thông Luận đem lại cho độc giả một tinh thần lành mạnh, mới mẻ; một nhân quan phóng khoáng, quảng đại. Thông Luận cùng các tổ chức tranh đấu khác ở hải ngoại lên tiếng đấu tranh cho dân chủ, nhưng nét riêng biệt của Thông Luận là lấy hòa giải và hòa hợp dân tộc làm sách lược cho hành động. Có những người, những tổ chức bất đồng quan điểm này, do vô tình hoặc cố ý, cho rằng cụm từ này làm giảm ý chí đấu tranh nên không thể chấp nhận, có người cho rằng chỉ nên đặt ra ở giai đoạn sau khi dân chủ đã thắng lợi, ít người khác lại nói rằng hòa giải và hòa hợp dân tộc là đi kèm với cộng sản... Với thời gian, cụm từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc" và Thông Luận được sự ủng hộ mạnh mẽ của những người dân chủ trong cùng như ngoài nước có quá khứ từ mọi phía mà

một phần không nhỏ đã có thời gian phục vụ cho đảng cộng sản. Đó chính là sự được lòng người chứ không phải một sự lừa dối, phỉnh phờ hoặc một chiêu bài để đạt mục đích bất lương; đó cũng chính là sự nhận biết người khác bằng trái tim chân thành của Thông Luận chứ không phải là thủ đoạn chia rẽ con người để phân hóa đảng cộng sản. Về vấn đề này, gần đây đối lập dân chủ trong nước Bảo Cự còn đi xa hơn nữa, ông cho biết tập thể những người trong tổ chức đảng cộng sản có nhận thức rất khác nhau và cần tìm một con đường cho những người còn thiết tha với tương lai của dân tộc đến với dân chủ. Như thế là hòa giải và hòa hợp dân tộc không chỉ cần thiết cho các tôn giáo, các sắc tộc, các địa phương... do quá khứ lịch sử để lại mà hòa giải và hòa hợp dân tộc còn rất cần thiết cho những người có quá khứ khác nhau về chính kiến trên tình anh em, nghĩa đồng bào ruột thịt mà theo cách nói hàm hồ của một số người thì đó là hòa giải và hòa hợp với cộng sản; nhưng đây là một thực tế. Nhắc lại điều này người viết không có ý bênh vực Thông Luận mà chỉ để cùng nhau nhìn lại quan điểm riêng của Thông Luận đã được thử thách với thời gian gần chục năm qua.

Có thể nói phần lớn bài viết trên Thông Luận, và gần đây là Dự án chính trị Thủ Thách và Hy Vọng đem lại một giá trị tinh thần đặc biệt, làm thay đổi cách nhìn mà tưởng như đã bắt rễ sâu trong tiềm thức khó lòng thay đổi. Một ví dụ đó là việc kinh doanh và tham chính. Hai việc này xã hội Việt Nam luôn có ác cảm cho rằng ai làm những việc này đều là gian manh, bất hảo. Dưới chế độ cộng sản, người kinh doanh không có chỗ đứng trong xã hội vì bị coi là giai cấp bóc lột; những người buôn bán nhỏ bị nhà cầm quyền tước lột đã phải bằng mọi phương kế của đời để tồn tại, họ phải tự làm mất đi quyền sống cơ bản chính họ để rồi bị mang tiếng là những kẻ xấu xa. Còn nhà cầm quyền trong chính thể cộng sản không do dân tự do lựa chọn, họ tồn tại và thăng tiến nhờ những ngón gian trá, xảo quyệt; người lương thiện và có lòng tự trọng đều không thể chấp nhận lối sống đó. Do đó ta thấy dư luận không phải là không có lý, đó là ý kiến của nhân chúng trung thành trong chế độ độc tài. Dự án chính trị Thủ Thách và Hy Vọng, trái lại, dựa trên nền dân chủ pháp trị mà đưa ra những đề nghị có cơ sở thuyết phục, tạo cơ hội cho những người làm kinh doanh và chính trị làm việc lương thiện, họ có chỗ đứng ngang nhau

với bất cứ người làm nghề nghiệp nào khác; xã hội mở rộng của cho tài năng nảy nở, phát huy và nghiêm trị những hành vi có hại; một khi con người sống chỉ dựa trên việc làm lương thiện thì tự nhiên xã hội tôn trọng và khi mọi người trong xã hội đều làm việc chính đáng thì mọi quan hệ con người cũng tự nhiên trở nên tốt đẹp. Đọc tài liệu của Thông Luận, chắc chắn mỗi độc giả đều nhận thấy vai trò hữu ích của mình trong chế độ dân chủ đa nguyên mà không ngại ngần tham gia vào công việc chung của đất nước, hay nói khác đi là tham gia làm chính trị.

Tuy vậy, nhìn lại chặng đường đã vượt qua, Thông Luận cũng có những vấp vấp, khiếm khuyết. Ở vào năm 1992, Thông Luận vận động xuống đường đòi dân chủ trong nước quả là một sai lầm khi đánh giá cán cân lực lượng. Chiến dịch đã không thực hiện được và không thể hiện được lúc bấy giờ. Nhưng một chiến dịch xuống đường, theo quan điểm người viết bài này, trong tương lai vẫn là cần thiết. Bằng nhiều cách chúng ta vận động, tuyên truyền ở trong nước để toàn dân, nhất là giới sinh viên, học sinh nhận thấy tự do dân chủ là con đường dẫn đến hạnh phúc cho mỗi người và cho toàn xã hội mà tập hợp lực lượng để quyết tâm tranh đấu cho được. Các độc giả Thông Luận ở nước ngoài cũng nên tạo mọi cơ hội về thăm quê hương để tuyên truyền vận động, tạo lập cơ sở để một khi điều kiện cho phép, giành thắng lợi quyết định cho dân chủ.

Đất nước ta đã trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, ở mỗi giai đoạn lại có những nhân tố tích cực nảy nở, giai đoạn hiện nay cũng không ra ngoài quy luật ấy. Trong điều kiện bị bưng bít thông tin, bị đàn áp khủng bố, người dân trong nước gặp rất nhiều trở ngại để có thể hiểu biết và hành động; sự ra đời của các tổ chức cứu nước ở hải ngoại là niềm tự hào của mỗi người Việt Nam; sự dũng cảm chấp nhận hy sinh vì lợi ích chung của những người dân chủ trong nước gây lòng cảm phục không những chỉ cho người Việt Nam mà còn đối với bạn bè quốc tế. Dù chỉ đạt được thắng lợi ban đầu của sự nghiệp tranh đấu cho dân chủ, các độc giả và thân hữu Thông Luận có quyền tự hào chính đáng là đã góp phần nhỏ bé của mình. Thời gian tới đây cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ gay go hơn, quyết liệt hơn nhưng ngày thắng lợi cũng sẽ đến gần hơn; chúng ta hãy cùng nhau ngọt bùi chia sẻ vì những giá trị tinh thần, vì tự do dân

chủ và tiền đồ tươi đẹp của Tổ Quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

**Phạm Ngọc Trường (Tours)**



### **Ăn cướp giữa ban ngày**

Trong chuyến về thăm Việt Nam hồi tháng 11 vừa qua, có một chuyện tôi muốn nhờ báo Thông Luận lên tiếng bênh vực những người nghèo khó đang sống trong nước. Đó là chuyện công an ăn cướp của dân giữa ban ngày.

Đang đi trên đường Nguyễn Đình Chiểu (quận 3, Sài Gòn), khoảng 10 giờ sáng, bỗng nhiên tôi thấy nhiều người buôn bán trên vỉa hè vội vàng cuốn hàng hóa cất giấu. Cách đó không xa, từ bốn chiếc xe cây nhiều toán công an nhảy xuống chụp kéo những người buôn bán chậm chân, hốt bàn ghế, hàng hóa ném lên xe, gây cảnh hỗn loạn cả khu vực. Tiếng khóc than, chửi bới vang lên khắp nơi.

Có một điều lạ là cùng cách đó vài thước, một số người bán hàng trên vỉa hè đứng nhìn một cách điềm nhiên. Sau đó nửa tiếng, các toán công an nhảy hết lên xe, bắt theo vài người cùng với hàng hóa. Tôi đứng lại hỏi một người bán hàng: "Ừ, tại sao anh không sợ công an tịch thu hàng?". Người đó trả lời: "Cho tui nó ăn tiền rồi thì làm sao dám đụng tới tui? Chỉ những người vốn ít không dám cho nó ăn mới bị". Tôi hỏi thêm: "Bàn ghế và hàng hóa tịch thu có được trả lại không?". Người kia nói: "Làm gì có chuyện trả lại. Nếu bàn ghế còn tốt tui nó lấy xài, còn hàng hóa thì tui nó chia nhau xài hay bán lại cho người khác. Nói chung chỉ những người ít vốn mới bị. Tui tui chỉ rộng rãi mới được yên thân đó".

Nhìn kỹ lại, tôi thấy anh bán hàng kia nói đúng. Chỉ những người bán hàng ít vốn mới bị vì không chỉ cho công an tiền mãi lộ. Trên một khoảng đường dài gần 20 mét, có khoảng 12 điểm bán, chỉ có 6 điểm bán được các toán công an chiếu cố, 8 điểm kia vẫn bày bán y nguyên. Hỏi ra mới biết, ở những nơi khác cũng xảy ra tình trạng y như vậy. Không thấy ai làm biên bản gì cả, chỉ những người nào không chịu để công an lấy hàng mới bị bắt theo, số còn lại chấp nhận mất hàng để không bị lôi lên xe. Theo tôi đây là ăn cướp chứ không phải áp dụng luật. Thật là trái tai gai mắt! Chỉ những người nghèo trong xã hội mới này mới bị thiệt thòi. Bất công ỏi là bất công!

**Nguyễn Đình (Créteil)**

## Mục lục

2. Thư đầu năm  
**Vũ Thiện Hân**
4. Thông Luận lên mười  
**Phạm Ngọc Lân**
7. Tự sự cuối năm  
**Tiêu Dao Bảo Cự**
8. Tu tại tù  
**Huỳnh Hùng**
- 13.Đầu năm xuất hiện hướng nào?  
**Bùi Tín**
- 15.Ba nguy cơ lớn nhất đe dọa  
tương lai dân Việt Nam  
**Tôn Thất Thiện**
- 17.Đọc báo *Người Sài Gòn*
- 20.Thử bàn tiếp tinh thần HGHHDT  
**Tôn Thất Long**
- 22.Khi lịch sử chất vấn  
**Nguyễn Gia Kiểng**
- 26.Thư gửi Tạp chí cộng sản  
**Trần Ngọc Sơn**
- 28.Bài học đa nguyên dân chủ của  
nhà giáo Khổng Tử  
**Trần Thanh Hiệp**
- 30.Khi phách kẻ sĩ Phan Khôi  
**Đặng Ứng Hà**
- 32.Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản...  
**Vương Sĩ**
- 34.Bản chất của sự vận động lịch sử  
**Võ Xuân Minh**
- 36.Lấy lại niềm tin  
**Nguyễn Hữu Thư**
- 38....Mười năm ấy, biết bao nhiêu tình.  
**Quản Mỹ Lan**
- 40.Chọn đường tiến cho  
công nghiệp Việt Nam  
**Nguyễn Ngọc Hiệp**
- 44.Thời sự tin tức
- 46.Thư độc giả
- 48.Một đêm rất thân ái  
**Nguyễn Văn Huy**

Đêm văn nghệ 28-12-1996 tại Lognes (ngoại ô Paris)

## Một đêm rất thân ái

"Những ngày xưa thân ái" là một câu không đúng. Ngày xưa, trong chiến tranh Phạm Văn Mai và Lê Năm Sơn không thân ái chút nào. Mai là một hạ sĩ quan của Sư Đoàn 304 quân đội miền Bắc, một sư đoàn rất tinh nhuệ đã từng nổi tiếng tại Điện Biên Phủ và trên chiến trường miền Trung sau này; đại đội của Mai đã là đơn vị đầu tiên ủi sập cổng Dinh Độc Lập nhận sự đầu hàng của tướng Dương Văn Minh, Mai có mặt tại đó trong giờ phút đó. Sơn là thiếu úy thuộc Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến, đơn vị mạnh nhất của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Trong một trận đánh giữa Sư Đoàn 304 và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến năm 1972, Mai trúng một mảnh pháo 105 ly cho đến nay vết thương chưa lành hẳn, trước mặt là đơn vị của Sơn và Sơn là trung đội trưởng pháo binh. Rất có thể chính Sơn đã bắn quả pháo gây thương tích cho Mai. Sau đó Mai đắc thắng tiến vào Sài Gòn, còn Sơn phải chịu số phận của một tù binh. Nhưng ngày nay họ gặp nhau, lập một cặp song ca và hát bài "Những ngày xưa thân ái" trong đêm văn nghệ gây quỹ của Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt và Hội Măng Non, trước gần một ngàn khán giả vui mừng và xúc động.

Kiều Hưng là một sự xúc động khác. Người ca sĩ tài ba này đã từng nổi tiếng trên khắp miền Bắc. Giọng ca của anh đặc biệt đến nỗi để thực hiện một CD-ROM về những bản nhạc thời 1945, Phạm Duy đã phải bay sang Đức tìm cho bằng được Kiều Hưng. "Chỉ có giọng hát Kiều Hưng mới diễn tả nổi những bản nhạc đó", theo lời Phạm Duy. Đêm nay Kiều Hưng lên sân khấu hai lần, đầu và cuối chương trình, hát hai bài do anh sáng tác, một bài quan họ miền Bắc và tác phẩm bất hủ "Dư âm" của Nguyễn Văn Tý. Tiếng hát Kiều Hưng đêm nay báo hiệu một biến cố mới, một giọng ca lớn vừa có mặt tại hải ngoại. Kiều Hưng sẽ hát, sẽ hát nhiều và cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ mau chóng quen thuộc với anh.

Quang Minh từ Hòa Lan qua cũng là một thanh niên miền Bắc. Rất trẻ nhưng rất chuyên nghiệp. Giọng ca của Quang Minh được nhiều người đánh giá một cách thân quen là "dữ dội" vì nó mạnh một cách lạ thường. Quang Minh yêu ánh đèn sân khấu, hiện diện một cách thật tự nhiên trước một khối khán giả đông đảo, trình diễn với cả tiếng hát lẫn cơ thể, khán giả bị lôi cuốn hoàn toàn vào tiếng hát để rồi bưng tỉnh trong những tràng pháo tay say ngất. Quang Minh sẽ là và thực ra đã là một ca sĩ lớn.

Cặp Kim Tuấn - Bạch Thảo vẫn như thế, nghĩa là vẫn tuyệt vời, vẫn làm say mê khán giả như mỗi lần họ xuất hiện. Đôi vợ chồng trẻ này tuy là ca sĩ tài tử (Kim Tuấn chuyên về tin học, Bạch Thảo là giáo viên) nhưng lại rất điêu luyện. Họ hát và mê hát từ tuổi thơ, họ được huấn luyện để hát một cách có phương pháp ngay từ đầu qua những ban nhạc giáo đường. Cả Kim Tuấn lẫn Bạch Thảo đều là những ca sĩ thượng thặng nếu họ chọn nghề hát. Tiếng hát Kim Tuấn ấm, mạnh và dồn dập như dòng thác lớn; tiếng hát Bạch Thảo trong như pha lê và ngọt ngào như một tình yêu. Hai bài hát của họ cống hiến cho khán giả những giây phút hân hoan, hình ảnh của họ là hình ảnh của hạnh phúc và sự trong sáng.

Sự ngạc nhiên lớn nhất là do ban hợp ca thanh niên vùng Marne La Vallée. Tuy mới chỉ xuất hiện lần thứ hai trước một cử tọa đông đảo, nhóm thanh niên này - sinh viên hoặc vừa tốt nghiệp đại học - đã hát rất vững, rất hay, rất tự nhiên và cũng rất nghệ thuật. Sau một bản hợp ca đặc sắc, ba thanh nữ trong nhóm đã trình bày ba điệu dân ca Nam Trung Bắc một cách rất thành công, mặc dầu họ đều lớn lên tại hải ngoại, một số chưa hề nhìn thấy đất nước Việt Nam vì sinh ra tại Lào. Sự ngạc nhiên và cảm động này đã khiến cho họ được tưởng thưởng những tràng pháo tay nồng nhiệt nhất.

Hai chị em Bích Ly, Bích Thủy và các học trò của họ mở đầu chương trình bằng một hòa tấu đàn tranh đã khiến cho đêm văn nghệ có không khí tung bừng và thành công ngay từ lúc mở màn. Các học trò, từ tám đến hai mươi tuổi, đều đã học đàn ít nhất từ bốn năm, trung bình tám năm. Đàn nhạc đàn tranh Bích Ly là một giá trị vững vàng. Tuổi trẻ và duyên dáng, hai chị em Bích Ly - Bích Thủy đã được sự tín nhiệm đặc biệt của cộng đồng người Việt vùng Marne La Vallée. Lốp học của họ không những chỉ là chỗ học nhạc mà còn là một nơi gặp gỡ của văn hóa và phong cách Việt Nam tại vùng này. Cũng không thể quên các cháu của hội Măng Non, các cháu đã hát và múa rất nghệ thuật.

Đêm văn nghệ gây quỹ giúp thiếu nhi nghèo khó và các tù nhân lương tâm tại Việt Nam đã là một thành công trọn vẹn. Gần tám trăm khán giả, một con số kỷ lục, đã nhận ra điều đó, trong một đêm rất thân ái.

Nguyễn Văn Huy